

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Viet Nam Information and Communication Technology

2011

White Book
2011



THÔNG TIN VÀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Information and Data on Information and Communication Technology

VIETNAM 2011





TS. LÊ DOÃN HỢP

Trong mười năm qua, công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam đã và đang có những bước phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước, trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời là hạ tầng kỹ thuật, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Chính phủ Việt Nam luôn đặc biệt quan tâm và dành nhiều ưu đãi để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển lĩnh vực này.

Sách trắng CNTT-TT Việt Nam kể từ khi phát hành lần đầu tiên năm 2009 đến nay đã nhận được sự quan tâm và đánh giá cao của cộng đồng CNTT-TT trong và ngoài nước. Tiếp theo thành công của Sách trắng CNTT-TT Việt Nam trong hai năm vừa qua, Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin và Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, các Sở Thông tin và Truyền thông, các hiệp hội, doanh nghiệp CNTT-TT trên cả nước thu thập và tổng hợp thông tin để xây dựng Sách trắng CNTT-TT Việt Nam 2011.

Với mục đích cung cấp bức tranh toàn cảnh và sát thực nhất về hiện trạng phát triển của ngành CNTT-TT Việt Nam, Sách trắng CNTT-TT 2011 được bổ sung thêm các nội dung đánh giá tổng kết sự phát triển của CNTT-TT trong 10 năm thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 17/10/2000 và giới thiệu về Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2010. Đề án được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển CNTT-TT trong giai đoạn tới. Ngoài ra, Sách trắng CNTT-TT 2011 còn có các báo cáo phân tích, đánh giá tình hình phát triển của từng lĩnh vực cụ thể về công nghiệp CNTT, bưu chính, ứng dụng CNTT, nguồn nhân lực CNTT, Hợp tác quốc tế và các văn bản pháp luật về CNTT-TT. Hy vọng những thông tin này sẽ là nền tảng để các cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu xây dựng chính sách, và là tài liệu tham khảo quan trọng cho các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạch định chiến lược kinh doanh, tìm kiếm cơ hội đầu tư và hợp tác trong lĩnh vực CNTT-TT tại Việt Nam.

Ban Chỉ đạo quốc gia về CNTT và Bộ Thông tin và Truyền thông xin cảm ơn các cơ quan, đơn vị liên quan, các hiệp hội, doanh nghiệp CNTT-TT trên cả nước, đặc biệt là Tổng cục Thống kê-Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Hải quan-Bộ Tài chính, và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hỗ trợ, cung cấp thông tin, số liệu và đóng góp cho việc biên soạn và phát hành tài liệu này. Chúng tôi rất mong được tiếp tục nhận những ý kiến đóng góp của Quý vị để đợt phát hành lần tiếp theo, nội dung tài liệu sẽ phong phú và hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thông tin về tình hình phát triển CNTT-TT nước nhà.

Trân trọng,

TS. LÊ DOÃN HỢP

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
Phó Trưởng ban thường trực BCD quốc gia về CNTT



Dr. LE DOAN HOP

For the last 10 years, Viet Nam ICT sector has been developing rapidly, playing an increasingly important role in national economy, contributing to the national security and defence, emerging as a spearhead economic sector as well as an infrastructure and a driving force for the socio-economic development of the country. The Vietnamese Government always pays a special attention and provides favourable conditions and incentives to promote the development of the sector.

Since the first release in 2009, the annual Viet Nam ICT White Book has received the attention and appreciation of the ICT communities in Viet Nam and abroad. Following the success of the book over the last 2 years, the National Steering Committee on ICT and The Ministry of Information and Communications in conjunction with other Ministries, Provincial Departments of Information and Communications, Professional Associations and other relevant agencies to collect information and statistical data, have greatly improved both outline and content of this 2011 release.

Aiming at providing an overall view of Viet Nam ICT landscape, the assessment of 10 year implementation of Directive No. 58 of the Politburo and the introduction of the National Strategy on Transforming Viet Nam into an advanced ICT country, which was approved by the Prime Minister in September 2010, are also included. The Strategy is considered as the key direction that represents the political determination of the Vietnamese Government for the avocation of ICT in the coming period. Besides the information and data like in previous releases, the 2011 White Book comprises of reports on specific areas, including IT industry, Posts, IT applications, Human resources development, International Cooperation, and legal frameworks. It is expected that the book would be useful for authorities in making policies and for organizations and enterprises, both domestic and foreign, in setting up their business strategies as well as seeking for cooperation and investment opportunities in Viet Nam ICT market.

The National Steering Committee on ICT and The Ministry of Information and Communications would like to express their sincere thanks to ICT organizations, associations, and enterprises; especially the General Statistics Office-Ministry of Planning and Investment, the General Directorate of Customs-Ministry of Finance, and the Ministry of Education and Training for their valuable support and cooperation. We welcome all feedbacks and comments to improve this White Book in order to contribute effectively toward the development of Viet Nam ICT sector.

Sincerely,

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters, followed by a long horizontal line extending to the right.

Dr. LE DOAN HOP

Minister of Information and Communications
Standing Vice-Chairman of NSCICT

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	4
Mục lục	6
I TIÊU ĐIỂM	13
1 Đánh giá 10 năm thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa”	14
2 Giới thiệu về Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và TT”	16
II HỆ THỐNG TỔ CHỨC VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	21
1 Sơ đồ tổ chức công nghệ thông tin và truyền thông quốc gia	22
2 Ban chỉ đạo quốc gia về Công nghệ thông tin	22
2.1 Cơ cấu tổ chức	22
2.2 Chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo quốc gia về Công nghệ thông tin	24
3 Bộ Thông tin và Truyền thông	24
3.1 Sơ đồ tổ chức Bộ Thông tin và Truyền thông	24
3.2 Chức năng nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông	26
III CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG	31
1 Điện thoại cố định	32
1.1 Số thuê bao điện thoại cố định	32
1.2 Số thuê bao điện thoại cố định / 100 dân	32
1.3 Số hộ gia đình có thuê bao điện thoại cố định / 100 hộ gia đình	32
2 Điện thoại di động	32
2.1 Số thuê bao điện thoại di động	32
2.2 Số thuê bao điện thoại di động / 100 dân	32
2.3 Số thuê bao điện thoại di động sử dụng dịch vụ mạng 3G có phát sinh lưu lượng	32
3 Internet	34
3.1 Số lượng người sử dụng Internet	34
3.2 Số người sử dụng Internet / 100 dân	34
3.3 Số thuê bao Internet băng rộng (xDSL, CATV, Leaseline)	34
3.4 Số thuê bao Internet băng rộng / 100 dân	34
3.5 Số thuê bao xDSL đối tượng cá nhân	34
3.6 Số hộ gia đình có kết nối Internet/ 100 hộ gia đình	34
3.7 Bảng thông kênh kết nối quốc tế (bit/s) / 01 người sử dụng Internet	34
3.8 Số tên miền .vn đã đăng ký	34
3.9 Số địa chỉ Internet (IPv4) đã cấp	34
3.10 Số địa chỉ Internet (IPv6) đã cấp quy đổi theo đơn vị/64	34
4 Máy vi tính / Thiết bị truyền thông đa phương tiện	34
4.1 Số lượng máy vi tính cá nhân để bàn, xách tay (ước tính)	34
4.2 Số máy vi tính cá nhân/ 100 dân	34
4.3 Số hộ gia đình có máy vi tính / 100 hộ gia đình	34
4.4 Số hộ gia đình có máy thu hình màu / 100 hộ gia đình	34
4.5 Số hộ gia đình có sử dụng truyền hình cáp, truyền hình kỹ thuật số, vệ tinh / 100 hộ gia đình	34
5 Mạng lưới Bưu chính công cộng	36
5.1 Số lượng điểm phục vụ bưu chính	36
5.2 Bán kính phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (km)	36
5.3 Số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (người)	36

CONTENTS

Introduction Letter	5
Content	7
I SPECIAL THEMES	13
1 10 years of implementation of Directive 58-CT/TW of Political Bureau dated 17/10/2000 on “Promoting application and development of information technology for industrialization and modernization”	15
2 Introduction of the National Strategy on “Transforming Viet Nam into an advanced ICT country”	17
II ADMINISTRATIVE ORGANIZATIONS ON ICT	21
1 Governmental organizations on ICT	23
2 National Steering Committee on ICT (NSCICT)	23
2.1 Organizational structure	23
2.2 Main functions of National Steering Committee on ICT	25
3 The Ministry of Information and Communications	25
3.1 Organizational structure	25
3.2 Functions and tasks	27
III INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY INFRASTRUCTURE	31
1 Fixed telephone	33
1.1 Number of fixed telephone subscribers	33
1.2 Fixed telephone subscribers per 100 inhabitants	33
1.3 Households with a fixed telephone line per 100 households	33
2 Mobile telephone	33
2.1 Number of mobile phone subscribers	33
2.2 Mobile phone subscribers per 100 inhabitants	33
2.3 Number of 3G mobile phone subscribers	33
3 Internet	35
3.1 Number of Internet users	35
3.2 Internet users per 100 inhabitants	35
3.3 Number of broadband Internet subscribers (xDSL, CATV, LeaseLine..)	35
3.4 Broadband Internet subscribers per 100 inhabitants	35
3.5 Number of household with Internet access	35
3.6 Households with broadband Internet access at home per 100 households (estimated)	35
3.7 International Internet bandwidth (bit/s) per Internet user	35
3.8 Number of registered .vn domain names	35
3.9 Number of allocated IPv4 addresses	35
3.10 Number of allocated IPv6 addresses (unit/64)	35
4 Personal computer / Multimedia Devices	35
4.1 Number of desktop, laptop computers (estimated)	35
4.2 Personal computers per 100 inhabitants	35
4.3 Households with computers per 100 households	35
4.4 Households with a color television per 100 households	35
4.5 Households with cable/digital/satellite TV per 100 households	35
5 Public postal network	35
5.1 Total number of postal outlets	35
5.2 Average radius per 01 postal outlets (km)	35
5.3 Average number of inhabitants served by a postal outlets (persons)	35

IV	CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG	39
1	Công nghiệp Công nghệ Thông tin	40
	Tình hình phát triển công nghiệp CNTT Việt Nam giai đoạn 2006-2010	40
	1.1 Doanh thu ngành công nghiệp CNTT (Triệu USD)	46
	1.2 Số lao động trong ngành công nghiệp CNTT (người)	46
	1.3 Doanh thu bình quân/1 lao động ngành công nghiệp CNTT (USD/người/năm)	46
	1.4 Mức lương bình quân ngành công nghiệp CNTT (USD/người/năm)	46
	1.5 Xuất nhập khẩu CNTT-TT (USD)	46
2	Viễn thông	48
	2.1 Doanh thu viễn thông (triệu USD)	48
	2.2 Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và internet	48
	2.3 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông	50
	2.4 Thị phần (thuê bao) dịch vụ truy nhập Internet của các doanh nghiệp	50
3	Bưu chính	52
	3.1 Doanh thu ngành Bưu chính (triệu USD)	54
	3.2 Nhân lực ngành Bưu chính	54
	3.3 Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính	54
	3.4 Thị phần các doanh nghiệp tính theo doanh thu	54
4	Các chương trình, dự án phát triển công nghiệp CNTT, Bưu chính, Viễn thông	56
V	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	59
1	Tỷ lệ máy vi tính trên tổng số cán bộ, công chức	62
2	Tỷ lệ máy vi tính có kết nối Internet	62
3	Tỷ lệ các CQNN có Trang/Cổng thông tin điện tử	62
4	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có đơn vị chuyên trách CNTT	62
5	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN, Intranet, Extranet)	62
6	Các dịch vụ công trực tuyến (2010)	62
7	Các chương trình, dự án ứng dụng CNTT/Chính phủ điện tử	64
VI	AN TOÀN THÔNG TIN	67
1	Quản lý an toàn thông tin	68
2	Mức độ áp dụng các giải pháp công nghệ đảm bảo ATTT	68
3	Tỷ lệ các đơn vị nhận biết được có bị tấn công mạng xét theo một số loại tấn công cơ bản	68
VII	NGUỒN NHÂN LỰC	71
1	Tỷ lệ số người trên 15 tuổi biết đọc, viết	74
2	Tỷ lệ số học sinh Tiểu học, THCS và THPT trên Tổng dân số trong độ tuổi 6-17	74
3	Tỷ lệ số sinh viên Đại học, Cao đẳng trên Tổng dân số trong độ tuổi học ĐH, CĐ	74
4	Số trường Đại học, Cao đẳng có đào tạo về CNTT-TT	74
5	Chỉ tiêu tuyển sinh ĐH, CĐ ngành CNTT-TT	76
6	Tỉ lệ tuyển sinh ĐH, CĐ ngành CNTT-TT trên Tổng số tuyển sinh ĐH, CĐ	76
7	Số lượng sinh viên CNTT-TT	76
8	Chương trình, Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT	76

IV	POSTS, TELECOMMUNICATIONS AND INFORMATION TECHNOLOGY INDUSTRY	39
1	Information Technology Industry	41
	Assessment of the development of Viet Nam's IT industry in the period 2006-2010	41
	1.1 IT industry revenue (million USD)	47
	1.2 Total number of employees in IT sector (persons)	47
	1.3 Average of revenue per employee in IT sector (USD/person/year)	47
	1.4 Average wage rate in IT sector (USD/person/year)	47
	1.5 ICT Import - Export (USD)	47
2	Telecommunications	49
	2.1 Telecommunication revenue (million USD)	49
	2.2 Number of telecom, internet service providers	49
	2.3 Market shares (subscribers) of telecom service operators	51
	2.4 Market shares (subscribers) of Internet service providers	51
3	Postal Sector	53
	3.1 Revenue of postal sector (million USD)	55
	3.2 Number of employees in postal sector (persons)	55
	3.3 Total number of postal operators	55
	3.4 Market shares of postal service providers	55
4	National Programs and projects for IT industry development	57
V	INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN STATE AGENCIES	59
1	Ratio of computers over administrative officials	63
2	Ratio of computers with internet access	63
3	Ratio of government agencies with website/portal	63
4	Ratio of government agencies with dedicated IT unit	63
5	Ratio of government agencies with internal network	63
6	Online public service	63
7	IT application/E-Government programs and projects	65
VI	INFORMATION SECURITY	67
1	Information security management	69
2	Percentage of applying technical solutions for information security	69
3	Percentage of organizations that can detect some basics network attacks	69
VII	HUMAN RESOURCES	71
1	Percentage of literate population aged 15 and above	75
2	Ratio of pupils (primary, lower and upper secondary) over population in primary and secondary education age	75
3	Ratio of tertiary students over population in tertiary education age	75
4	Number of universities and colleges offering ICT training	75
5	Quota of IT-related students enrolment	77
6	Ratio of IT-Related students enrolment quota over total students enrolment quota	77
7	Number of ICT – related students in 2010	77
8	Programs, Plans to develop the human resources in ICT	77



TIÊU ĐIỂM

Special Themes



VIII	HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CNTT-TT79
1	Văn bản quy phạm pháp luật về CNTT80
2	Văn bản quy phạm pháp luật về bưu chính80
3.	Văn bản quy phạm pháp luật về viễn thông và internet80
4.	Văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử82
5.	Văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ82
6.	Các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển CNTT-TT84
IX	HỢP TÁC QUỐC TẾ87
1	Thành viên của các tổ chức chuyên ngành quốc tế và khu vực94
1.1	Tham gia với tư cách quốc gia thành viên94
1.2	Tham gia là thành viên của các tổ chức và hiệp hội ngành nghề94
2	Điểm một số sự kiện quốc tế do Việt Nam đăng cai tổ chức96
X	CÁC SỰ KIỆN CNTT-TT TIÊU BIỂU HÀNG NĂM99
XI	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HIỆP HỘI VÀ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VỀ CNTT-TT103
1	Một số hiệp hội nghề nghiệp về CNTT-TT104
2	Một số doanh nghiệp viễn thông và Internet hàng đầu106
2.1	Dịch vụ điện thoại cố định106
2.2	Dịch vụ điện thoại di động106
2.3	Dịch vụ internet106
3	Một số doanh nghiệp bưu chính hàng đầu108
4	Một số doanh nghiệp phần cứng, điện tử hàng đầu110
5	Một số doanh nghiệp phần mềm hàng đầu112
6	Một số doanh nghiệp nội dung số hàng đầu114
7	Một số doanh nghiệp dịch vụ tích hợp hàng đầu116
8	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số118
9	Các tổ chức, cơ sở đào tạo và cung cấp dịch vụ đào tạo CNTT-TT hàng đầu120
10	Một số các doanh nghiệp lớn quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam122
11	Các Khu CNTT tập trung124
11.1	Hiện trạng các khu CNTT tập trung124
11.2	Thông tin về các khu CNTT tập trung124
12	Một số Quỹ đầu tư mạo hiểm và công nghệ đang hoạt động126
13	Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Việt Nam128
14	Các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông130

VIII	VIET NAM'S POLICY, LEGAL DOCUMENTS IN ICT	79
1	Legal documents on Information Technology	81
2	Legal documents on Post	81
3	Legal documents of Telecommunications and Internet	81
4	Legal documents of Electronic Transactions	83
5	Legal documents of Intellectual Property	83
6	Strategies and plans for Information and Communication Technology developments	85
IX	INTERNATIONAL COOPERATION	87
1	Membership in International and Regional Organizations	95
1.1	State members of inter-governmental specialized international and regional organizations	95
1.2	Members of professional organizations and Associations	95
2	Recent Major Events hosted by Viet Nam	97
X	ANNUAL ICT EVENTS	99
XI	AGENCIES, ORGANIZATIONS, ASSOCIATIONS AND TOP ENTERPRISES ON ICT	103
1	Organizations and Associations on ICT	105
2	Several leading Telecommunication operators and Internet service providers	107
2.1	Fixed Telephone Service	107
2.2	Mobiphone Services	107
2.3	Internet Service	107
3	Several leading Posts service operators	109
4	Several leading hardware, electronics enterprises	111
5	Several leading software enterprises	113
6	Several leading digital content enterprises	115
7	Several leading enterprises in IT Integration services	117
8	Several digital signature authentication service providers	119
9	Several leading Universities and institutes offering ICT training and providing IT-Training services	121
10	Several leading ICT multi-national companies in Viet Nam	123
11	Information Technology Parks	125
11.1	Overview of IT Parks	125
11.2	Brief description of IT Parks	125
12	Overview of venture and technology funds for IT enterprises	127
13	Agencies of Viet Nam Political System	129
14	Organizations of the Ministry of Information and Communications	131



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Diện tích: 331.698 km²

Dân số (tính đến 31/12/2010): 87.382.600 người

Số hộ gia đình năm 2010: 22.839.100

GDP năm 2010: 104,6 tỷ USD

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2010: 6,78%

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Area of land: 331,698 km²

Population (up to 31 Dec 2010): 87,382,600 people

Number of households in 2010: 22,839,100

GDP of 2010: 104.6 billion USD

Growth rate of GDP in 2010: 6.78%

1

ĐÁNH GIÁ 10 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 58-CT/TW NGÀY 17/10/2000 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ “ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ”

Ngày 17/10/2000, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị số 58-CT/TW về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá” (Chỉ thị 58). Dưới sự chỉ đạo của Đảng và điều hành của Chính phủ, trong 10 năm qua công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và đáp ứng mục tiêu đề ra, cụ thể như sau:

Việt Nam đã hình thành được bộ máy quản lý nhà nước để thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT-TT. Năm 2002, Quốc hội phê chuẩn việc thành lập Bộ Bưu chính, Viễn thông thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và CNTT. Năm 2007, Bộ Thông tin và Truyền thông được thành lập trên cơ sở Bộ Bưu chính, Viễn thông và bổ sung thêm chức năng quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản. Việc quản lý nhà nước tại địa phương do hệ thống 63 Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm. Tại Trung ương, 100% các Bộ, ngành đều có đơn vị chuyên trách về CNTT, trong đó có 06 Bộ, cơ quan ngang Bộ đã thành lập Cục CNTT chuyên ngành.

Môi trường chính sách cho ứng dụng và phát triển CNTT-TT tương đối hoàn thiện. Đã có 180 văn bản quy phạm pháp luật về CNTT được xây dựng và ban hành trong giai đoạn 2001-2010, trong đó điển hình có: Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật CNTT năm 2006, Luật Viễn thông năm 2009, Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009, Luật Bưu chính năm 2010 và nhiều Nghị

định, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về bưu chính, viễn thông, Internet, công nghệ thông tin, tần số vô tuyến điện,... Các văn bản này đã tạo thành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ góp phần quan trọng thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT trong thời gian qua.

Công nghiệp CNTT đã trở thành ngành kinh tế quan trọng, có tốc độ phát triển hàng năm cao so với các khu vực khác, có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GDP của cả nước ngày càng tăng. Tăng trưởng doanh thu bình quân toàn ngành công nghiệp CNTT trong giai đoạn 2001-2009 đạt 20-25%/năm. Đến cuối năm 2010, doanh thu công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số đã đạt gần 2 tỷ USD, doanh thu công nghiệp phần cứng đạt trên 5,6 tỷ USD, doanh thu dịch vụ viễn thông đạt trên 9,4 tỷ USD, đưa tổng doanh thu toàn ngành viễn thông và công nghiệp CNTT đạt gần 17 tỷ USD, gấp 19 lần so với năm 2000.

Hạ tầng viễn thông Việt Nam đã đạt chuẩn quốc tế. Tổng số thuê bao điện thoại cả nước tính đến cuối tháng 12/2010 ước đạt xấp xỉ 126 triệu thuê bao, trong đó có xấp xỉ 14,3 triệu thuê bao cố định, số thuê bao Internet băng rộng trên cả nước ước gần 3,7 triệu thuê bao. Hiện trên cả nước, 100% các trường từ tiểu học đến đại học đã có kết nối Internet, 99,7% số xã đã có máy điện thoại cố định, nhiều nông dân có máy di động. Mạng thông tin quốc gia đáp ứng các mục tiêu đề ra trong Chỉ thị 58 đó là phát triển nhanh, hiện đại với độ bao phủ rộng khắp cả nước, kết nối với thông lượng lớn tới các nước trong khu vực và thế giới.

1 10 YEAR IMPLEMENTATION OF DIRECTIVE 58-CT/TW OF POLITBURO DATED 17/10/2000 ON “PROMOTING APPLICATION AND DEVELOPMENT OF INFORMATION TECHNOLOGY FOR INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION”

On October 17, 2000, the Politburo of the Communist Party of Viet Nam issued Directive No. 58-CT/TW on “Promoting application and development of information technology for industrialization and modernization” (Directive 58). Under the leadership of the Party and the Government in the last 10 years, the Viet Nam ICT sector has gained many important achievements and met the objectives with the following details:

The ICT state management system was formed in order to promote and develop ICT sector. In 2002, the National Assembly approved the establishment of the Ministry of Post and Telematics, responsible for the development of post, telecommunications and IT. In 2007, the Ministry of Information and Communications was established on the basis of the Ministry of Post and Telematics with an additional responsibility for the areas of press and publishing. Regulation in provinces is implemented and in charged by local Departments of Information and Communications. IT application dedicated departments/units were established in all central ministries/agencies, including 06 ministries/ministerial-level agencies with specialized IT Department.

Policy and regulatory environment for the ICT application and development has been significantly improved. About 180 legal documents on ICT were issued in the period 2001-2010, including Electronic Transactions Law 2005, IT Law 2006, Telecommunications Law 2009, Radio Frequency Law 2009, Postal Law 2010 and many Decrees and Decisions of the Government and the Prime Minister on post and telecommunications, Internet, information technology, radio frequency, etc.

These documents have created a legal system and made important contributions to promote ICT application and development in recent years.

The IT industry has become an important economic sector, with annual growth rate higher than any other areas. The contribution to GDP growth increases year to year. The whole IT industry average revenue growth in the period 2001-2009 represented 20-25% per year. By the end of 2010, the revenue of the software industry and digital content industry reached 2 billion USD, the hardware industry revenue reached 5.6 billion USD, revenue of telecommunications services reached over 9.4 billion USD, bringing the total revenue of telecom and IT industry in 2010 to 17 billion USD, 19 times higher than that in 2000.

Telecommunications infrastructure has reached international standards. By Dec 2010, the number of nationwide telephone subscribers was estimated at approximately 126 million including approximately 14.3 million fixed subscribers, and the number of broadband Internet subscribers about 3.7 million. Currently, all schools, colleges and universities in the country have the Internet connection, 99.7% of communes have fixed-line telephones, many farmers have mobile phones. National information infrastructure has been developed rapidly with a large coverage throughout the country; connected with high bandwidth capacity to other countries in the region and the world as it was set out as a goal in Directive 58.

Regarding human resources development, in the period 2000-2010 the number of IT training institutions has been increased considerably,

Hệ thống đào tạo nguồn nhân lực CNTT phát triển nhanh cả về quy mô và hình thức đào tạo. Trong giai đoạn 2000-2010, số lượng cơ sở đào tạo chính quy đại học và cao đẳng về CNTT tăng lên đáng kể, trong đó số cơ sở đào tạo đại học tăng gần 5 lần từ 42 lên 206, cao đẳng từ 36 lên 205, tăng gần 6 lần. Đến năm 2010, cả nước có 277 trường đại học và cao đẳng đào tạo về nhóm ngành CNTT (chiếm 73% tổng số trường) với 70 nhóm ngành CNTT, tin học và 59 khoa thuộc nhóm ngành điện tử-viễn thông, có 220 cơ sở đào tạo kỹ thuật viên CNTT cấp trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, và 62 cơ sở đào tạo kỹ thuật viên điện tử-viễn thông. 100% các trường từ tiểu học trở lên đã được kết nối Internet là điều kiện vô cùng thiết yếu cho phát triển nguồn nhân lực CNTT cả trước mắt và lâu dài.

Ứng dụng CNTT trong xã hội, người dân và doanh nghiệp đã có những chuyển biến tích cực nhờ tác dụng lan toả của Chỉ thị 58. Mọi tầng lớp xã hội ở mọi miền đất nước đều được tạo điều kiện để có thể khai thác, sử dụng thông tin điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của mình. Việt Nam đã trở thành một trong những nước có số lượng người dùng Internet cao nhất. Tháng 6/2010, tỷ lệ số hộ gia đình có máy tính đạt

14,76% tăng hơn 6 lần so với năm 2002. Tỷ lệ số hộ gia đình có kết nối Internet đạt 12,84% tính đến tháng 12/2010. Đa số các doanh nghiệp đã có kết nối Internet để phục vụ hoạt động (khoảng 90%), với 67,7% doanh nghiệp đã có mạng cục bộ LAN và việc ứng dụng phần mềm trong quản lý điều hành bắt đầu được chú trọng. Các dịch vụ công cộng (giáo dục, đào tạo từ xa, chẩn đoán bệnh từ xa, thư viện điện tử,...) đã đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Những ứng dụng mang tính kỹ thuật cao đã được áp dụng trong hoạt động của nhiều ngành như xây dựng, cơ khí, công nghiệp in ấn, dệt may, dầu khí, khí tượng thủy văn,...

Hiện nay, ngành CNTT-TT thế giới đang có những xu hướng phát triển mới với sự hội tụ ngày càng sâu giữa các ngành điện tử, viễn thông, CNTT và phát thanh truyền hình, sự chuyển dịch từ sản xuất sản phẩm sang dịch vụ CNTT và sự bùng nổ của công nghiệp nội dung số, xu thế ứng dụng và phát triển CNTT xanh,... Do vậy, việc nhìn nhận lại bước đường 10 năm thực hiện Chỉ thị 58 là cần thiết để định hướng ngành CNTT-TT tiếp tục phát triển trong giai đoạn tới, góp phần tích cực vào việc thực hiện thành công chiến lược đưa đất nước cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

2

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ ÁN “ĐƯA VIỆT NAM SỚM TRỞ THÀNH NƯỚC MẠNH VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG”

Ngày 22/9/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1755/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” (sau đây gọi tắt là Đề án). Điều này thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong việc đưa ngành CNTT-TT sánh ngang tầm khu vực và thế giới.

Đề án đặt ra mục tiêu: Phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP và xuất khẩu; thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng trên phạm vi cả nước; ứng dụng hiệu quả CNTT trong mọi lĩnh vực kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh. Tốc độ tăng trưởng

doanh thu hàng năm đạt từ 2-3 lần tốc độ tăng trưởng GDP trở lên. Đến năm 2020, tỷ trọng CNTT-TT đóng góp vào GDP đạt từ 8-10%.

Quan điểm chỉ đạo của Đề án: Tăng tốc phát triển CNTT-TT Việt Nam trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa kết hợp với những đột phá trong phát triển với mục tiêu cao hơn, tốc độ nhanh hơn; phát triển hợp lý cả chiều rộng và chiều sâu trên cơ sở phát huy nội lực, tận dụng tri thức và các nguồn lực quốc tế; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, đồng thời thu hút các doanh nghiệp trong, ngoài nước và toàn xã hội tham gia đầu tư và phát triển; áp dụng mức ưu tiên, ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật dành cho công nghệ cao, công tác nghiên cứu, đào tạo về khoa học và công nghệ cho các khu CNTT tập

such as five times for universities, from 42 to 206, and six times for colleges, from 36 to 205. Till the end of 2010, there were 277 universities and colleges which train IT (accounting for 73% of cases) with 70 different IT professional groups, computer science research; and 59 faculties train electronics and telecommunications. There are 220 professional secondary and vocational schools of IT technician training, and 62 institutions of electronics and telecommunications. Having Internet connection in all primary schools is an essential condition for the national plan of IT human resources development.

The IT application in society, community and businesses had positive changes because of the effective implementation of Directive 58. All classes in the society over the country have facilities for ICT application, and Vietnam has become one of the countries which have the highest number of Internet users. In Jun 2010, the percentage of households with laptops and computers increased 14.76%, about 6 times higher than in 2002, the percentage of households with Internet access at home reached

12.84%. Most enterprises have Internet access to serve their business activities (about 90%), 67.7% of enterprises have LANs and the application of software in management has become a focus in enterprises' business. Public services (distant education, remote diagnosis, electronic libraries) have gained remarkable achievements by using ICT. High-tech applications have been popular in the operation of many industries such as construction, mechanics, pressing, textiles, petroleum, hydro-meteorology, etc.

Nowadays, the global ICT is admitting the convergence of electronics, telecommunications, IT and broadcasting, the transforming from manufacturing into IT services, the booming of digital content industry, the trend of Green IT, etc. Therefore, assessing the implementation of the Directive No. 58 will help to redirect the ICT industry for the continuous growth in the coming period and contribute to the successful implementation of strategies to make Viet Nam basically become a modern industrialized country by 2020.



INTRODUCTION OF THE NATIONAL STRATEGY ON "TRANSFORMING VIET NAM INTO AN ADVANCED ICT COUNTRY"

On September 22, 2010, the Prime Minister signed Decision No. 1755/QĐ-TTg to approve the National Strategy on "Transforming Viet Nam into an Advanced ICT country" (referred to as The Strategy from now on). This reflects the political determination of the Party of Viet Nam and the Government in developing ICT industry to keep pace with countries in the region and the world.

The Strategy sets out objectives as: to develop ICT human resources to international standards; to build ICT industry, especially software industry, digital content industry and IT services, to become a leading economic sector, so as to contribute significantly to GDP growth and exports; to set up a broadband information infrastructure in the whole country; to apply IT effectively in all socio-economic aspects and national security, defence. The annual growth rate of the ICT industry income

is to reach at least 2-3 times the growth rate of GDP. By 2020, the contribution of ICT industry to GDP should be from 8% to 10%.

Steering views of The Strategy are: accelerating the development of Viet Nam's ICT on the basis of ensuring continuity with creative measures, targeting higher objectives with higher speed; reasonably developing on the basis of optimizing internal resources and taking advantage of international knowledge and resources; efficiently utilizing the state budget, attracting more investment from local and foreign enterprises; applying the highest priorities and preferences in accordance with the law on the development of high technology, research and training for IT parks, research and training institutions, and all enterprises/individual who provide IT products and services.

trung, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các doanh nghiệp, cá nhân cung cấp các sản phẩm, dịch vụ CNTT.

Trên quan điểm chỉ đạo và các mục tiêu đề ra, Đề án đưa ra 6 nhóm nhiệm vụ tập trung vào các vấn đề như: Phát triển nguồn nhân lực CNTT; phát triển công nghiệp CNTT; tiếp tục phát triển và hoàn thiện hạ tầng viễn thông và CNTT; xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ phù hợp để phổ cập thông tin số đến các hộ gia đình; ứng dụng hiệu quả CNTT trong cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội; tăng cường năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT-TT, làm chủ và từng bước sáng tạo ra công nghệ cho chế tạo sản phẩm mới. Đề án cũng chỉ ra 6 giải pháp: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức; tích cực xã hội hoá đầu tư cho CNTT-TT, đặc biệt là phát triển hạ tầng viễn thông bằng rộng; đầu tư đột phá có trọng tâm, trọng điểm; xây dựng và hoàn thiện thể chế; xây dựng một số cơ chế đặc thù và chính sách đột phá; đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Quyết định cũng phân công tổ chức thực hiện cụ thể cho từng Bộ, ngành liên quan, trong đó Bộ Thông tin và Truyền thông đóng vai trò chủ trì, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, theo dõi đôn đốc triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tích cực triển khai Đề án với quyết tâm cao nhất, Đề án bước đầu đã có những dấu hiệu tích cực với sự tham gia đóng góp về ý tưởng cũng như đề xuất các dự án cụ thể của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các cơ sở đào tạo, và các sở, ban, ngành địa phương.

“Đây là trí tuệ, sức mạnh, quyết tâm của những người làm công nghệ thông tin nước nhà, thế hệ trẻ Việt Nam, hệ thống chính trị Việt Nam và nhân dân, đồng chí, đồng bào cả nước. Triển khai đề án là nhiệm vụ trung tâm của nước ta từ nay đến năm 2020. Đề án cũng thể hiện khát vọng của thế hệ trẻ Việt Nam muốn thay đổi thứ hạng của chúng ta trên trường quốc tế trong nhiều lĩnh vực, trong đó có công nghệ thông tin”, trích lời Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Lê Doãn Hợp.

Based on these views and objectives, The Strategy identifies six groups of tasks focusing on issues such as: developing ICT human resource; developing ICT Industry; continuing to develop and improve the telecommunications and IT infrastructure; building and deploying suitable supporting solutions for providing digital information to households; applying IT effectively in government agencies, enterprises and the society; strengthening research capacity in the ICT sector; mastering gradually and developing technologies for creating new products. The Strategy also stated six solutions: enhancing information dissemination regarding the Strategy; promoting the socialization of investment in ICT, especially in the development of broadband telecommunications infrastructure; providing investment incentives for priority areas; building and improving institutional frameworks; establishing a specific mechanisms and renewing policies; promoting international cooperation.

Under the Decision, all related ministries and agencies are responsible for the

implementation of The Strategy, Ministry of Information and Communications (MIC) plays a leading role, and is responsible for building detailed implementation plans, monitoring and facilitating the implementation across the country. To this purpose, MIC has been working actively in implementing the Strategy, with its highest commitment. There are already positive signs with many contributions on ideas and proposal of specific projects from domestic and foreign enterprises, research and training institutions, and local departments.

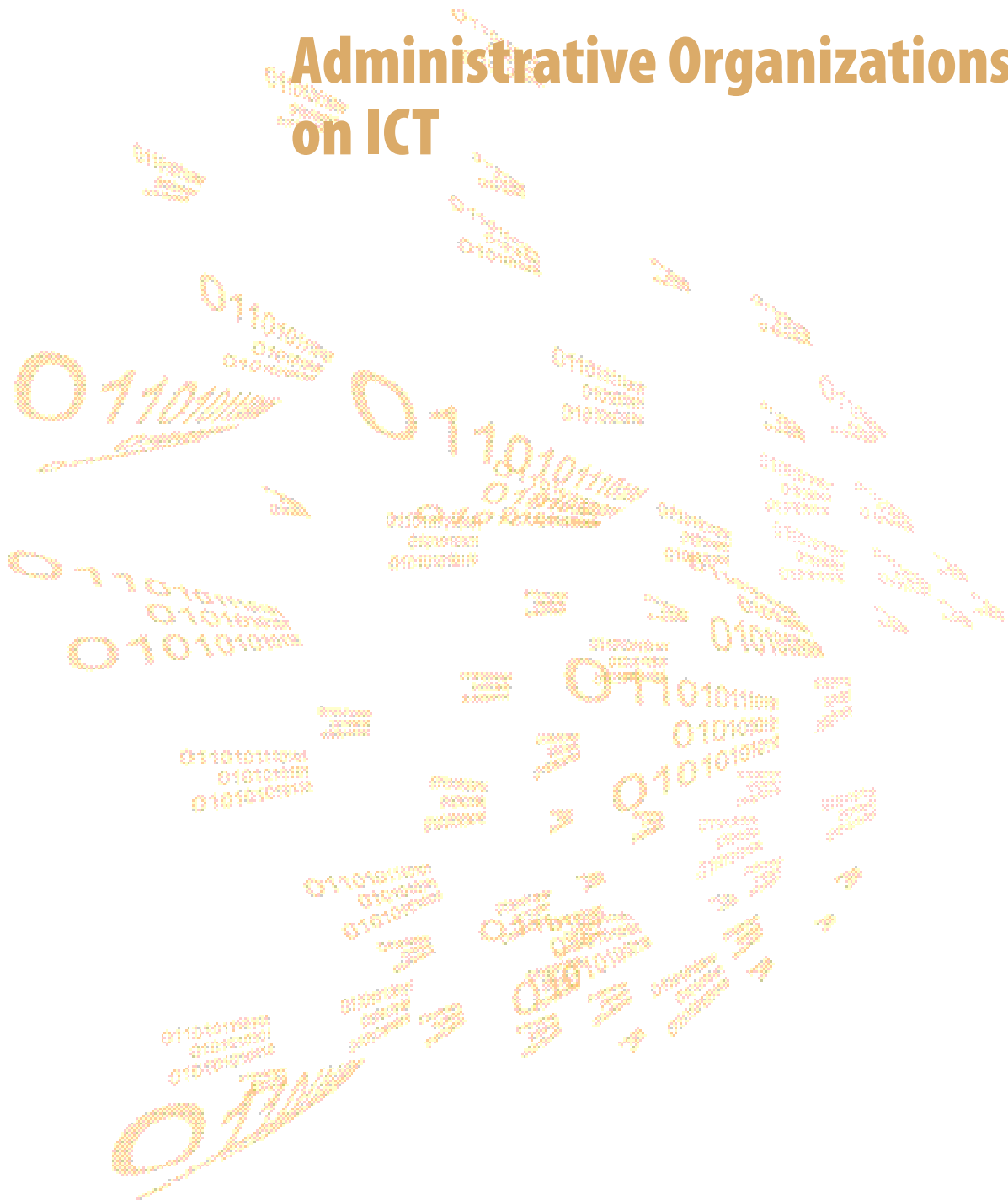
“This is intelligence, strength and determination of those who work in the ICT areas, of the Viet Nam young generation, of the political system and people of Viet Nam. Implementing The Strategy is one of the central task of Viet Nam from now until 2020. The Strategy also represents the aspirations of the Viet Nam youth to change Viet Nam’s position in the international arena in various fields, including information technology”, according to Dr. Le Doan Hop, Minister of MIC.





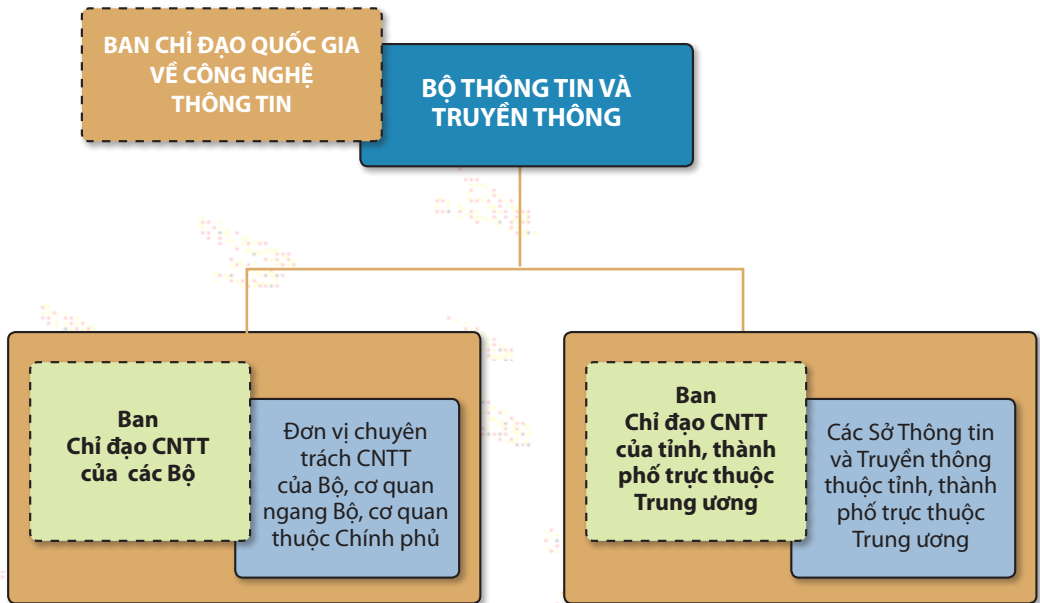
HỆ THỐNG TỔ CHỨC VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Administrative Organizations on ICT



1

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG QUỐC GIA



2

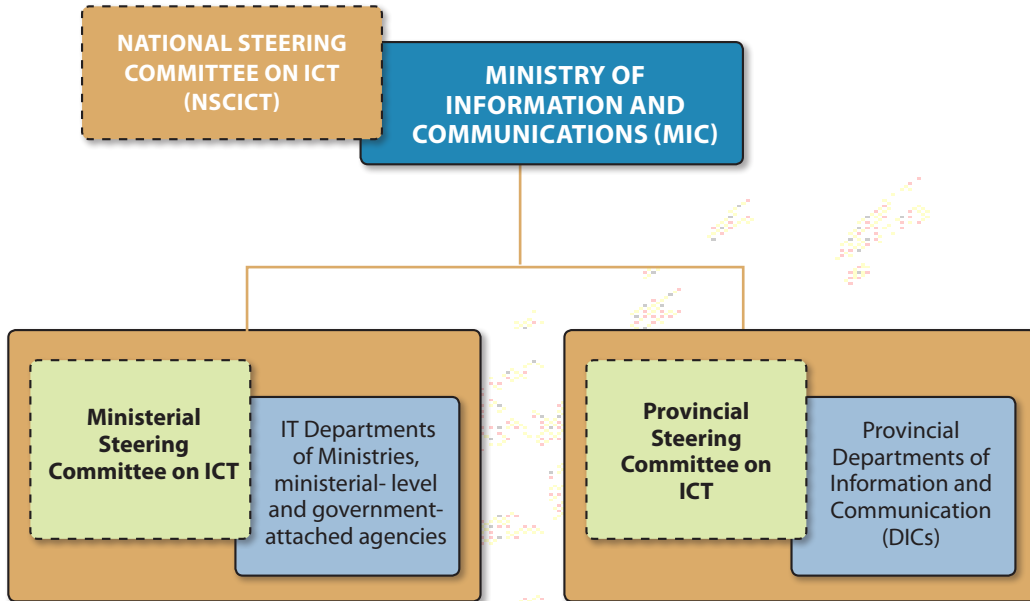
BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2.1 CƠ CẤU TỔ CHỨC

- Trưởng ban: Phó Thủ tướng Chính phủ: GS. TS Nguyễn Thiện Nhân
- Phó Trưởng ban thường trực: Bộ trưởng Bộ TT-TT: TS Lê Doãn Hợp
- Phó Trưởng ban: Phái viên của Thủ tướng Chính phủ về CNTT: GS. TSKH Đỗ Trung Tá
- Các Ủy viên:
 - + Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ông Nguyễn Thế Phương
 - + Thứ trưởng Bộ Tài chính: Bà Nguyễn Thị Minh
 - + Thứ trưởng Bộ Nội vụ: Ông Trần Hữu Thắng
 - + Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ông Bùi Văn Ga
 - + Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: Ông Nguyễn Minh Hồng
 - + Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Ông Nguyễn Hữu Vũ
 - + Phó Chánh Văn phòng Văn phòng Trung ương Đảng: Ông Nguyễn Hữu Từ
 - + Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội: Ông Nguyễn Sĩ Dũng
- Văn phòng Ban Chỉ đạo (đặt tại Bộ TT-TT)

1

GOVERNMENTAL ORGANIZATIONS ON ICT



2

NATIONAL STEERING COMMITTEE ON ICT (NSCICT)

2.1 ORGANIZATIONAL STRUCTURE

- Chairman: Deputy PM: Prof. Dr. Nguyen Thien Nhan
- Standing Vice Chairman: Minister of MIC: Dr. Le Doan Hop
- Vice Chairman: Envoy to the Prime Minister on Information Technology: Prof., DrSc. Do Trung Ta
- Members:
 - + Deputy Minister of Ministry of Planning and Investment: Mr. Nguyen The Phuong
 - + Deputy Minister of Ministry of Finance: Ms. Nguyen Thi Minh
 - + Deputy Minister of Ministry of Home Affairs: Mr. Tran Huu Thang
 - + Deputy Minister of Ministry of Education and Training: Mr. Bui Van Ga
 - + Deputy Minister of Ministry of Information and Communications: Mr. Nguyen Minh Hong
 - + Vice Chairman of Government Office: Mr. Nguyen Huu Vu
 - + Deputy Chief of Office of Central Party Office: Mr. Nguyen Huu Tu
 - + Vice Chairman of National Assembly Office: Mr. Nguyen Si Dung
- Office of NSCICT (at MIC)

2.2 CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

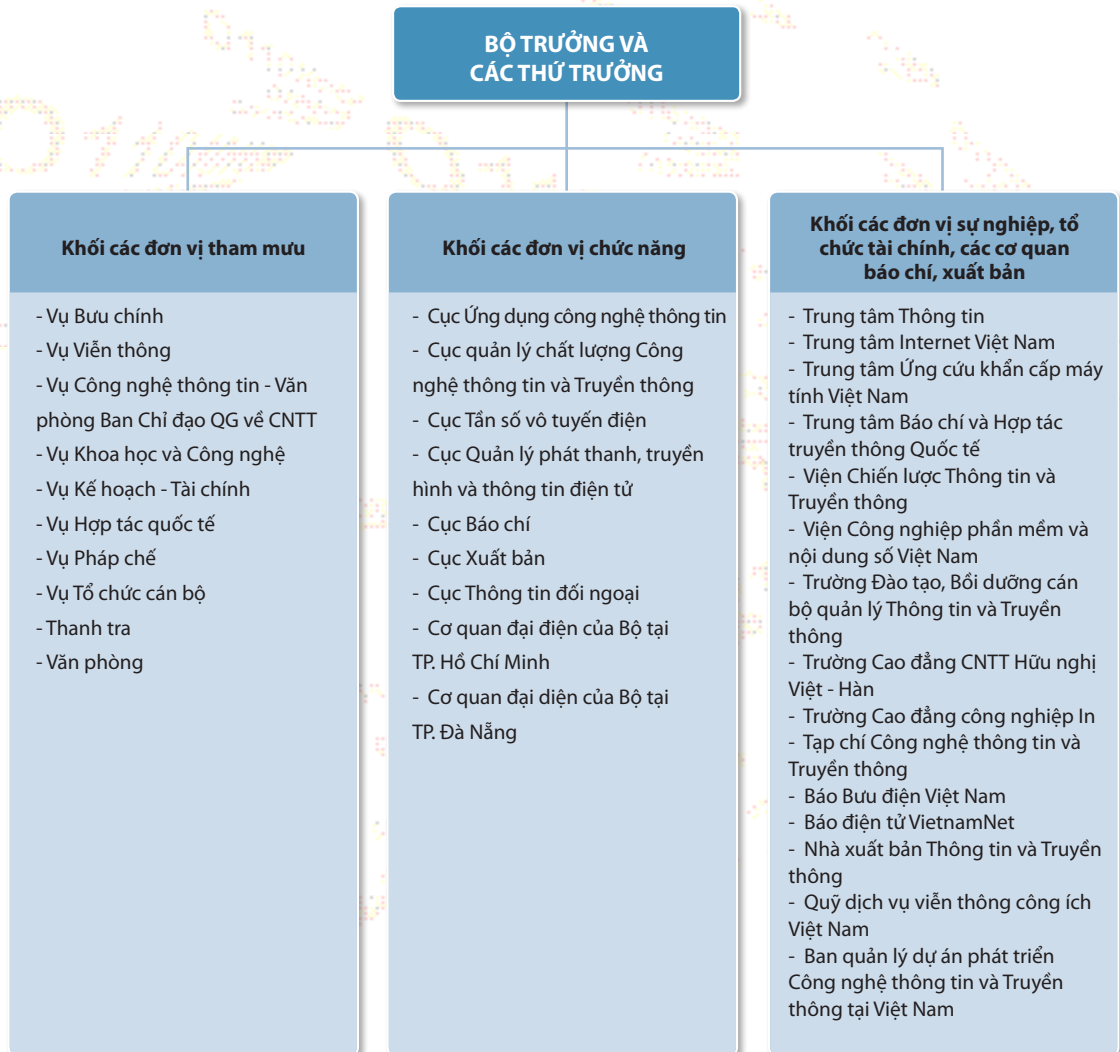
Ban Chỉ đạo có các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tham mưu cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ các chủ trương và giải pháp chiến lược thực hiện việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;
2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối việc triển khai thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án trọng điểm, cơ chế chính sách về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương;
3. Hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, phổ biến và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;
4. Kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại các bộ, ngành, địa phương và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

3.1 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





2.2 MAIN FUNCTIONS

Steering Committee has the following duties and powers as prescribed in Article 3 of Decision No. 343/QĐ-TTg April 2, 2008 by the Prime Minister:

1. Advising the Government and the Prime Minister on policies and strategic solutions to implement the application and IT development;
2. Assisting the Prime Minister to direct and coordinate the implementation of strategies, programs, plans, projects, policies and mechanisms on the application and IT development of Ministries, sectors and localities;
3. Supporting the ministries, sectors and localities to guide, disseminate and implement guidelines, policies, strategies and plans of the State on the IT application and development;
4. Checking, supervising and evaluating the results of the application and development of IT in ministries, sectors and localities and to periodically report to the Prime Minister.

3 THE MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS

3.1 ORGANIZATIONAL STRUCTURE



3.2 CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, điện tử; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; phát thanh và truyền hình và cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia; báo chí; xuất bản; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ.

Về công nghệ thông tin, điện tử

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án về công nghệ thông tin, điện tử; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp phần mềm, công nghiệp phần cứng, công nghiệp điện tử, công nghiệp nội dung; danh mục và quy chế khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; quy chế quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- Ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách quản lý và các quy định liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, điện tử;
- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghệ thông tin;
- Tổ chức thực hiện chức năng quản lý, điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố máy tính trong toàn quốc.

Về viễn thông và Internet

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch quốc gia về phát triển viễn thông và Internet; cơ chế, chính sách quan trọng để phát triển viễn thông và Internet; quy định điều kiện đầu tư trong lĩnh vực viễn thông; quy định về bán lại dịch vụ viễn thông; chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- Ban hành theo thẩm quyền quy hoạch, quy định quản lý kho số và tài nguyên Internet; các quy định về giá cước dịch vụ viễn thông, các

quyết định phân bổ, thu hồi kho số và tài nguyên Internet;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép viễn thông theo quy định; Thực hiện quản lý kho số và tài nguyên Internet; Thực hiện quản lý về chất lượng, giá, cước các dịch vụ viễn thông và Internet;
 - Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch truyền dẫn phát sóng; quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
 - Ban hành quy hoạch băng tần, quy hoạch kênh, quy định về điều kiện phân bổ, ấn định và sử dụng tần số vô tuyến điện, băng tần số vô tuyến điện;
 - Ban hành các tiêu chuẩn về thiết bị truyền dẫn phát sóng, thiết bị vô tuyến điện, các tiêu chuẩn về phát xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ trường;
 - Quy định về điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện, quy định điều kiện kỹ thuật (tần số, công suất phát) cho các thiết bị vô tuyến điện trước khi sản xuất hoặc nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam.
- #### Về bưu chính
- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển bưu chính và chuyển phát; danh mục dịch vụ công ích trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp để thực hiện cung ứng dịch vụ công ích và nghĩa vụ công ích khác trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
 - Ban hành theo thẩm quyền giá cước dịch vụ công ích, phạm vi dịch vụ dành riêng trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát; quyết định các quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ; quy định về bộ mã bưu chính quốc gia;
 - Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép hoạt động bưu chính và chuyển phát; thực hiện kiểm tra chất lượng dịch vụ;
 - Quy định và quản lý về an toàn, an ninh trong lĩnh vực bưu chính và chuyển phát; về cạnh

3.2 FUNCTIONS AND TASKS

The Ministry of Information and Communications (MIC) of the Socialist Republic of Viet Nam is the policy making and regulatory body in the fields of information technology, electronics, posts, telecommunications and Internet, transmission, radio frequency, broadcasting and national information infrastructure, press, publishing, management of related public services on behalf of the government.

- MIC submits to the Government drafts of laws, ordinances, regulations, strategies and development plans on press, publishing, posts, telecommunications and information technology.
- MIC also provides guidances to the enforcement of laws, ordinances, regulations as well as the implementation of development strategies and plans related to press, publishing, posts, telecommunications and information technology.

Information Technology, Electronics

- Give guidance, assign, and organize implementation of projects in the fields of information technology, electronics;
- Issue policies, regulations on IT/Electronics goods and services;
- Grant, stop, revoke licenses in the fields of information technology;
- Perform management functions, coordinate computer emergency response activities nationwide.

Telecommunications and Internet

- Give guidance, implement national plans and strategies to develop telecommunications and internet; important policies in order to develop telecommunications and internet; regulate terms and conditions for investment in telecommunications and projects on telecommunications universal services;
- Regulate telecommunications and the internet services'quality, price and fare;
- Regulate numbering resources, codes, domain names and addresses used in the fields of telecommunications and internet;
- Grant, extend, revoke telecommunications licenses;
- Radio transmission, radio frequency spectrum;
- Give guidance, plan, assign and allocate national radio frequency spectrum;
- Control and monitor radio frequency spectrum and radio equipment;
- Regulate technology/using conditions of radio equipment; Organize radio frequency, satellite orbit registration and coordination.

Posts

- Give guidance to carry out plans, strategies, public services related to the postal sector and delivery, universal postal services;
- Regulate postal charges and tariffs for universal postal services, reserved services'extension, set technical standards on quality of services and regulate the national postal code;

tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bưu chính và chuyển phát; Quy định và quản lý về tem bưu chính.

- Chủ trì tổ chức đặt hàng doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát; kiểm tra, giám sát việc thực hiện cung cấp dịch vụ công ích và thực hiện thanh quyết toán hàng năm.

Về cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ an toàn, an ninh cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành theo thẩm quyền các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh đối với cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông trong môi trường hội tụ; các cơ chế, chính sách quy định về sử dụng chung cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông.

Về phát thanh và truyền hình

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch quốc gia về phát thanh và truyền hình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành theo thẩm quyền các quy định về thực hiện quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ, kỹ thuật; quản lý giá, cước các dịch vụ liên quan;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép về phát thanh và truyền hình.

Về báo chí

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới báo chí trong cả nước, văn phòng đại diện cơ quan thường trú ở nước ngoài của các cơ quan báo chí Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Quản lý các loại hình báo chí trong cả nước bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, thông tấn và thông tin trên mạng;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; giấy phép xuất bản đặc san, số phụ, phụ trương, chương trình đặc biệt, chương trình phụ; thẻ nhà báo; cấp phép cho báo chí xuất bản ở nước ngoài phát hành tại Việt Nam;

- Hướng dẫn việc thực hiện quảng cáo trên báo chí, trên mạng thông tin máy tính và trên xuất bản phẩm.

Về xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm)

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; chính sách về hoạt động xuất bản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Quy định chi tiết điều kiện thành lập và kinh doanh về xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy, phép đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam; giấy phép đặt văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; giấy phép hoạt động in đối với sản phẩm phải cấp phép; giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài; giấy phép nhập khẩu thiết bị in; giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; quản lý việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo thẩm quyền.

Về quyền tác giả, bản quyền và sở hữu trí tuệ

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định, của pháp luật về quyền tác giả đối với sản phẩm báo chí, xuất bản, bản quyền về sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; quyền sở hữu trí tuệ các phát minh, sáng chế thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quyền tác giả, bản quyền sản phẩm, sở hữu trí tuệ theo thẩm quyền;

- Hướng dẫn nghiệp vụ bảo hộ trong lĩnh vực quyền tác giả, bản quyền, sở hữu trí tuệ cho các ngành, địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và công dân đối với sản phẩm, dịch vụ theo thẩm quyền.

- Grant, extend, revoke licenses for postal operation and inspect on quality of services;
- Regulate and manage safety, security, competition and resolve disputes in the fields of posts; regulate and manage postage stamps.
- Hosted order business supplying public services in the field of postal delivery, inspecting and supervising the provision of public services and make annual settlement.

National information and communications infrastructures

- Give guidance, assign, organize to follow regulations in safety, security of national information and communications infrastructures;
- Issue solutions to secure safety, security of information and communications in converging environment; mechanisms and policies related to the usage of information and communications infrastructures;
- Grant licenses to foreign organizations, individuals to operate in information activities in Viet Nam with reference to Vietnamese laws;

Broadcast and Television

- Give guidance, assign, organize to carry out national program in developing broadcast and television industry;
- Regulate on standards; technical standards in technology; regulate charges and tariffs in related services;
- Grant, stop, revoke operating licenses in fields of broadcast and television.

Press

- Give guidance to organize press network including national and Viet Nam press

representative offices located overseas;

- Manage all types of press including printing press, speaking press, electronic newspapers, television and information on Internet;
- Grant licenses to press, foreign newspapers distributing in Viet Nam.
- Give guidance to advertise on press, computer networks and publications.

Publishing

- Give guidance to organize publishing, printing and distributing network, policies on publishing activities;
- Stipulate terms and conditions to enterprise in publishing, printing;
- Grant licenses to local publishers as well as foreign publishers to operate in Viet Nam.
- Advertising on press, computer networks and publications.
- Grant, modify, revoke licenses on advertising on press (including: newspapers, speaking press, electronic newspapers), on computer networks and publications.

Copyright and Intellectual Property Right

- Assign and organize to implement regulations in the fields of copyright and intellectual property right regarding press, publications, information technology services and related inventions;
- Take actions to protect organizations, individuals in the fields of copyright and intellectual property right;
- Inspect all activities and settle all regulatory breaches in the fields of its legal functions.

Khách hàng

đã sẵn sàng triển khai giải pháp

LTE

của chúng tôi vì những lý do sau

Sự thực giản đơn

Hơn 200 khách hàng của chúng tôi đã sử dụng trạm gốc Flexi có khả năng hỗ trợ nhiều công nghệ vô tuyến và sẵn sàng cho triển khai LTE

Công ty nghiên cứu thị trường ABI Research xếp hạng trạm gốc LTE của Nokia Siemens Networks ở vị trí hàng đầu thế giới*

Giải pháp Fast Track của chúng tôi giúp cho việc cung cấp dịch vụ thoại trên nền tảng LTE thuận tiện hơn

Kết quả đã được khẳng định qua thực tế

Công ty nghiên cứu thị trường Signals Research xếp hạng Nokia Siemens Networks là công ty đứng đầu trong việc triển khai thương mại mạng LTE ở châu Âu**

Đứng đầu thế giới về giải pháp plug & play cho mạng quang trên nền LTE

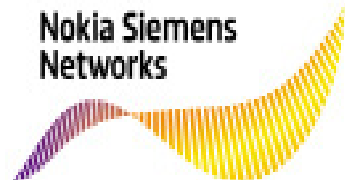
Đứng đầu thế giới về công nghệ GSM, WCDMA và LTE

Hơn 400 khách hàng sử dụng các giải pháp vô tuyến của NSN trên toàn cầu

Số lượng hợp đồng thương mại về LTE lớn nhất trên thế giới, với 26 hợp đồng tính đến cuối tháng 01 năm 2011

*ABI Research, LTE Base Station Vendor Matrix, 4Q 2010

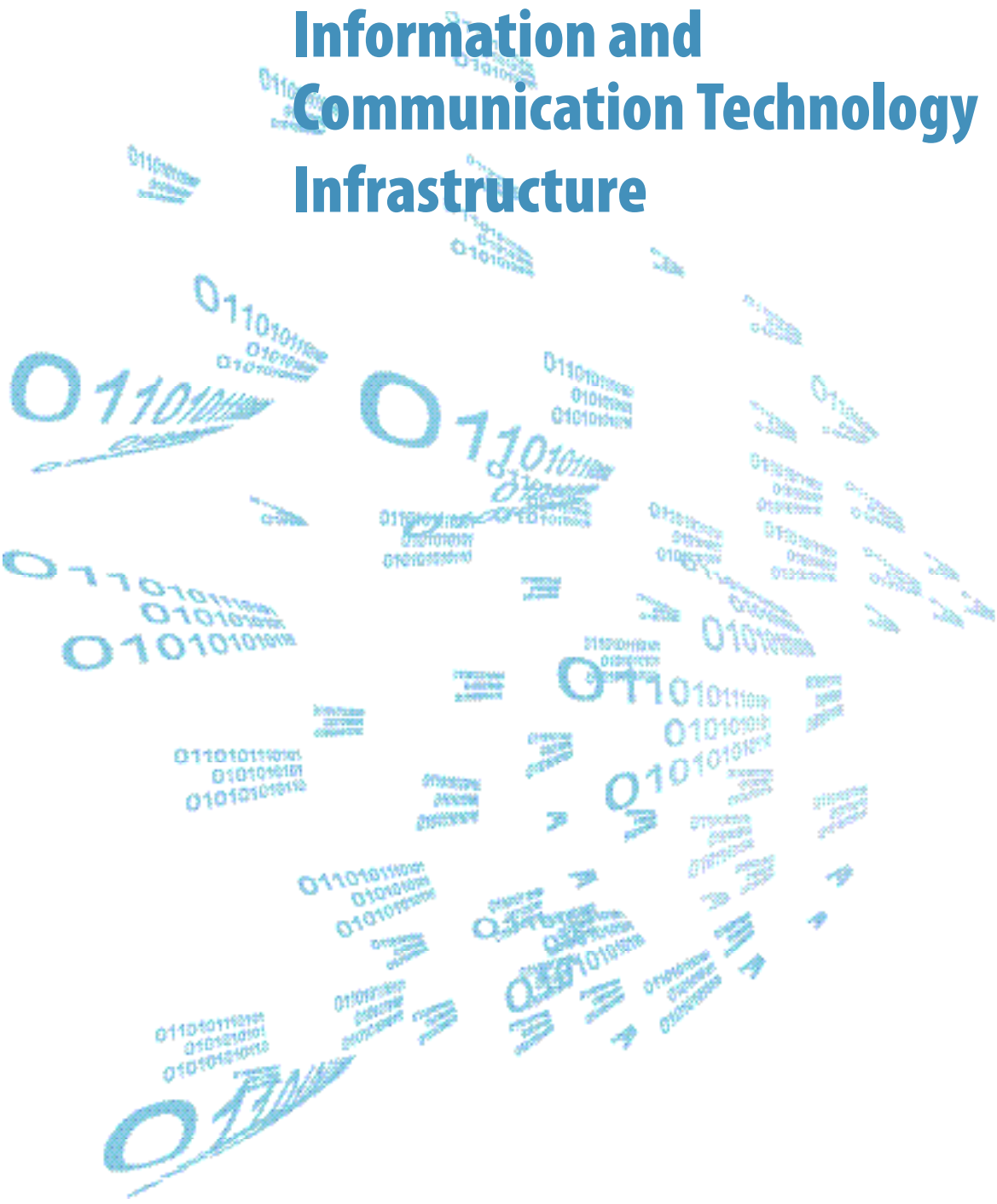
**Signals Research Group, Signals Ahead - LTE Drive Test Revisited, September 2010





CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG

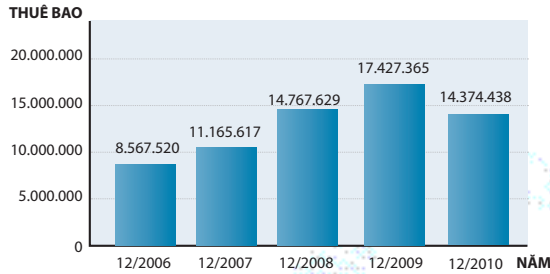
Information and Communication Technology Infrastructure



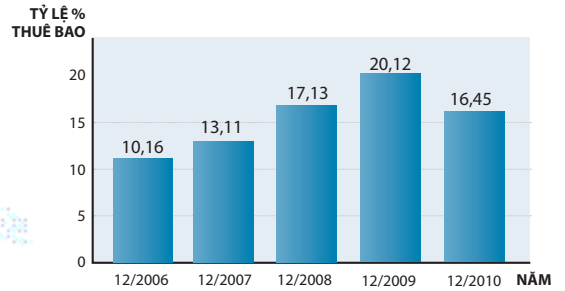


ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

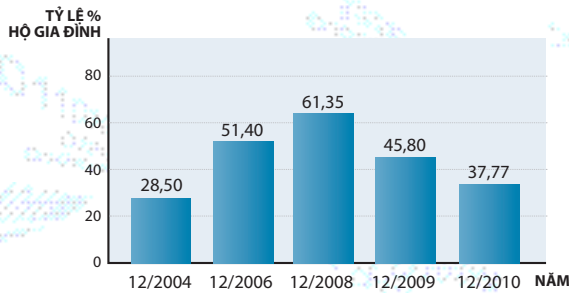
1.1 Số thuê bao điện thoại cố định



1.2 Số thuê bao điện thoại cố định / 100 dân



1.3 Số hộ gia đình có thuê bao điện thoại cố định / 100 hộ gia đình

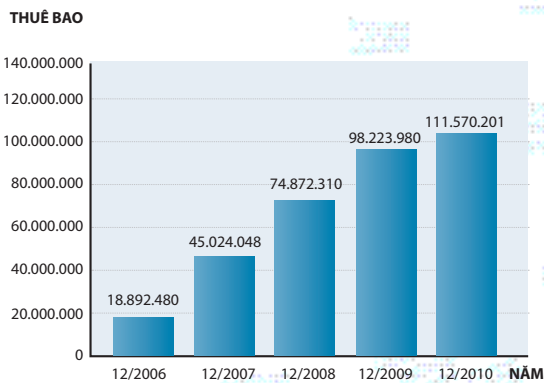


Nguồn: Tổng cục Thống kê & Bộ Thông tin và Truyền Thông

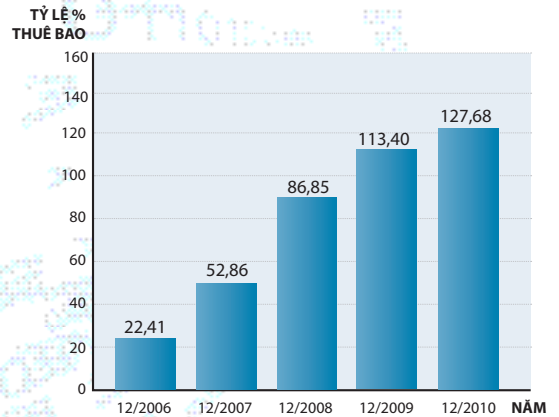


ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

2.1 Số thuê bao điện thoại di động



2.2 Số thuê bao điện thoại di động / 100 dân



2.3 Số thuê bao điện thoại di động sử dụng dịch vụ mạng 3G có phát sinh lưu lượng

12/2010

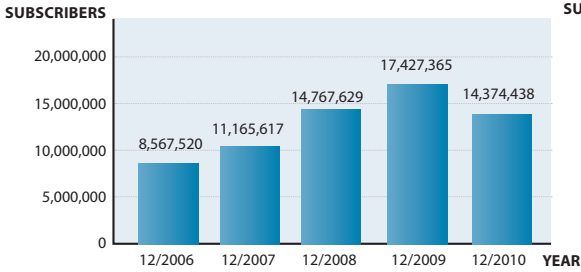
7.669.544



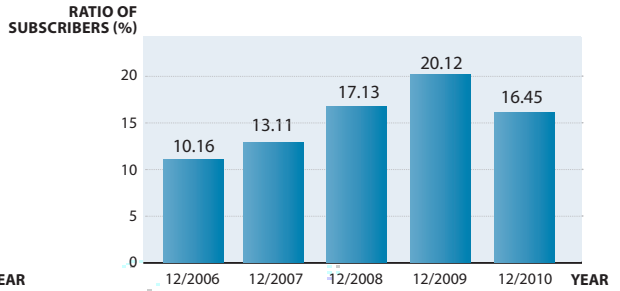
1

FIXED TELEPHONE

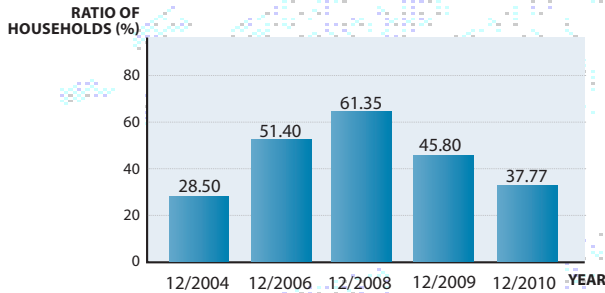
1.1 Number of fixed telephone subscribers



1.2 Fixed telephone subscribers per 100 inhabitants



1.3 Households with a fixed telephone line per 100 households

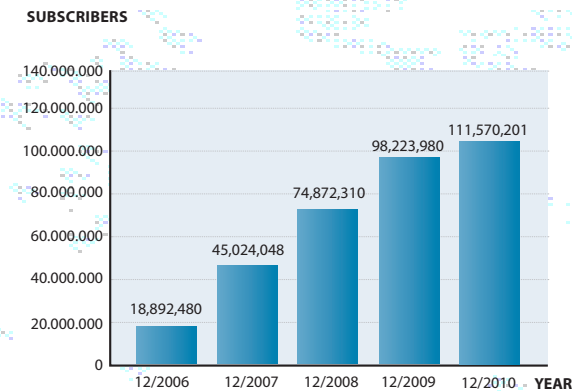


Source: General Statistics Office

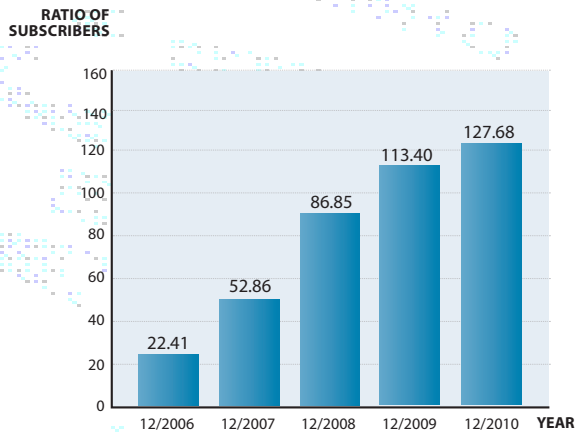
2

MOBILE TELEPHONE

2.1 Number of mobile phone subscribers



2.2 Mobile phone subscribers per 100 inhabitants



2.3 Number of 3G mobile phone subscribers

12/2010

7,669,544

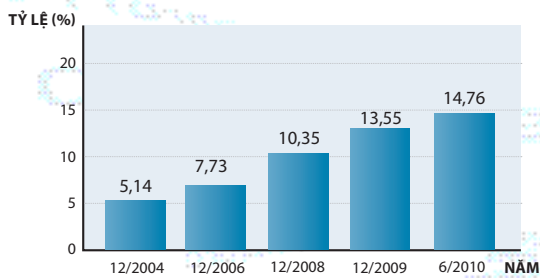
3 INTERNET

	12/2009	12/2010
3.1 Số lượng người sử dụng Internet	22.779.887	26.784.035
3.2 Số người sử dụng Internet/100 dân	26,55	30,65
3.3 Số lượng thuê bao Internet băng rộng (xDSL, CATV, Leased line...)	3.214.179	3.669.321
3.4 Số thuê bao Internet băng rộng/100 dân	3,71	4,20
3.5 Số thuê bao xDSL đối tượng cá nhân	2.686.827	2.932.815
3.6 Số hộ gia đình có kết nối Internet/100 hộ gia đình	11,76	12,84
3.7 Băng thông kênh kết nối quốc tế (bit/s)/01 người sử dụng Internet	4.125	4.849
3.8 Số tên miền “.vn” đã đăng ký	133.568	180.870
3.9 Số địa chỉ Internet (IPv4) đã cấp	6.898.176	12.605.440
3.10 Số địa chỉ Internet (IPv6) đã cấp quy đổi theo đơn vị/64	42.065.885.184/64	46.360.918.016/64

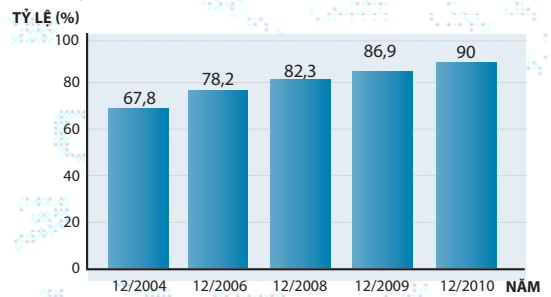
4 MÁY VI TÍNH / THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

	12/2008	12/2009	12/2010
4.1 Số lượng máy vi tính cá nhân để bàn, xách tay (ước tính)	4.478.500	4.880.800	5.319.000
4.2 Số máy vi tính cá nhân/ 100 dân	5,19	5,63	6,08

4.3 Số hộ gia đình có máy vi tính / 100 hộ gia đình



4.4 Số hộ gia đình có máy thu hình/100 hộ gia đình



Nguồn: Tổng cục Thống kê & Kết quả điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ điện thoại, Internet và nghe nhìn toàn quốc năm 2010

4.5 Số hộ gia đình có sử dụng máy thu thanh và máy thu hình

TT	Phân loại	2010
1	Số hộ có máy thu thanh	2.157.664
2	Số hộ có máy thu hình	18.167.483
2.1	Số hộ dùng anten chảo	3.272.416
2.2	Số hộ dùng anten dàn	12.565.723
2.3	Số hộ dùng cáp truyền hình	2.565.309

Nguồn: Kết quả điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ điện thoại, Internet và nghe nhìn toàn quốc tháng 6/2010

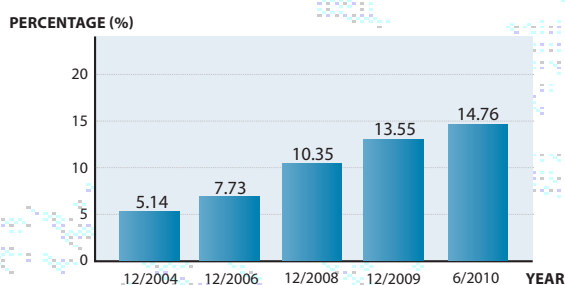
3 INTERNET

	12/2009	12/2010
3.1 Total number of Internet users	22,779,887	26,784,035
3.2 Internet users per 100 inhabitants	26.55	30.65
3.3 Total number of broadband Internet subscribers (xDSL, CATV, Leased line...)	3,214,584	3,669,321
3.4 Broadband Internet subscribers per 100 inhabitants	3.71	4.20
3.5 Number of personal xDSL Internet access subscribers	2,686,827	2,932,815
3.6 Households with Internet access at home per 100 households (estimated)	11.76	12.84
3.7 International Internet bandwidth (bit/s) per Internet user	4,125	4,849
3.8 Number of registered .vn domain name	133,568	180,870
3.9 Number of allocated IP4 addresses	6,898,176	12,605,440
3.10 Number of allocated IPv6 addresses (unit/64)	42,065,885,184/64	46,360,918,016/64

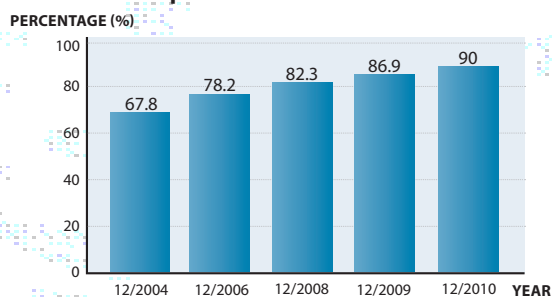
4 PERSONAL COMPUTER / MULTIMEDIA DEVICES

	12/2008	12/2009	12/2010
4.1 Number of desktop, laptop computers (estimated)	4,478,500	4,880,800	5,319,000
4.2 Personal computers per 100 inhabitants (estimated)	5.19	5.63	6.08

4.3 Households with computers per 100 households



4.4 Households with a colour television per 100 households



Source: General Statistics Office & Result of The nationwide survey on universal status of telephone, internet and audiovisual services 2010

4.5 Households with cable/digital/satellite TV per 100 households

No	Classification	2010
1	Number of household with radio	2,157,664
2	Number of household with television	18,167,483
2.1	Number of household with parabol antenna	3,272,416
2.2	Number of household with antenna	12,565,723
2.3	Number of household with cable TV	2,565,309

Source: Result of The nationwide survey on universal status of telephone, internet and audiovisual services in 6/2010

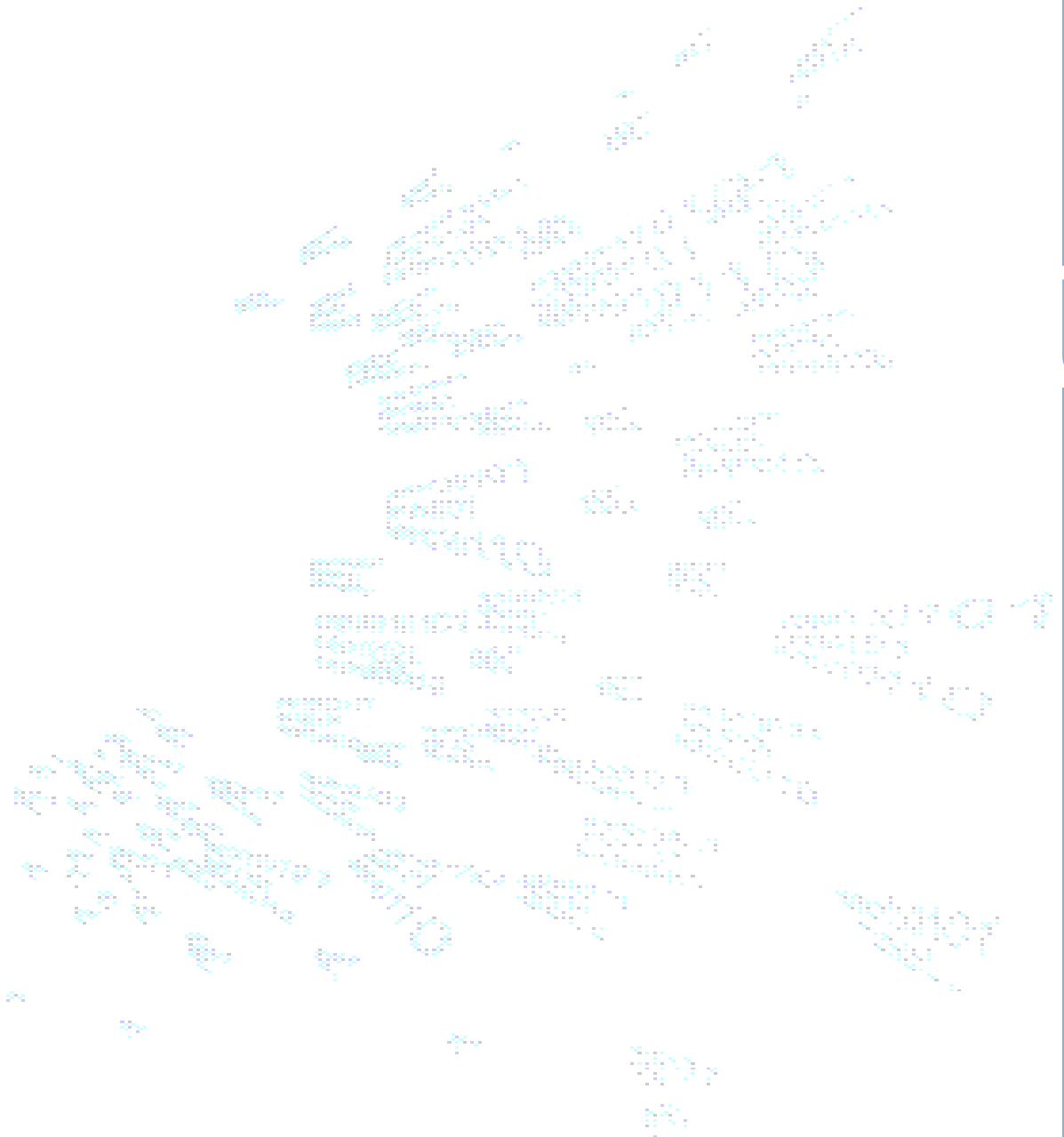
5 MẠNG LƯỚI BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG

		12/2008	12/2009	12/2010
5.1	Số lượng điểm phục vụ bưu chính	18.502	17.976	16.436
5.2	Bán kính phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (km)	2,39	2,42	2,53
5.3	Số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (người)	4.659	4.796	5.270

5

PUBLIC POSTAL NETWORK

	12/2008	12/2009	12/2010
5.1 Total number of postal outlets	18,502	17,976	16,436
5.2 Average radius per postal outlet (km)	2.39	2.42	2.53
5.3 Average number of inhabitants served by a postal outlet(persons)	4,659	4,796	5,270





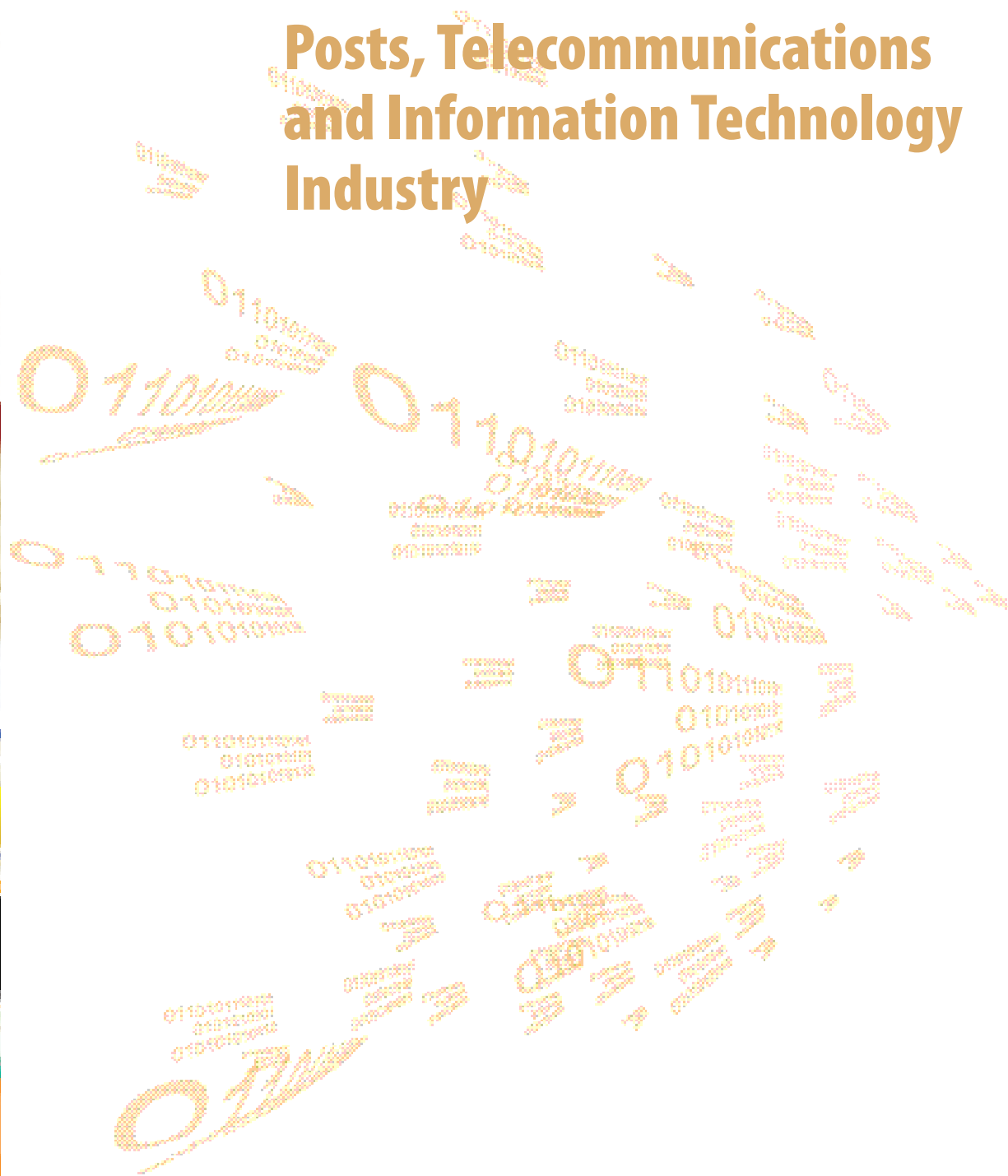
- EMS Trong nước
Domestic EMS
- EMS Quốc tế
International EMS
- EMS Thỏa thuận
Domestic EMS Economy
- EMS Hóa tốc
EMS Urgent service
- EMS Hạn giờ
EMS Time Certain service
- EMS Hồ sơ xét tuyển
Application documents for universities
- EMS Hộ chiếu ngoại giao, công vụ
EMS diplomatic passports
- EMS Visa





CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Posts, Telecommunications and Information Technology Industry



1 CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tình hình phát triển công nghiệp CNTT Việt Nam giai đoạn 2006-2010

Kế thừa những kết quả đạt được của giai đoạn 2000-2005, tiếp tục giữ vững mức tăng trưởng cao, giai đoạn 2006-2010 công nghiệp CNTT đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, trở thành một ngành kinh tế-kỹ thuật mũi nhọn, là một trong những động lực quan trọng đối với sự phát triển đất nước, giúp nâng cao đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo, từng bước góp phần đưa Việt Nam đuổi kịp các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Ngành công nghiệp CNTT Việt Nam phát triển ngày càng đa dạng và phong phú trên các lĩnh vực: phần mềm và dịch vụ CNTT, nội dung số, phần cứng,... Đặc biệt, công nghiệp nội dung số và dịch vụ CNTT đang có cơ hội trở thành lĩnh vực có tốc độ và quy mô tăng trưởng nhanh và mạnh nhất trong những năm tới.

Trong Công nghiệp CNTT, lĩnh vực Công nghiệp phần mềm và Dịch vụ CNTT giai đoạn 2006-2010 đạt được tốc độ tăng trưởng cao cả về doanh số và thị trường, và đang trở thành một ngành kinh tế đầy hứa hẹn của đất nước. Tốc độ tăng trưởng doanh thu lĩnh vực này trung bình hơn 30%/năm, đạt trên 1 tỷ USD năm 2010, gấp 4 lần so với năm 2005, trong đó xuất khẩu chiếm tỷ lệ khoảng 35%, tăng hơn 5 lần so với 2005. Các thị trường xuất khẩu chính của các doanh nghiệp phần mềm Việt Nam là Nhật Bản và Bắc Mỹ. Việt Nam thường xuyên được các tổ chức tư vấn hàng đầu thế giới như KPMG, Gartner, A.T.Kearney đánh giá cao trong danh sách các điểm đến hấp dẫn nhất thế giới về gia công phần mềm (theo xếp hạng của tập đoàn A.T. Kearney công bố năm 2011, Việt Nam được xếp hạng thứ 8 trong số các nước hấp dẫn nhất về gia công phần mềm).

Các dịch vụ CNTT như gia công phần mềm (ITO), gia công quy trình kinh doanh (BPO), hạ

tầng trung tâm dữ liệu, dịch vụ hosting, dịch vụ ứng dụng trên nền điện toán đám mây, các dịch vụ ứng dụng trên điện thoại di động, ngân hàng điện tử, thương mại điện tử,... đang ngày càng phát triển tại thị trường trong nước, cũng như thu hút các hợp đồng gia công cho nước ngoài. Đặc biệt, dịch vụ cung cấp giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống đã tăng trưởng mạnh trong 5 năm qua. Quy mô doanh số của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này tăng bình quân trên 35%/năm.

Số lượng doanh nghiệp phần mềm, dịch vụ CNTT tăng nhanh, tính đến năm 2010, cả nước có khoảng trên 1.000 doanh nghiệp, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2005, trong đó chủ yếu tập trung tại tỉnh, thành phố lớn, với nhân lực trên 70.000 người. Năng suất lao động bình quân toàn ngành phần mềm và dịch vụ đạt trên 14.800 USD/lao động, nhưng với các doanh nghiệp có thâm niên cung cấp dịch vụ cho nước ngoài thì mức doanh thu đạt trên 20.000USD/người/năm, đặc biệt đối với lĩnh vực tích hợp hệ thống doanh thu đạt trên 30.000USD/người/năm.

Việt Nam hiện đã có nhiều doanh nghiệp phần mềm có quy mô trên 1.000 người như FPT Information Systems, TMA, PSV,..., đặc biệt FPT Software đã có trên 3500 lao động. Cả nước đã có 02 doanh nghiệp đạt chứng chỉ quản lý chất lượng quốc tế CMMi cấp 5, và hàng chục công ty có chứng chỉ CMMi cấp 4, CMMi cấp 3 hoặc ISO-9001. Hiện tại có 7 khu phần mềm tập trung đang hoạt động, trong đó có một số khu khá thành công, được nhiều người biết đến như Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu công nghệ phần mềm Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh v.v....

1 INFORMATION TECHNOLOGY INDUSTRY

The development of Viet Nam's IT industry in the period 2006-2010

Continuing with the achievements in 2000-2005 period, in period of 2006-2010 Viet Nam's IT industry maintains the high growth rates, and achieved significant results, become a key economic-technology sector, and also is one of the important driving force for the development, reducing poverty and improving people's living standards, and help to bring Viet Nam gradually catch up with developed countries in region and over the world. The development of Viet Nam's IT industry is diversely in such fields as software industry, hardware industry, digital content industry, IT services,... In particular, the digital content industry and IT services are expected to booming in coming years.

Among IT industry, the fields software development and services in period 2006-2010 have achieved significant growth in both revenue and market, become a most promising economic sector of the country. The revenue of this area grows at the average rate over 30% a year, reached over 1 billion USD in 2010, four times increasing compare with that in the year 2005, with the export revenue account for about 35%, increasing 5 times as in 2005. The main export markets of Viet Nam's software enterprises are Japan and North America. Viet Nam is often on the top 10 of the most attractive destinations for global outsourcing exports which ranked by international consulting organizations such as KPMG, Gartner, AT Kearney (In the report "Ofshoring Opportunities Amid Economic Turbulence" by AT Kearney announced in 2011, Vietnam is ranked at level 8 among the most attractive destinations for outsourcing).

IT services like IT outsourcing (ITO), business process outsourcing (BPO), data center infrastructure, hosting services, cloud computing, mobile applications, e-banking, e-commerce ... are popularly growing in the domestic market, as well as attracting outsourcing contracts with foreign

partners. Especially, IT solution consultant and systems integrated service have strongly grown in the last 5 years, with the scale of revenue in this area increased annually on average by 35% per year.

Number of enterprises in software, IT services also increased rapidly, which reached over 1,000 firms in 2010, increased 2.5 times as in 2005, which mainly located in big cities, with over 70,000 labors. Average labor productivity on the software and IT services reached 14,800USD/employee/year, but with high ranking businesses, this number may reach over the 20,000USD/employee/year, especially for the firms who provide the integrated services, the number reached over 30,000USD/employee/year.

Up to now, Viet Nam has many software firms which have more than 1,000 employees such as FPT Information Systems, TMA, PSV, ..., especially FPT Software has more than 3,500 employees. There are two software firms have achieved the CMMi level 5, and dozens of companies certified CMMi level 4, CMMi level 3 or ISO-9001. Currently there are seven IT parks operation in the country, which some quite successful and well known such as Quang Trung Software Park, Da Nang software park, IT Park of the National University in Ho Chi Minh City, etc...

Viet Nam's Hardware and Electronic industry has developed rapidly in scale, with the strong contribution of multi-national corporations (MNC) direct investing in this sector. In 2010, the revenue of hardware, electronic industry reached 5.6 billion USD, increasing 5 times as that in 2005. This industry is in the top 5 industries which have highest export revenue of Viet Nam, with export turnover in 2010 about 3.5 billion USD. The mainly exported products are computer related products, electronics and components, which are exported to 35 countries in the region and the world.

Công nghiệp phần cứng, điện tử Việt Nam phát triển nhanh về quy mô, với sự tham gia mạnh mẽ của các tập đoàn đa quốc gia đầu tư hoạt động trong lĩnh vực này. Năm 2010, công nghiệp phần cứng, điện tử đạt doanh số trên 5,6 tỷ USD, tăng gấp 5 lần so với năm 2005. Ngành công nghiệp này luôn đứng trong nhóm 5 ngành công nghiệp có tỷ trọng xuất khẩu cao của Việt Nam, với tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt gần 3,5 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là các sản phẩm máy tính, điện tử và linh kiện, được xuất khẩu tới 35 nước trong khu vực và trên thế giới.

Tính đến hết năm 2010, Việt Nam có khoảng trên 127.500 nhân công làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp phần cứng, điện tử Việt Nam. Về cơ cấu lao động, có 10% tham gia sản xuất thiết bị viễn thông, 25% tham gia sản xuất thiết bị văn phòng và máy tính, còn lại là sản xuất các sản phẩm điện tử và điện gia dụng. Khoảng 90% tổng số lao động có trình độ chuyên môn về điện tử, viễn thông và CNTT. Doanh thu trên lao động trung bình của lĩnh vực công nghiệp phần cứng, điện tử của Việt Nam đạt khoảng 44.100 USD/lao động.

Nhiều tập đoàn CNTT lớn của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam đang mở rộng quy mô hoạt động, điển hình là Intel, Samsung Electronics, Canon, Nokia,... Một số công ty lắp ráp máy tính thương hiệu Việt Nam cũng đã đầu tư các dây chuyền lắp ráp hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, dẫn đầu định được chỗ đứng trên thị trường nội địa như FPT Elead, CMS, VTB,... Một số sản phẩm điện thoại di động mang thương hiệu Việt Nam đã chiếm lĩnh được thị phần đáng kể trong nước như Q-Mobile, AVIO-Mobile, Bluefone ... Lĩnh vực thiết kế chip, board mạch điện tử cũng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Lần đầu tiên Việt

Nam đã chính thức thiết kế và cho ra đời chip vi xử lý 8bit, 16bit, 32bit, điển hình là chip vi xử lý 32bit VN1632 của Trung tâm nghiên cứu và đào tạo thiết kế vi mạch (ICDREC) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nghiệp nội dung số tuy chỉ mới phát triển trong mấy năm gần đây nhưng tốc độ tăng trưởng hàng năm luôn đạt hơn 40%. Trong đó, những lĩnh vực phát triển nổi bật là nội dung số trên mạng di động, nội dung số trên Internet, trò chơi trực tuyến, giải trí điện tử, thương mại điện tử, thư viện điện tử, truyền hình số và báo điện tử. Năm 2010, tổng doanh thu ngành công nghiệp nội dung số Việt Nam đạt 934 triệu USD, tăng gần 9 lần doanh thu của năm 2005. Hiện nay các doanh nghiệp nội dung số Việt Nam đang mở rộng địa bàn hoạt động và đã cung cấp dịch vụ cho một số thị trường nước ngoài như Lào, Campuchia, Ấn Độ, Hàn Quốc,...

Hiện nay có trên 500 doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành công nghiệp nội dung số Việt Nam, điển hình như VTC, VNG, FPT, VASC, VDC,... Ngành công nghiệp này thu hút khoảng 50.900 lao động, trong đó có khoảng 70% lao động trực tiếp sản xuất. Đa số lao động ngành công nghiệp nội dung số đều được đào tạo với trình độ chuyên môn tốt, với khoảng 10% có trình độ trên đại học, khoảng 70% lao động có trình độ đại học, cao đẳng và 20% có trình độ trung học chuyên nghiệp trở xuống. Doanh thu trên lao động trung bình của lĩnh vực công nghiệp nội dung số đạt trên 18.300 USD/lao động/năm.

Về môi trường pháp lý và chính sách phát triển CNTT, nhiều văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành như Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật giao dịch điện tử năm 2005, Luật sở hữu trí tuệ năm 2006,

Up to end of 2010, there are about 127,500 labors work in hardware and electronic enterprises in Viet Nam. There are around 10% labor force involved in manufacturing of telecom equipment, 25% involved in manufacturing of office equipments and computers, the rest are in manufacturing electronic products and electrical appliances. About 90% of workers have qualification and expertise experience in electronics, telecom and IT. The rate of turnover on employees in the hardware and electronic area in Viet Nam reached 44,100USD/employee/year.

Many multinational corporations on ICT are planning to expand their investment and operation in Viet Nam, such as Intel, Samsung Electronics, HP, Nokia, etc. The local hardware companies also invested modern production lines, and improve the quality management system with international standard, and asserted their positions in the domestic market, such as FPT Elead, CMS, VTB, etc... Some Vietnamese mobile brands have dominating a significant share in the domestic market such as Q-Mobile, AVIO-Mobile, Bluefone ect... The areas of chip and electronic board design also achieved significant results. Viet Nam now able to design and produce microprocessor 8bit, 16bit, 32bit, typically the 32-bit micro-processor named VN1632 make by The Research and Education Center (ICDREC) of National University in Ho Chi Minh City.

Digital content industry is the new immersing sector but rapidly growing with over 40% yearly. The key fields of this areas are content on mobile networks, content on the internet, online games, online entertainment, E-commerce, E-libraries, digital television, electronic newspapers. In 2010 the revenue of the digital content industry of Viet Nam reached 934 million USD, increasing 9 times compare with that in 2005. Recently the Viet Nam's digital content enterprises are expanding their market and providing services to other countries such as Laos, Cambodia, Indonesia, South Korea, etc.

By 2010, there were over 500 content providers operation in Viet Nam, typically are VTC, VNG, FPT, VASC, VDC, etc.... This industry employed about 50,900 labors, which 70% direct related to content production and services. Most of the labor in the digital content industry are well educated, which about 10% have master degree, 70% have bachelor degree, and 20% have diploma or professional certificate. The rate of turnover on employees in the digital content industry in Viet Nam reached 18,300USD/employee/year.

In terms of legal framework and policies for IT industry development, many important legal documents are issued such as Information Technology Law in 2006, Intellectual Property Law in 2006, Electronic Transaction Law in 2005 and High Technology Law in 2008, and

Luật Công nghệ cao năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật trên. Những văn bản này đã hình thành nên hành lang pháp lý cơ bản để điều chỉnh các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT, tạo điều kiện thuận lợi để từng bước phát triển xã hội tri thức, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Theo quy định của pháp luật của Việt Nam, lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt là sản xuất phần mềm được hưởng các chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm khuyến khích đầu tư. Bên cạnh đó, để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt nhiều chương trình, kế hoạch quan trọng như Chương trình phát triển

công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010 (theo Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg), Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010 (theo Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg), Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (theo Quyết định 75/2007/QĐ-TTg) và Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số (theo Quyết định 50/2009-QĐ/TTg). Những chương trình, kế hoạch này đã góp phần quan trọng trong việc định hướng và thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT đầy tiềm năng này của Việt Nam.

Định hướng phát triển công nghiệp CNTT tới năm 2015 và tầm nhìn đến 2020

Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 22/9/2010 (theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg) đã xác định các mục tiêu phát triển cho ngành công nghiệp CNTT như sau:

Đến năm 2015: các doanh nghiệp Việt Nam có đủ năng lực thiết kế, sản xuất thiết bị, thay thế dần các chi tiết nhập khẩu, đẩy mạnh nghiên cứu chế tạo vi mạch tích hợp, làm chủ thiết kế và sản xuất được một số sản phẩm phần cứng mang thương hiệu Việt Nam, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Việt Nam nằm trong số 15 nước dẫn đầu về cung cấp dịch vụ gia công phần mềm và nội dung số. Quy mô và tính chuyên nghiệp của các doanh nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam được nâng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và khu vực.

Đến năm 2020: hình thành được các tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ

thông tin và truyền thông mạnh, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp, đủ năng lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có công nghệ cao. Công nghiệp phần mềm và dịch vụ gia công của Việt Nam phát triển mạnh mẽ, Việt Nam nằm trong số 10 nước dẫn đầu về cung cấp dịch vụ gia công phần mềm và nội dung số. Các doanh nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam làm chủ thị trường trong nước và tham gia xuất khẩu. Nhiều sản phẩm, giải pháp phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin của Nhà nước và doanh nghiệp do Việt Nam nghiên cứu, phát triển hoặc bản địa hóa từ các phần mềm mã nguồn mở. Công nghiệp công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghiệp phần mềm, dịch vụ CNTT và dịch vụ trên nền CNTT trở thành một ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong các ngành kinh tế-kỹ thuật, và chiếm tỷ trọng cao trong GDP của cả nước.

the guiding documents and policies to implement such laws. These documentations created the basic legal framework to regulate and promote the IT industry and IT application, created favorable conditions for the development of knowledge society, push up the industrialization and modernization of the country

According to the laws of Viet Nam, information technology industry, especially software development field has given many favorable intensives to attract investment. Additional, in order to promote the development of IT industry, the Prime Minister has approved

many important master plans and national programs such as The Development Program for Viet Nam's Software Industry to 2010 (Decision No. 51/2007/QD-TTg), the Development Program for Viet Nam's Digital Content Industry to 2010 (Decision No. 56/2007/QD-TTg), The Master Plan for Viet Nam's Electronics Industry to 2010 and vision to 2020 (the Decision 75/2007/QD-TTg), and The Regulation to Implement the Programs for Software Industry and Digital Content Industry Development (the Decision 50/2009-QD/TTg). These programs and master plans are significantly contributed to the direction and promotion for the development of this potential industry of Viet Nam.

The direction for IT Industry development to 2015 and the vision to 2020

The National Strategy "transforming Viet Nam soon become an advance ICT country", which approved by the Prime Minister (Decision No. 1755/QD-TTg) on 22/9/2010, has determined basic objectives for IT Industry development as follows:

By 2015: Viet Nam's IT enterprises are fully capable of designing, manufacturing equipments, gradually replacing imported parts, promoting research and manufacture of integrated circuits, able to design and manufacture of some hardware products which Vietnamese brands, to meet domestic demands and exports. Viet Nam is among 15 leading countries providing outsourcing services and digital content industry. Make a signification improvement in the scale and professionalism of Viet Nam's enterprises operating in software, digital content and IT services, let them able to competitive in domestic and regional market.

By 2020: Forming R&D organizations which strong capacity in ICT research and development, especially R&D firms within enterprises, able to research and develop new high-tech products. Promote the software industry and outsourcing services of Viet Nam to strong growth, push Viet Nam in the top 10 leading countries in providing outsourcing services and digital content industry. The Viet Nam's enterprises can dominate the domestic market of software, digital content and IT services, and expand in foreign market. Many IT products and applications for use in public sector and business are researched and developed by Viet Nam firms, or localized from open source software. Information technology industry, especially the software industry, IT services and services-based IT become a key industry with the fastest growth rate within national economic-technology sectors, and significant contributing to the GDP of the country.

1.1 Doanh thu ngành công nghiệp CNTT (Triệu USD)

	12/2008	12/2009	12/2010	Tốc độ tăng trưởng năm 2010 (%)
1.1.1 Tổng doanh thu công nghiệp CNTT	5.220	6.167	7.629	23,71
1.1.2 Công nghiệp phần cứng	4.100	4.627	5.631	21,69
1.1.3 Công nghiệp phần mềm	680	850	1.064	25,17
1.1.4 Công nghiệp nội dung số	440	690	934	39,71

1.2 Số lao động trong ngành công nghiệp CNTT (người)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.2.1 Công nghiệp phần cứng	110.000	121.300	127.548
1.2.2 Công nghiệp phần mềm	57.000	64.000	71.814
1.2.3 Công nghiệp nội dung số	33.000	41.000	50.928

1.3 Doanh thu bình quân/1 lao động ngành công nghiệp CNTT (USD/người/năm)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.3.1 Công nghiệp phần cứng	37.200	38.582	44.148
1.3.2 Công nghiệp phần mềm	12.000	13.750	14.816
1.3.3 Công nghiệp nội dung số	13.300	16.829	18.339

1.4 Mức lương bình quân ngành công nghiệp CNTT (USD/người/năm)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.4.1 Công nghiệp phần cứng	1.440	1.809	2.201
1.4.2 Công nghiệp phần mềm	3.600	4.093	5.123
1.4.3 Công nghiệp nội dung số	2.820	3.505	4.896

1.5 Xuất nhập khẩu CNTT - TT (Triệu USD)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.5.1 Kim ngạch xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.638	2.763	3.590
Kim ngạch xuất khẩu thiết bị viễn thông	168,8	606,8	2.076
1.5.2 Kim ngạch nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	3.714	3.953,9	5.208,6
Kim ngạch nhập khẩu thiết bị viễn thông	1.995,8	2.573	2.429

Nguồn: Tổng cục Hải quan

1.1 IT industry revenue (Million USD)

	12/2008	12/2009	12/2010	Growth rate of 2010 (%)
1.1.1 Total revenue of IT industry	5,220	6,167	7,629	23.71
1.1.2 Hardware industry revenue	4,100	4,627	5,631	21.69
1.1.3 Software industry revenue	680	850	1,064	25.17
1.1.4 Digital content industry revenue	440	690	934	39.71

1.2 Total number of employees in IT sector (persons)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.2.1 Hardware industry	110,000	121,300	127,548
1.2.2 Software industry	57,000	64,000	71,814
1.2.3 Digital content industry	33,000	41,000	50,928

1.3 Average of revenue per employee in IT sector (USD/person/year)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.3.1 Hardware industry	37,200	38,582	44,148
1.3.2 Software industry	12,000	13,750	14,816
1.3.3 Digital content industry	13,300	16,829	18,339

1.4 Average of wage in IT sector (USD/person/year)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.4.1 Hardware industry	1,440	1,809	2,201
1.4.2 Software industry	3,600	4,093	5,123
1.4.3 Digital content industry	2,820	3,505	4,896

1.5 ICT Import - Export (Million USD)

	12/2008	12/2009	12/2010
1.5.1 Computer, spare parts and electronic products export turnover	2,638	2,763	3,590
Telecommunication equipments export turnover	168.8	606.8	2,076
1.5.2 Computer, spare parts and electronic products export turnover	3,714	3,953.9	5,208.6
Telecommunication equipments export turnover	1,995.8	2,573	2,429

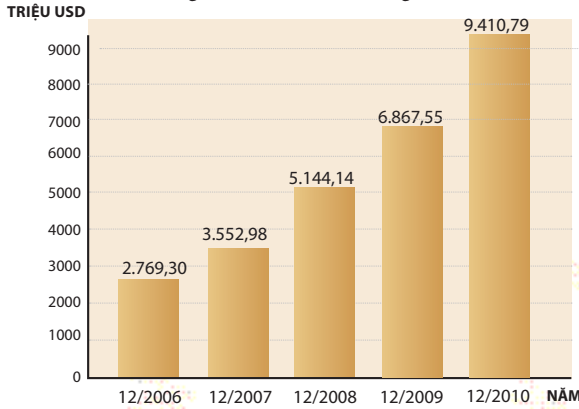
Source: General Directorate of Customs

2

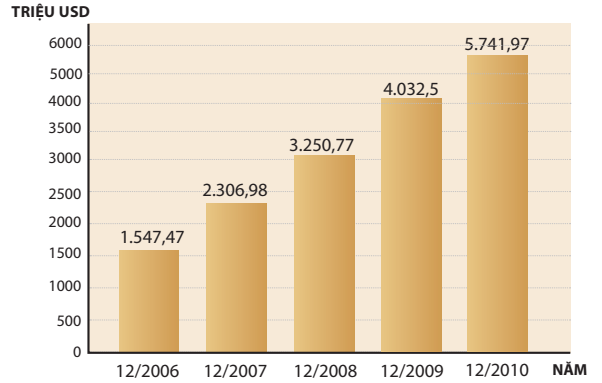
VIỄN THÔNG

2.1 Doanh thu viễn thông (Triệu USD)

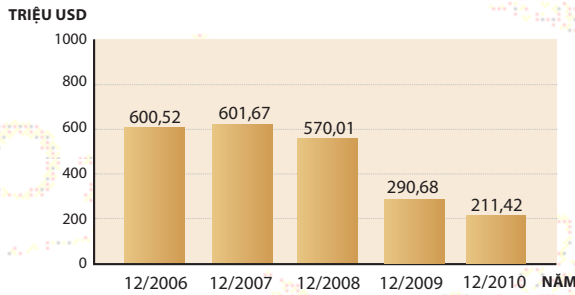
2.1.1 Tổng doanh thu viễn thông



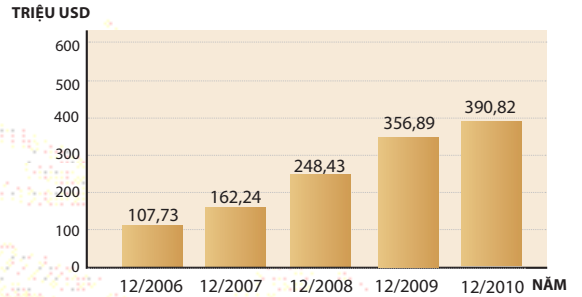
2.1.2 Doanh thu các dịch vụ di động



2.1.3 Doanh thu dịch vụ cố định



2.1.4 Doanh thu các dịch vụ Internet



(Tỷ giá VND/USD:18.932 VND/1USD, theo tỷ giá thị trường liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31/12/2010)

	12/2009	12/2010
2.1.5 Doanh thu dịch vụ nội dung số mạng trên mạng di động (Triệu USD)	383,33	571,63

2.2 Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet

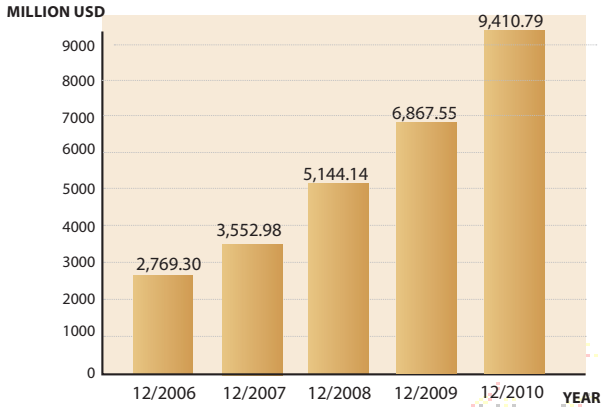
TT	Phân loại	3/2009	12/2010	
2.2.1	Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cố định	08	10	VNPT, Viettel, EVNTelecom, SPT, FPT, VTC. Đông Dương, CMC TI, HanoiTelecom, Gtel.
2.2.2	Số lượng các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động (2G)	07	07	VNP, VMS, Viettel, Gtel Mobile, EVNTelecom, SPT, HanoiTelecom
2.2.3	Số lượng các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động (3G)	05	05	04 giấy phép: VNP, VMS, Viettel, EVN Telecom + Hanoi Telecom
2.2.4	Số lượng các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động không có hệ thống truy nhập vô tuyến (MVNO)	02	02	Dong Duong Telecom, VTC
2.2.5	Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet	90	80	VDC(VNPT),FPT, Viettel, EVNTelecom, SPT...

2

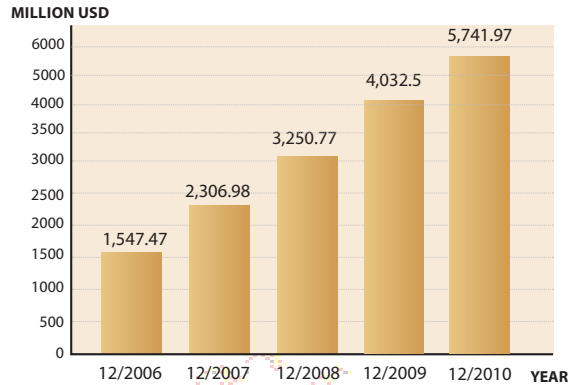
TELECOMMUNICATIONS

2.1 Telecommunication turnover (Million USD)

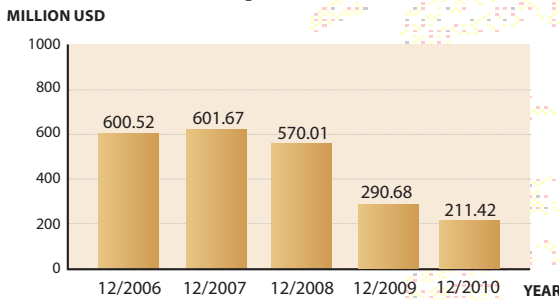
2.1.1 Total telecommunications revenue



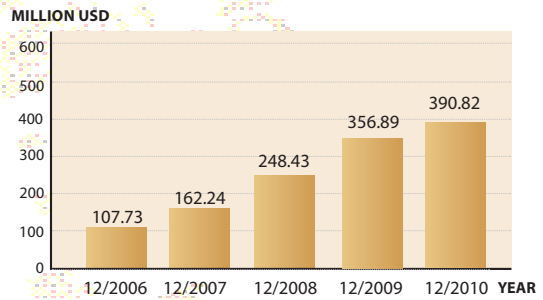
2.1.2 Basic mobile services revenue



2.1.3 Fixed telephone services revenue



2.1.4 Total Internet services revenue



(The inter-bank average rate of VND versus USD of the State Bank of Viet Nam on 31/12/2010: 18,932VND/1USD)

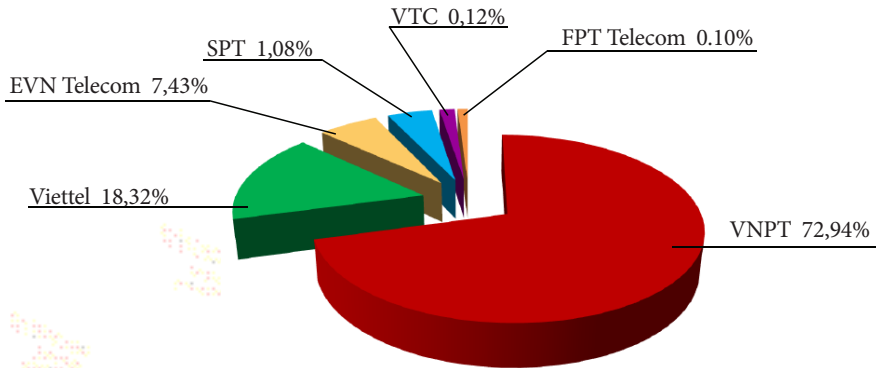
	12/2009	12/2010
2.1.5 Digital content services on mobile network revenue (Million USD)	383.33	571.63

2.2 Number of telecom, internet service providers

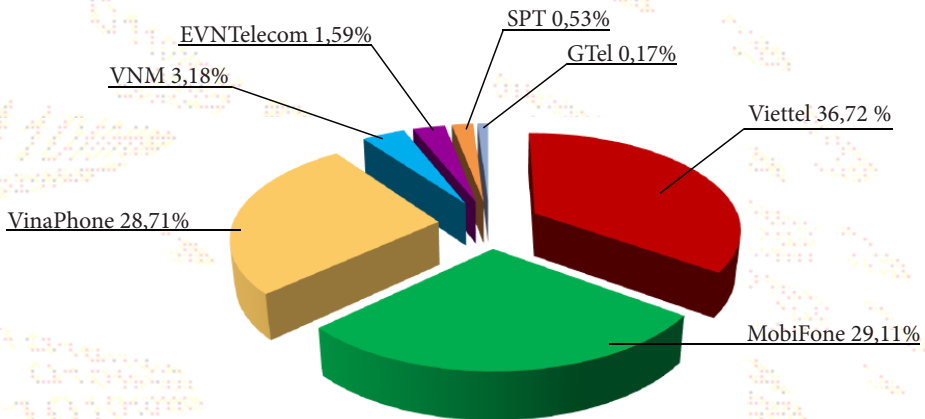
	3/2009	12/2010	
2.2.1 Number of fixed telephone service operators	08	10	VNPT, Viettel, EVNTelecom, SPT, FPT, VTC, Đông Dương, CMC TI, HanoiTelecom, Gtel.
2.2.2 Number of mobile communication service operators (2G)	07	07	VNP, VMS, Viettel, Gtel Mobile, EVNTelecom, SPT, HanoiTelecom
2.2.3 Number of mobile communication service operators (3G)	05	05	04 licenses: VNP, VMS, Viettel, EVN Telecom + Hanoi Telecom
2.2.4 Number of mobile virtual network operator (MVNO)	02	02	Dong Duong Telecom, VTC
2.2.5 Number of Internet Service Providers	90	80	VDC(VNPT),FPT, Viettel, EVNTelecom, SPT...

2.3 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông

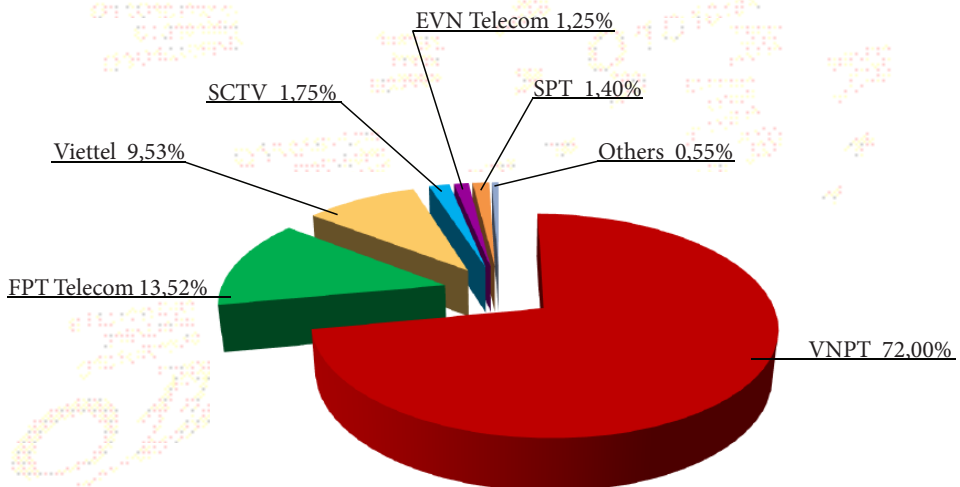
Thị phần (thuê bao) dịch vụ điện thoại cố định của các doanh nghiệp



Thị phần (thuê bao) dịch vụ điện thoại di động của các doanh nghiệp

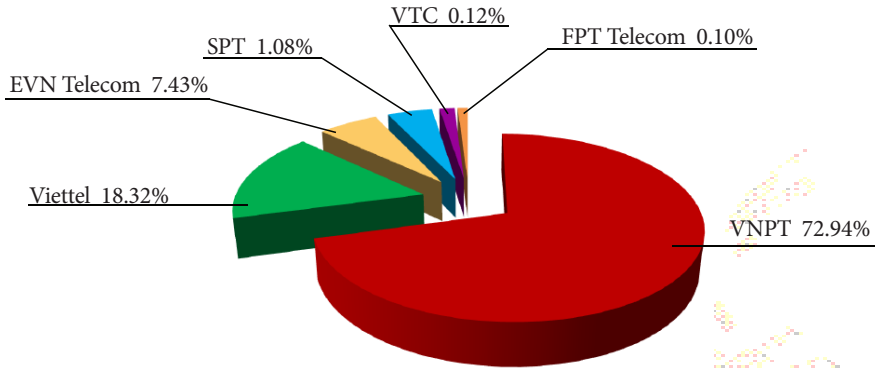


2.4 Thị phần (thuê bao) dịch vụ truy nhập Internet của các doanh nghiệp

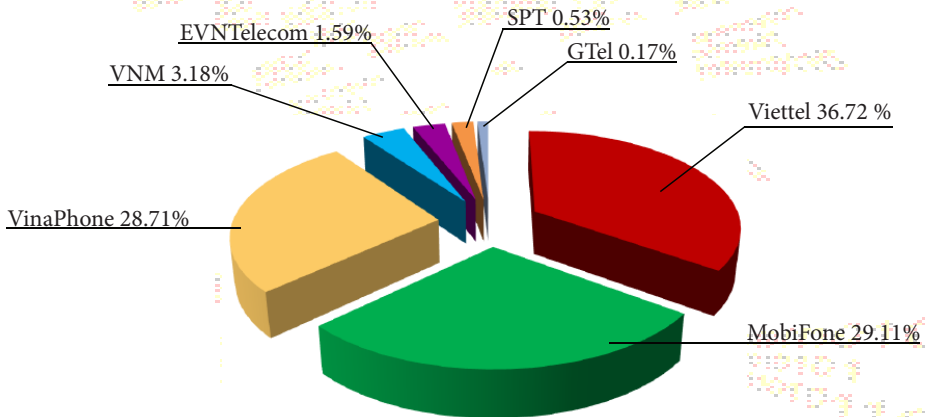


2.3 Market share (subscribers) of telecom service operators

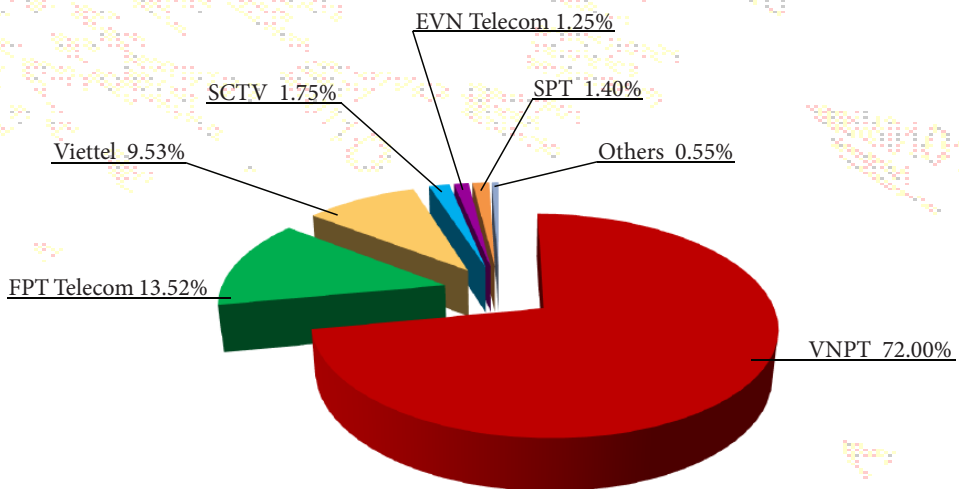
Market shares (subscribers) of fix telephone service providers



Market shares (subscribers) of mobile phone service providers



2.4 Market shares (subscribers) of Internet service providers



Trước đây dịch vụ bưu chính do cơ quan Nhà nước cung cấp, sau khi chia tách chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh doanh, Chính phủ đã thành lập Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (sau này là Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính trên phạm vi toàn quốc và thực hiện nhiệm vụ bưu chính công ích), đồng thời hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách nhằm phát triển lĩnh vực bưu chính. Năm 2002, Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X thông qua, đã tạo một hành lang pháp lý cơ bản cho thị trường bưu chính ổn định và phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tham gia kinh doanh dịch vụ bưu chính trong môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch. Năm 2010, Luật Bưu chính đã được Quốc hội thông qua nhằm giải phóng và phát huy tốt hơn các nguồn lực, thực hiện triệt để hơn các nguyên tắc của kinh tế thị trường, đẩy mạnh việc hội nhập quốc tế và bảo đảm việc thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực bưu chính, tạo cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp mới tiếp cận thị trường. Tính đến hết 31/12/2010, đã có 40 doanh nghiệp được cấp phép, xác nhận thông báo tham gia hoạt động trong lĩnh vực này.

Các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ bưu chính được chia thành 2 nhóm chính sau:

- Doanh nghiệp chuyên kinh doanh dịch vụ bưu chính: Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (VNPost), Công ty Cổ phần chuyển phát nhanh bưu điện (PT-EMS), Công ty Cổ phần bưu chính Viettel (Viettel Post), Công ty Cổ phần tập đoàn

Hợp Nhất Việt Nam, Công ty Cổ phần thương mại và chuyển phát nhanh Nội Bài (Netco),...

- Doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực (chủ yếu là doanh nghiệp kinh doanh vận tải mở rộng phạm vi kinh doanh): Công ty TNHH vận tải bus Hải Phòng, Công ty TNHH vận tải Hoàng Long, Công ty Cổ phần vận tải tốc hành Mai Linh, Công ty TNHH vận tải Việt Đức,...

Mặc dù thị trường bưu chính đã mở cửa và có nhiều doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nhưng chủ yếu tập trung ở một số doanh nghiệp lớn như Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, Công ty Cổ phần bưu chính Viettel, Công ty liên doanh DHL-VNPT, Công ty liên doanh TNT-Viettrans,... Ngoài ra còn có một số công ty chuyển phát nhanh nước ngoài đang hoạt động mạnh ở Việt Nam dưới hình thức thuê các doanh nghiệp trong nước làm đại lý như FedEx, OSC, Airborn,...

Ngoài các dịch vụ bưu chính của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các doanh nghiệp tham gia thị trường bưu chính chủ yếu hoạt động để cung ứng các dịch vụ có chất lượng và khả năng thanh toán cao (các loại dịch vụ chuyển phát nhanh như: dịch vụ CPN hẹn giờ, dịch vụ CPN 24h, 32h,...) đặc biệt là tập trung kinh doanh ở khu vực kinh tế phát triển, có mật độ dân số cao như các thành phố lớn, khu công nghiệp,... và ngày càng chiếm lĩnh thị phần ở các khu vực này.

Sản lượng bưu gửi các loại năm 2009 đạt gần 250 triệu cái. Năm 2010 đạt khoảng 330 triệu cái (tăng 32 % so với năm trước).

3 POSTAL SECTOR

For a long time postal services had been provided by the State, after separation of administration and business functions, the Government established the Viet Nam Posts and Telecommunications Corporation (afterwards Viet Nam Post which company provides postal services nationwide including universal postal services) as well as improved legal framework and policies to develop Viet Nam's postal sector. In 2002, Ordinance on Posts and Telecommunications had created a basic legal framework for stable and developed postal market, stimulating other operators beside Viet Nam Post to run postal service business in a fair and transparent environment. The Postal Law had been adopted in 2010. This legal text based on the principles of the market oriented economy, promoting international integration and guaranteeing social equality in postal sector, creating more opportunities to new operators to explore all resources. Until Dec 31, 2010, there are 40 postal operators which had been licensed or certified.

Postal operators are divided into the 2 main groups:

- Operators specialized in providing postal

services: Viet Nam Post (VNPost), P&T Express (PT-EMS), Viettel Post Jsc (Viettel Post), Hop Nhat Viet Nam Jsc, Noi Bai trading and express delivery (Netco), etc.

- Operators doing business in several sectors (almost in transportation): Hai Phong Bus Transportation Ltd; Hoang Long Transportation Ltd, Mai Linh Express Transportation Jsc, Viet Duc Transportation Ltd, etc.

Although the postal market is open but dominant operators are Vietnam Post, Viettel Post, DHL-VNPT, TNT-Viettrans Express Worldwide Ltd, etc. Cross-border services of international courriers as FedEx, OSC, Airborn are provided under agent contract with domestic postal operators.

Beside services of Viet Nam Post, other postal operators mainly offer express delivery services with high quality (as Time Requested Express, 24h Express, 32h Express, etc.), focusing on developed regions, big cities, industrial parks, etc.

The mailvolume of 2009 represented around 250 millions and roughly 330 millions in 2010 (a 32% increase).

Định hướng phát triển trong thời gian tới

- Tạo sân chơi bình đẳng và từng bước nới lỏng quản lý.

Nhà nước xây dựng và hoàn thiện môi trường cạnh tranh theo quy định của pháp luật, minh bạch hoá các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động bưu chính với những sản phẩm và dịch vụ tốt hơn và rẻ hơn cho khách hàng, đồng thời từng bước nới lỏng quản lý để tạo sự chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp.

- Đảm bảo nghĩa vụ cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập.

Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (là doanh nghiệp được Nhà nước giao thực hiện nghĩa vụ cung ứng dịch vụ bưu chính công ích) đang phải chịu một sức ép rất lớn từ xu hướng tự do hoá

mở cửa thị trường. Tuy nhiên, quyền thông tin và được thông tin là một trong những quyền công dân cơ bản mà Nhà nước phải bảo đảm. Do vậy, việc mở cửa thị trường bưu chính phải luôn luôn được cân đối với mục tiêu phổ cập dịch vụ nhằm đảm bảo mọi người dân đều được sử dụng dịch vụ bưu chính cơ bản đáng tin cậy với giá cước phù hợp.

- Đảm bảo thị trường bưu chính hoạt động ổn định, nề nếp.

Trong giai đoạn trước mắt, việc phát triển các dịch vụ bưu chính của Việt Nam cũng như việc xây dựng khung pháp lý mới, công tác thực thi pháp luật cần từng bước có những điều chỉnh nhất định để phù hợp với tình hình thế giới nhưng vẫn phải đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế riêng của Việt Nam nhằm đảm bảo thị trường bưu chính hoạt động ổn định và phát triển.

3.1 Doanh thu ngành Bưu chính (triệu USD)

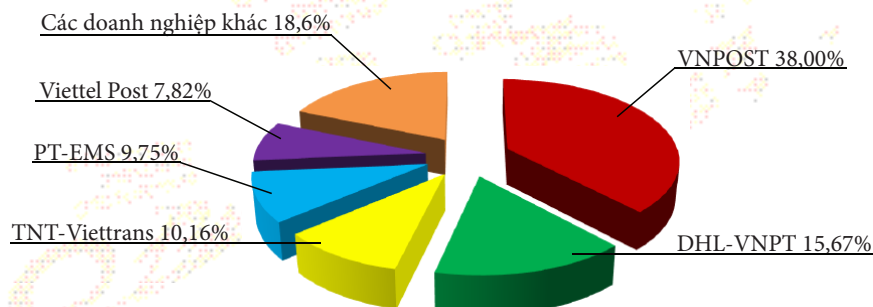
	12/2008	12/2009	12/2010
3.1.1 Tổng doanh thu các doanh nghiệp Bưu chính *	491,10	453,74	483,07
3.1.2 Doanh thu dịch vụ bưu chính	136,22	175,12	212,21

3.2 Nhân lực ngành Bưu chính (người)

	12/2008	12/2009	12/2010
3.2.1 Tổng số lao động trong ngành bưu chính	54.834	54.685	48.964

3.3 Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính

	12/2007	12/2008	12/2009	12/2010
3.3.1 Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính	07	15	23	31
3.3.2 Số lượng doanh nghiệp được xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1	13	25	29
3.3.3 Tổng số doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính, xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	08	19	32	40

3.4 Thị phần các doanh nghiệp bưu chính tính theo doanh thu (2010)

* Doanh thu năm 2009, 2010 chưa bao gồm hỗ trợ của Nhà nước đối với việc cung ứng dịch vụ bưu chính công ích

Development orientation in the future

- Stimulating fair competition and gradually deregulating.

The State will build and improve the competitive environment under legal framework, transparent policies to create favorable conditions for operators to run postal business with better and cheaper services for customers. At the same time, the gradually deregulation will be made for creating operators' flexibility and self-control.

- Ensuring universal service obligation - USO.

VNPost, the State enterprise in charge of providing USO, is under a huge pressure from the trend

of market liberalization. However, the right on informing and being informed is one of the basic civil rights that the State must ensure. Therefore, the postal market liberalization must be balanced with USO to ensure that all Vietnamese citizens could access to basic postal services at affordable price.

- Ensuring a stable and orderly postal market.

In the near future, the development of new postal services, new legal framework and law enforcement need to be made necessary adjustments not only to fit the world situation and Viet Nam facts but also to make sure of stable and developed postal market.

3.1 Revenue of postal sector (million USD)

	12/2008	12/2009	12/2010
3.1.1 Total revenue of postal providers *	491.10	453.74	483.07
3.1.2 Postal service revenue	136.22	175.12	212.21

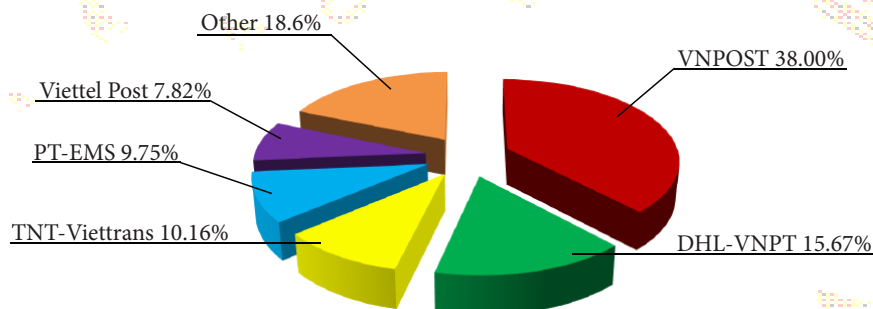
3.2 Number of employees in postal sector (persons)

	12/2008	12/2009	12/2010
3.2.1 Total number of employees in postal sector	54,834	54,685	48,964

3.3 Number of postal operators

	12/2007	12/2008	12/2009	12/2010
3.3.1 Number of licensed postal operators	07	15	23	31
3.3.2 Number of certified postal operators	1	13	25	29
3.3.3 Total number of licensed and certified postal operators	08	19	32	40

3.4 Market shares of postal service providers (2010)



* Total revenue of postal service in 2009, 2010 not including state's support for providing public post services

4

CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CNTT, BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

- Chương trình phát triển Công nghiệp phần mềm Việt Nam đến 2010 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007).
- Chương trình phát triển Công nghiệp nội dung số Việt Nam đến 2010 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 56/2007/QĐ-TTg ngày 03/5/2007).
- Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến 2010 tầm nhìn 2020 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28/5/2007).
- Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009).
- Dự án “Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, áp dụng quy trình sản xuất theo chuẩn CMMi”.
- Đề án phát triển thông tin, truyền thông nông thôn giai đoạn 2011-2020.
- Chiến lược phát triển Bưu chính-Viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

4

NATIONAL PROGRAMS AND PROJECTS FOR IT, POSTS AND TELECOMMUNICATIONS INDUSTRY DEVELOPMENT

- Program on development of Viet Nam's software industry to 2010 (Prime Minister's Decision No. 51/2007/QĐ-TTg on Apr 12, 2007).
- Program on development of Viet Nam's digital content industry to 2010 (Prime Minister's Decision No. 56/2007/QĐ-TTg on May 3, 2007).
- Master plan on development of Viet Nam's electronics industry up to 2010, with a vision toward 2020 (Prime Minister's Decision No. 75/2007/QĐ-TTg on May 28, 2007).
- Regulation on management of the Program on software industry development and the Program on Viet Nam's digital content industry development (Prime Minister's Decision No. 50/2009/QĐ-TTg on Apr 3, 2009).
- "Support Enterprises Implementing CMMi" Project.
- Rural Information and Communications Development period 2011-2020 Project.
- Strategy of Viet Nam Posts and Telecommunications Development in 2010 and orientation until 2020.





ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Information Technology Application in State Agencies



Việc ứng dụng CNTT đã trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành và thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Vào tháng 8 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 với các nội dung chính như sau:

Mục tiêu tổng quát đến năm 2015

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.
- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động.
- Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Định hướng đến năm 2020

- Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập được môi trường mạng rộng khắp phục vụ đa số các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hầu hết các giao dịch của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.
- Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp

trực tuyến mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

Nhiệm vụ chính

- Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, kết nối tới cấp đơn vị trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan nhà nước khác trong hệ thống chính trị, tới cấp xã, phường trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.
- Trang bị hạ tầng bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử; trung tâm chăm sóc khách hàng; điện thoại cố định; điện thoại di động; bộ phận một cửa và các hình thức khác
- Phát triển hệ thống quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc tới cơ quan nhà nước các cấp, bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi.
- Phát triển hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện giữa Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Phát triển hệ thống thông tin thống kê phục vụ các lĩnh vực kinh tế-xã hội khác nhau như: kinh tế, lao động, hành chính, án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình,...

The application of IT has become an integral part of government management, implementation of state policies, and improving services to the people. In August 2010, the Prime Minister of Viet Nam approved The National Program on Application of IT to Operation of State Agencies (Decision No. 1605/QĐ-TTg) with the following principal contents:

Objectives to 2015

- To build and complete IT infrastructure as a basis for developing an e-government.
- To extensively apply IT to internal operations of state agencies, aiming to raise productivity and reduce operating costs.
- To provide online and wide-area information and public services at high level, making operations of state agencies more transparent to better serve people and businesses.

Vision to 2020

- To integrate information systems and create a wide network environment to serve most operations of state agencies. Most transactions of state agencies will be conducted online, every time, everywhere and on various devices.
- Most public services will be provided online at level 3 and 4 to meet actual needs for people and businesses every time, everywhere and on various devices.

Main tasks

- To develop a dedicated data transmission network for Party and State agencies, connecting attached units of ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and other state agencies within the political system and to communes and wards nationwide, which must ensure information safety and security.
- To build infrastructure enabling convenient access to public services in various forms, such as e-portals or websites; customer care centers; fixed telephones; cell phones; one-stop-shop sections, and other forms.
- To build an integrated document management system in state agencies at all levels nationwide, ensuring safety, security and legality of exchanged documents.
- To build a multimedia e-conference system between the Prime Minister and ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and provincial-level People's Committees.
- To build an information system that helps to manage and collect statistical data of economy, labor, administrative, criminal, civil, and marriage and family, etc.

1 TỶ LỆ MÁY VI TÍNH TRÊN TỔNG SỐ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC (%)

	12/2008	12/2009	12/2010
Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ	77,86	81,41	88,50
Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	37,36	55,87	63,19

2 TỶ LỆ MÁY VI TÍNH CÓ KẾT NỐI INTERNET (%)

	12/2008	12/2009	12/2010
Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ	80,33	69,78	88,37
Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	79,30	71,47	85,53

3 TỶ LỆ CÁC CQNN CÓ TRANG/CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

	12/2008	12/2009	12/2010
Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ	26/30	27/30	28/30
Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	59/63	61/63	62/63

4 TỶ LỆ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH CNTT (%)

	12/2010
Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ	100
Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	100

5 TỶ LỆ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ MẠNG NỘI BỘ (LAN, INTRANET, EXTRANET) (%)

	12/2010
Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ	100
Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	100

6 CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN (2010)

	Mức độ 1	Mức độ 2, 3	Mức độ 4
Số lượng các dịch vụ công trực tuyến	93.228	775	4
- Địa phương	88.387	748	3
- Bộ, ngành	4841	27	1

1 RATIO OF COMPUTERS OVER ADMINISTRATIVE OFFICIALS (%)

	12/2008	12/2009	12/2010
Ministries, ministerial-level agencies	77.86	81.41	88.50
Provinces, centrally-run cities	37.36	55.87	63.19

2 RATIO OF COMPUTERS WITH INTERNET ACCESS (%)

	12/2008	12/2009	12/2010
Ministries, ministerial-level agencies	80.33	69.78	88.37
Provinces, centrally-run cities	79.30	71.47	85.53

3 RATIO OF GOVERNMENT AGENCIES WITH A WEBSITE/PORTAL

	12/2008	12/2009	12/2010
Ministries, ministerial-level agencies	26/30	27/30	28/30
Provinces, centrally-run cities	59/63	61/63	62/63

4 RATIO OF GOVERNMENT AGENCIES WITH IT UNIT (%)

	12/2010
Ministries, ministerial-level agencies	100
Provinces, centrally-run cities	100

5 RATIO OF GOVERNMENT AGENCIES WITH INTERNAL NETWORK (%)

	12/2010
Ministries, ministerial-level agencies	100
Provinces, centrally-run cities	100

6 ONLINE PUBLIC SERVICE (2010)

	Level 1	Level 2, 3	Level 4
Number of online public services	93,228	775	4
- Provincial agencies	88,387	748	3
- Ministries and ministerial-level agencies	4841	27	1

7

CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT/CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

- Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 43/2008/QĐ-TTg ngày 24/3/2008).
- Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009).
- Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010)
- Dự án phát triển CNTT và truyền thông tại Việt Nam, Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2006-2010.
- Dự án Hiện đại hóa Hải quan, Cơ quan chủ trì: Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính, thời gian thực hiện: 2005-2010.
- Dự án Hiện đại hóa quản lý thuế (TAMP), cơ quan chủ trì: Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính, thời gian thực hiện: 2008-2013.
- Dự án Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính, thời gian thực hiện 2003-2008.
- Dự án Chuẩn hóa hệ thống thông tin địa lý cơ sở quốc gia, Cơ quan chủ trì: Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam-Bộ Tài nguyên và Môi trường, thời gian thực hiện: 2006-2008.
- Dự án Hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán, Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thời gian thực hiện: 2005-2009.
- Dự án Phát triển Internet cho cộng đồng nông thôn, Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2008-2013.

7

PROGRAMS AND PROJECTS FOR IT APPLICATION/E-GOVERNMENT

- Plan on information technology application in state agencies operation in the year of 2008 (Prime Minister's Decision No. 43/2008/QĐ-TTg on Mar 24, 2008).
- Plan on information technology application in state agencies operations during 2009 and 2010 (Prime Minister's Decision No. 48/2009/QĐ-TTg on Mar 31, 2009).
- Program on information technology application in state agencies operations during 2011-2015 ((Prime Minister's Decision No. 1605/QĐ-TTg on Aug 27, 2010)
- Viet Nam-ICT Development Project, Implementing Agency: MIC, Implementation duration: 2006-2010.
- Customs Modernization Project, Implementing Agency: General Directorate of Customs – Ministry of Finance, Implementation duration: 2005-2011.
- Tax Administration Modernization Project, Implementing Agency: General Department of Taxation-Ministry of Finance, Implementation duration: 2008-2013.
- Treasury and Budget Management Information System (TABMIS) Project Implementing Agency: Ministry of Finance, Implementation duration: 2003-2008.
- Standardization of Viet Nam Geographic Information System Project, Implementing Agency: Department of Survey and Map-Ministry of Natural Resources and Environment, Implementation duration: 2006-2008.
- Payment System and Bank Modernization Project, Implementing Agency: State Bank of Viet Nam, Implementation duration: 2005-2009.
- Development of the Internet for rural communities Projects, Implementing Agency: MIC, Implementation duration: 2008-2013.

Bkav® 2011

Internet Security

CÔNG NGHỆ
ĐIỆN TOÁN ĐẢM MẪY



Tự hào là phần mềm diệt virus
đạt chứng chỉ đẳng cấp Quốc tế **VB100**



BkavPro - Bảo vệ máy tính theo cách chuyên nghiệp !

www.bkav.com.vn

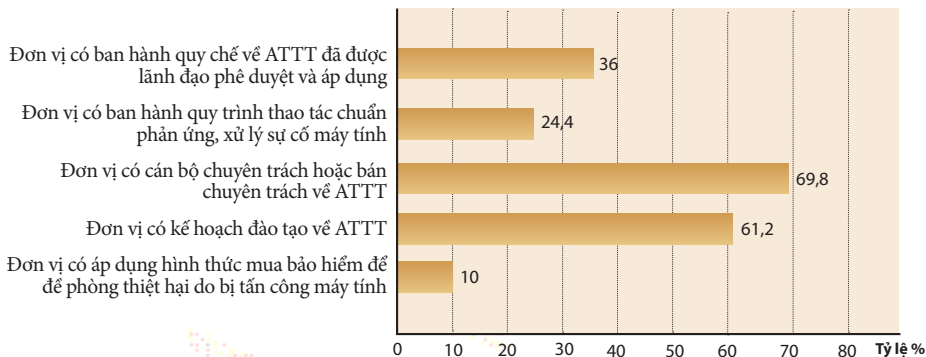


AN TOÀN THÔNG TIN

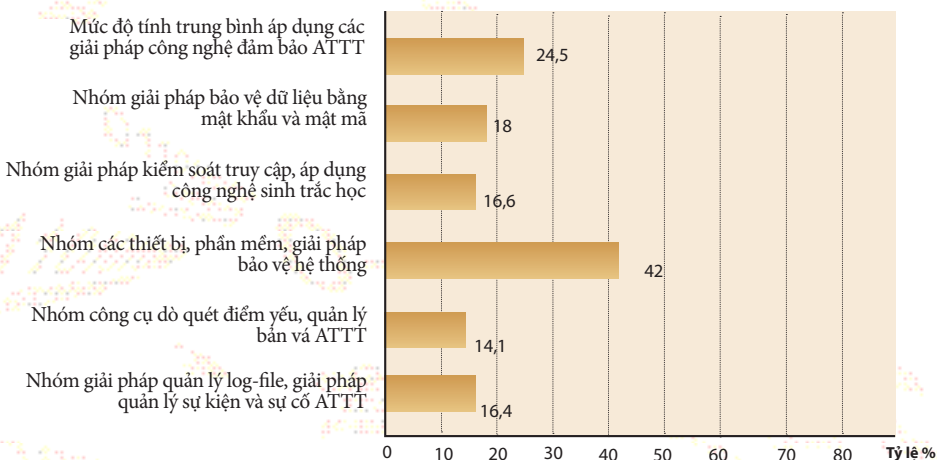
INFORMATION SECURITY



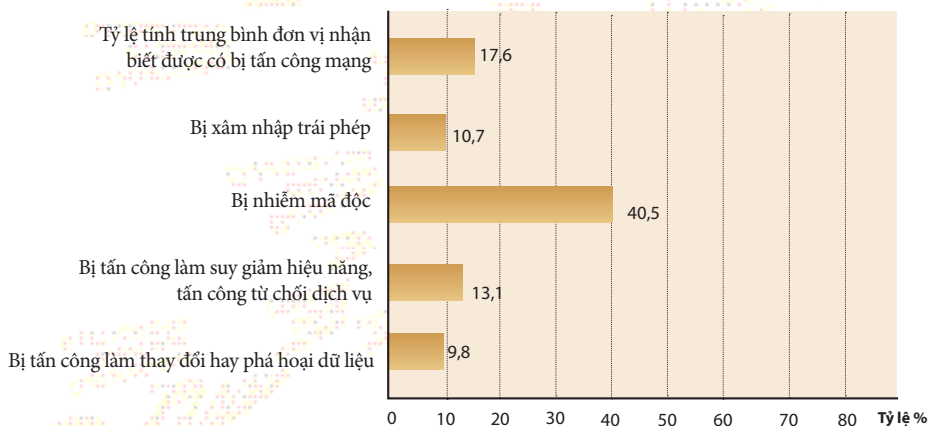
1 QUẢN LÝ AN TOÀN THÔNG TIN



2 MỨC ĐỘ ÁP DỤNG CÁC GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ĐẢM BẢO ATTT

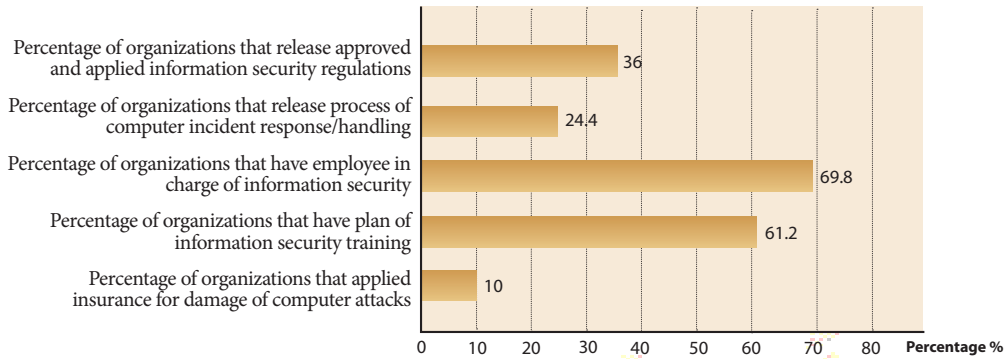


3 TỶ LỆ CÁC ĐƠN VỊ NHẬN BIẾT ĐƯỢC CÓ BỊ TẤN CÔNG MẠNG XÉT THEO MỘT SỐ LOẠI TẤN CÔNG CƠ BẢN

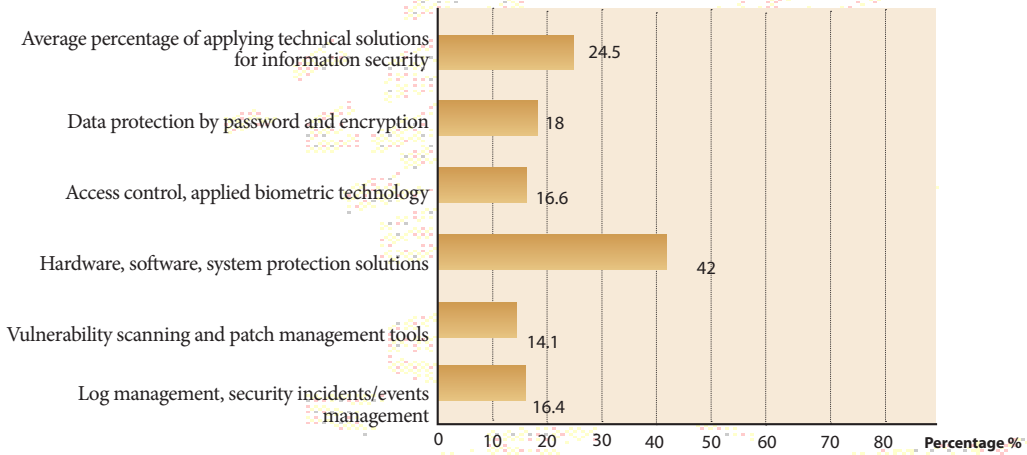


Ghi chú: Theo thống kê trên tổng số 500 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong cả nước năm 2010

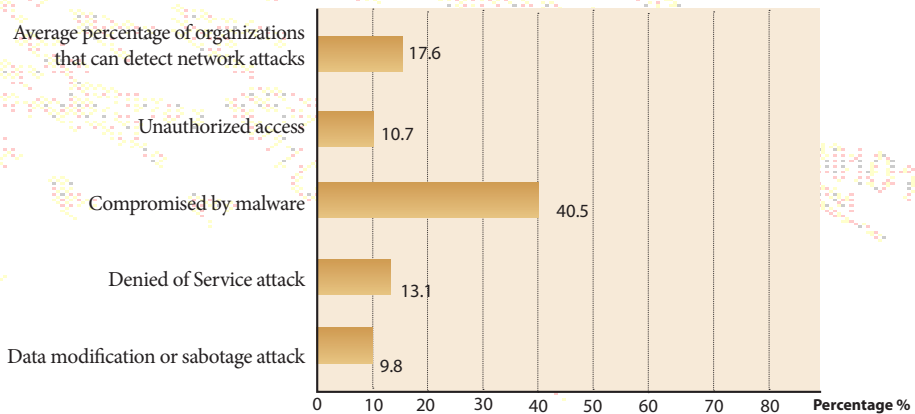
1 INFORMATION SECURITY MANAGEMENT



2 PERCENTAGE OF APPLYING TECHNICAL SOLUTIONS FOR INFORMATION SECURITY



3 PERCENTAGE OF ORGANIZATIONS THAT CAN DETECT NETWORK ATTACKS



Note: According to statistic on the total number of 500 agencies, organizations and businesses throughout the country in 2010

Vì một tuổi thơ hồn nhiên



Vì một niềm tin thức rộng mở



Vì một sự nghiệp vững vàng



Vì một cuộc sống hạnh phúc



SPT hướng tới mục tiêu mang lại cho khách hàng những dịch vụ **CHẤT LƯỢNG** tốt nhất với phong cách phục vụ **CHUYÊN NGHIỆP** và **THÂN THIỆN**



SPT- Nhà cung cấp dịch vụ Đầu chính Viễn thông bên phạm vi toàn quốc. Bao gồm các dịch vụ

- Di động S-Fone
- Điện thoại cố định (Số 100.000)
- Internet băng rộng ADSL (XP)
- Điện thoại liên tỉnh- quốc tế giá cước rất tiết kiệm với P 177
- Chuyển phát bưu phẩm bưu kiện (thương hiệu SGP)
- Thị công công trình viễn thông
- Nhà khai thác mạng viễn thông tại khu vực đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Q.7, Tp.HCM
- Và các dịch vụ khác...

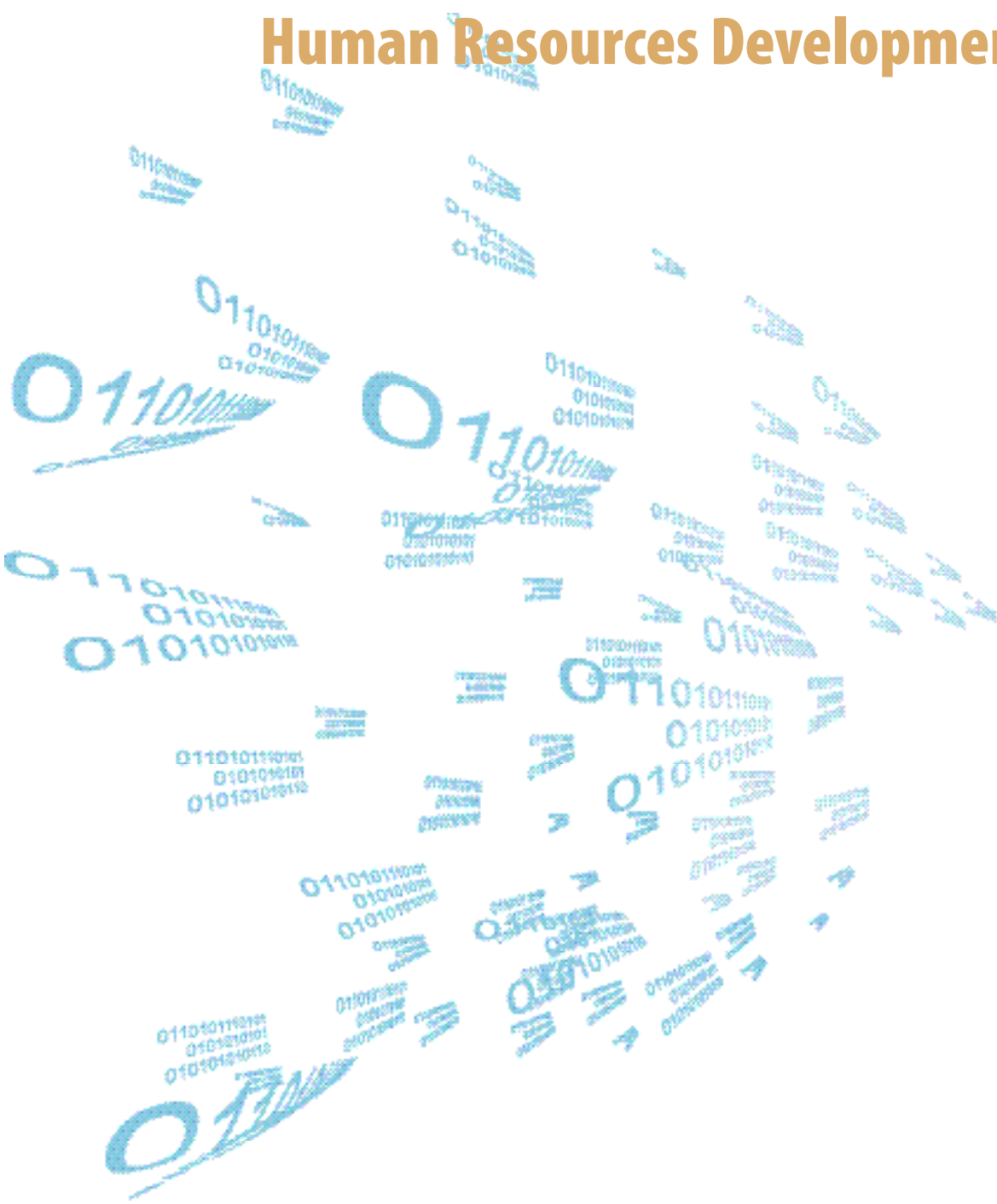
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

199 Điện Biên Phủ, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM - Tel: (08) 54 04 06 08 - Fax: (08) 54 04 06 09 - Web: www.spt.vn



NGUỒN NHÂN LỰC

Human Resources Development



Bức tranh giáo dục đào tạo Việt Nam nói chung và bức tranh đào tạo CNTT-TT tại Việt Nam nói riêng trong giai đoạn 2006-2010 đã có những thay đổi lớn và duy trì được tốc độ phát triển nhanh.

Từ năm 2006 đến 2010 đã thành lập mới và nâng cấp mỗi năm 10-20 trường đại học, trường cao đẳng, trong đó có nhiều trường ngoài công lập, nâng số trường đại học cao đẳng lên hơn 400 trường vào 2010. Cũng trong giai đoạn này đã có sự thành lập mới 123 trường cao đẳng nghề. Hệ thống đào tạo CNTT-TT quốc tế cũng tăng mạnh, với các tên tuổi như Aptech, Arena, NIIT, Kerox (Ấn Độ), Raffles (Singapore), Kent (Australia),...

Số trường đại học, cao đẳng có đào tạo về CNTT-TT tăng từ 192 trường năm 2006 lên 277 trường năm 2010. Số trường cao đẳng nghề có đào tạo về CNTT-TT tăng từ con số 0 năm 2006 lên 82 trường năm 2010. Chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký năm 2006 là 30.350 sinh viên, năm 2010 là 60.332 sinh viên.

Số các trung tâm đào tạo phi chính quy về CNTT cũng tăng từ 60 trung tâm năm 2006 lên 100 trung tâm năm 2010, và tăng số lượng đào tạo từ 12.000 năm 2006 lên 20.000 sinh viên năm 2010.

Số nhân lực làm việc trong các ngành CNTT (phần cứng, phần mềm, nội dung số) trong 5 năm 2006-2010 đã tăng gần gấp đôi, từ 150.000 lên 260.000, với tốc độ tăng trưởng 13%-18%/năm.

Các hình thức đào tạo chủ yếu vẫn là tập trung hoặc vừa làm vừa học. Việc triển khai đào tạo theo hình thức từ xa, đào tạo trực tuyến có sử dụng các công cụ mạnh của CNTT-TT chưa phát triển, vừa do các cơ sở đào tạo còn thụ động, chậm thay đổi, bám chặt vào phương thức đào tạo truyền thống, vừa do ý thức tự giác học tập của người học Việt Nam chưa cao.

Sau thời kỳ tăng trưởng mạnh về đào tạo CNTT-TT trong các năm 2006-2008, từ năm 2009, các con số thống kê sơ bộ cho thấy dù chỉ tiêu tuyển sinh đặt ra hàng năm đều tăng nhưng số người đăng ký học đại học, cao đẳng CNTT-TT chính quy đang giảm sút 10-15%/năm, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và do sức hút của các ngành thuộc khối kinh tế, đặc biệt là ngành tài chính-ngân hàng. Sự suy giảm về số lượng thí sinh nhập học sẽ dẫn đến suy giảm số lượng nhân lực CNTT cung cấp cho ngành từ năm 2014, là thời điểm sinh viên nhập học năm 2009 tốt nghiệp.

Về chất lượng đào tạo, khung đào tạo của nhiều chương trình đào tạo CNTT-TT đã được xây dựng lại, thu hẹp khoảng cách so với các chương trình nước ngoài, thông qua việc nhập chương trình đào tạo từ nước ngoài qua Đề án Chương trình tiên tiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, liên kết đào tạo với nước ngoài dưới nhiều hình thức, mở các cơ sở đào tạo nước ngoài tại Việt Nam, bám theo các chuẩn mực đào tạo CNTT quốc tế và khu vực (ACM, chuẩn Asean,...) và chuyển nhượng chương trình-quy trình-thương hiệu (franchising), khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu xã hội thu hẹp lại nhờ cố gắng của các trường và mối liên hệ giữa trường và doanh nghiệp chặt chẽ hơn. Bắt đầu hình thành thị trường dịch vụ đào tạo CNTT được xã hội hóa với nhiều nguồn đầu tư và phương thức cạnh tranh.

Tại Việt Nam, CNTT vẫn là một trong các ngành thu hút người học nhất, và cũng là ngành có lương khởi điểm nằm trong top ngành có mức lương cao nhất. Mặt bằng học phí trung bình đang ở mức thấp, học phí cho toàn bộ thời gian học đại học (4 năm) chỉ khoảng 1000USD, bằng dưới 6 tháng lương khởi điểm trung bình sau khi tốt nghiệp và bằng mức GDP đầu người/năm của Việt Nam.

There were major changes in the ICT training sector in Viet Nam in the last 5 years of 2006-2010. During that period, around 10 to 20 universities and colleges, many of them were non-public institutions, were established or upgraded each year. As a result, the number of universities and colleges raised over 400 in 2010. In addition, 123 vocational colleges were formed during that time. There appeared an increasing number of schools that provided international ICT training programs, such as Aptech, Arena, NIIT, Kerox (India), Raffles (Singapore), Kent (Australia).

Universities and colleges which offered ICT courses grew from 192 in 2006 to 277 in 2010. Vocational schools with ICT training increased from 0 in 2006 to 82 in 2010. The quota of enrolment students doubled from 30,350 in 2006 to 60,332 in 2010. Non-academic training centers increased from 60 in 2006 to 100 in 2010 which could train 20,000 students in 2010 (compared with 12,000 in 2006).

Labor working in the IT sectors (hardware, software, digital content) nearly doubled from 150,000 to 260,000 in the 5 years with an annual growth rate at 13%-18%.

The format of training was mainly in-school training (full time or part time). Other formats such as distant or online training that took the power of ICT media were less popular. It could be because of the passiveness of schools in changing methods of training or because of the low prevalence of self-learning among students.

After a quick growth in the ICT training area in 3 years of 2006-2008, preliminary statistics showed that though the quota of enrolment kept growing, the number of applicants had dropped 10-15% each year since 2009 due to the economic recession

or by the attraction of other disciplines like economics, banking or finance. The declining number of students enrolling in 2009 would lead to a reduction in number of IT graduates for the industry in 2014.

In terms of IT training quality, curricula of many ICT training programs were rebuilt to narrow the gap with overseas programs. This was done by either importing international training programs with the support from the “advanced programs” project of the Ministry of Education and Training, or by joining with foreign counterparts in various forms like opening foreign training schools in Viet Nam that provided international and regional IT training curricula (ACM, ASEAN, etc.), or franchising. The gap between training and market demand was narrowed because of the effort of training schools and the cooperation with ICT enterprises. The market for ICT training services began to take shape with the participation and competition of various economic components, including private and foreign stakeholders.

In Viet Nam, IT still remained one of the hottest subjects and also a profession with the top entry salary. Average tuition fee was rather low. Tuition fee for 4 years of a full-time undergraduate was about \$1000, less than six month of a graduate’s average starting salary and equal to the GDP per capital/year of Viet Nam.

However, preferential policies for IT human resource development (about land, capital, tax-related investment, lecturers, IT students and labors) had been also equally applied to all other training subjects thus made the IT industry less attractive for investment, study and work. The complete absence of specific incentive policies in recent years has made the industry less attractive than that of the previous years of 2001-2005.

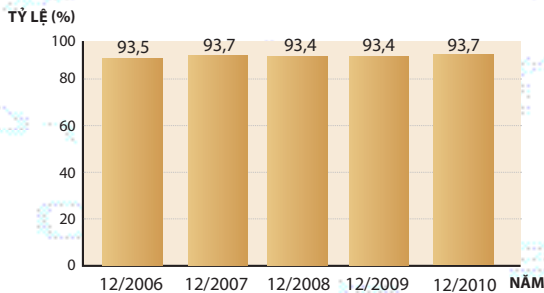
Các chính sách ưu đãi về đào tạo CNTT (đất, vốn, thuế liên quan đến nhà đầu tư, đến giảng viên, đến người học và người làm việc trong ngành) từ 2006 đã áp dụng chung cho tất cả các ngành đào tạo, làm giảm đi sức hấp dẫn riêng cho việc đầu tư, học và làm việc trong lĩnh vực CNTT. Việc thiếu vắng hoàn toàn các chính sách đặc thù trong thời gian qua đã làm cho ngành CNTT bớt hấp dẫn hơn so với giai đoạn 2001-2005.

Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 (Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ) nhấn mạnh cần “triển khai quyết liệt Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT, trong đó phát triển và đảm bảo nhân lực là giải pháp hàng đầu”.

Năm năm qua, Việt Nam đã đặt các nền móng cơ bản để CNTT và đào tạo CNTT phát triển, tạo ra các cơ hội có tiềm năng đột phá trong 5-10 năm tới. Tuy nhiên việc thực thi chính sách trong các năm qua vẫn chưa quyết liệt, còn nhiều hạn chế.

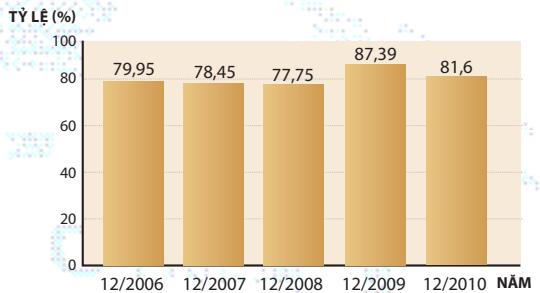
Các chính sách đã được xây dựng, nếu được cụ thể hóa một cách “quyết liệt”, đặc biệt ở khâu thực thi chính sách, có các chính sách đặc thù sẽ dỡ bỏ các rào cản, khai thông các nguồn lực, tạo sức hút mạnh mẽ trong lĩnh vực đào tạo CNTT-TT. Giai đoạn 2011-2015 sẽ là cơ hội cho các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà đầu tư, các cơ sở đào tạo, người học và người dạy thực thi tham vọng hiện thực hóa tiềm năng trí tuệ Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực CNTT-TT.

1 TỶ LỆ SỐ NGƯỜI TRÊN 15 TUỔI BIẾT ĐỌC, VIẾT



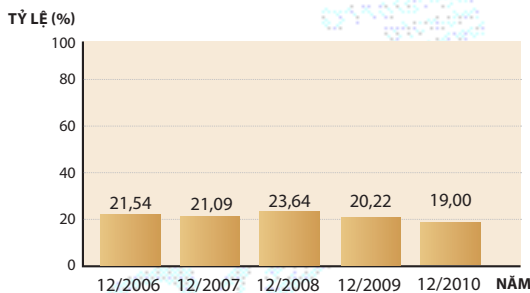
Nguồn: Tổng cục Thống kê

2 TỶ LỆ SỐ HỌC SINH TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT TRÊN TỔNG DÂN SỐ TRONG ĐỘ TUỔI 6-17



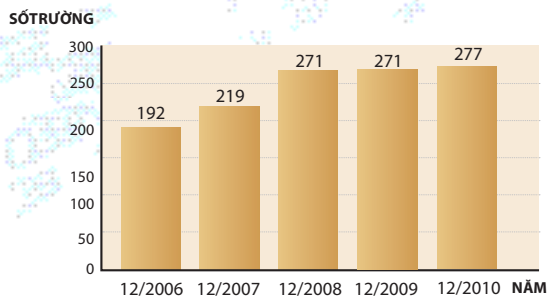
Nguồn: Tổng cục Thống kê (Số học sinh được tính tại thời điểm 31/12 hàng năm)

3 TỶ LỆ SỐ NGƯỜI HỌC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TRÊN TỔNG SỐ NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI HỌC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG



Nguồn: Tổng cục Thống kê (năm 2007 không bao gồm số sinh viên học văn bằng 2, từ xa, hoàn chỉnh kiến thức và liên thông)

4 SỐ LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CÓ ĐÀO TẠO VỀ CNTT-TT



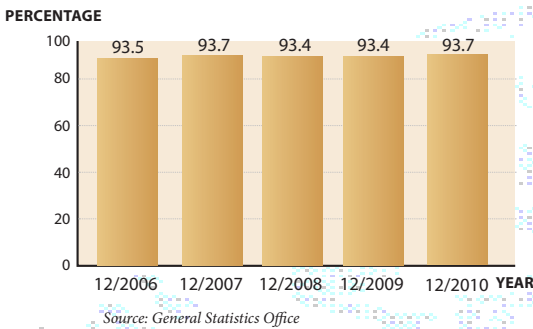
Nguồn: Cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh Đại học cao đẳng - Bộ Giáo dục Đào tạo

However, preferential policies for IT human resource development (about land, capital, tax-related investment, lecturers, IT students and labors) had been also equally applied to all other training subjects thus made the IT industry less attractive for investment, study and work. The complete absence of specific incentive policies in recent years has made the industry less attractive than that of the previous years of 2001-2005.

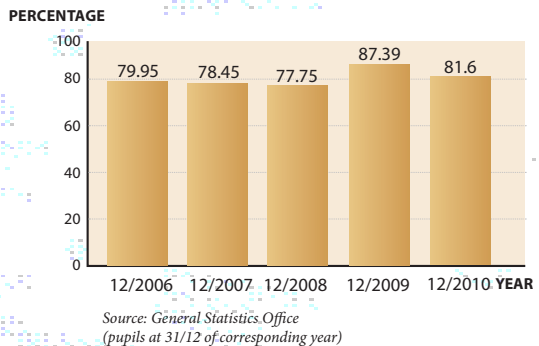
The human resource development strategy of Viet Nam in period 2011-2020 (issued by the Prime Minister's Decision No. 579/QĐ-TTg dated 19/4/2011) highlighted the need of "aggressive deployment of the Strategy of transforming Viet Nam into an advanced ICT country in which developing and ensuring human resources is the most decisive solution".

For the last five years, Viet Nam has laid the foundation for IT and IT human resource development to create opportunities for potential breakthroughs in the next 5-10 years. However, the implementation of policies in recent years has not been aggressively enough with many limitations. Policies if being concretized and implemented "aggressively" would remove barriers and create a strong attraction in the area of ICT training. The period 2011-2015 will be an opportunity for governmental agencies, investors, training institutions, learners and lecturers to turn the intellectual potential of Viet Nam especially in the field of ICT to be a real strength.

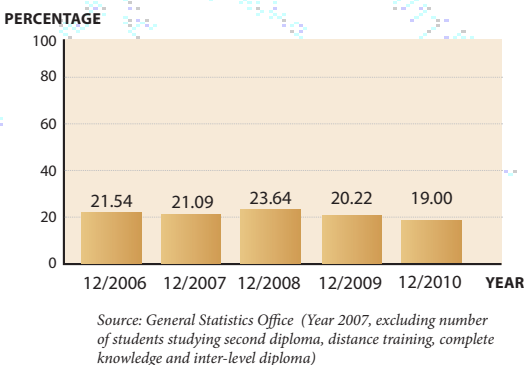
1 PERCENTAGE OF LITERATE POPULATION AGED 15 AND ABOVE



2 RATIO OF PUPILS (PRIMARY, LOWER AND UPPER SECONDARY) OVER POPULATION IN PRIMARY AND SECONDARY EDUCATION AGE



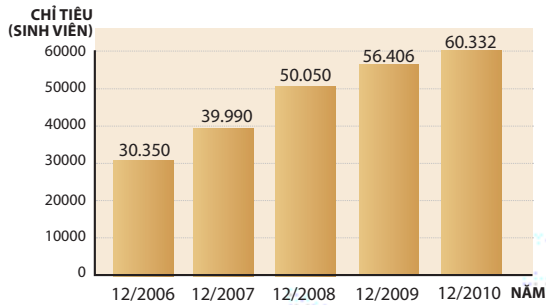
3 RATIO OF TERTIARY STUDENTS OVER POPULATION IN TERTIARY EDUCATION AGE³



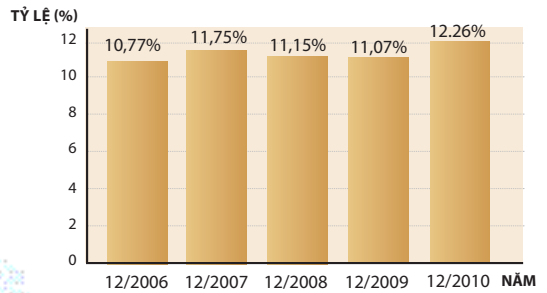
4 NUMBER OF UNIVERSITIES AND COLLEGES OFFERING ICT TRAINING



5 CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐH-CĐ CHUYÊN NGÀNH CNTT-TT



6 TỶ LỆ TUYỂN SINH NGÀNH CNTT-TT (%)



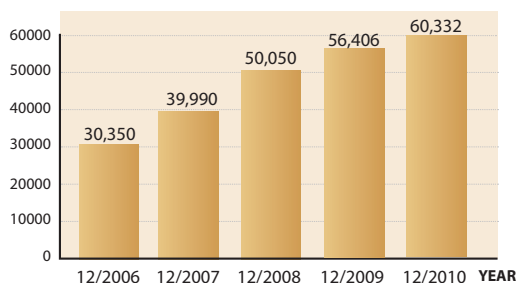
7 SỐ LƯỢNG SINH VIÊN CNTT-TT (NGƯỜI)

		Năm 2010
7.1	Số lượng sinh viên ngành CNTT-TT thực tế được tuyển	56.338
7.2	Số lượng sinh viên ngành CNTT-TT đang học (Tính đến 31/12/2010)	169.156
7.3	Số lượng sinh viên ngành CNTT-TT đã tốt nghiệp	34.498

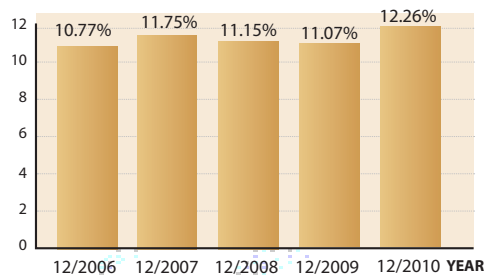
8 CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CNTT-TT

- Chương trình phát triển nguồn nhân lực về công nghệ thông tin đến năm 2010 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 331/QĐ-TTg ngày 6/4/2004).
- Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2020 (Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông số 05/2007/QĐ-BTTTT ngày 26/10/2007).
- Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009).
- Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011)

5

QUOTA OF ICT-RELATED STUDENTS ENROLMENT**STUDENTS**

6

RATIO OF ICT-RELATED STUDENTS ENROLMENT QUOTA OVER TOTAL STUDENTS ENROLMENT QUOTA**RATIO(%)**

7

NUMBER OF ICT - RELATED STUDENTS (PERSONS)

		Year 2010
7.1	Actual number of ICT- related students enrolled	56,338
7.2	Number of ICT- related students studying until 31/12/2010	169,156
7.3	Number of ICT- related graduates	34,498

8

PROGRAMS, PLANS TO DEVELOP THE HUMAN RESOURCES IN ICT

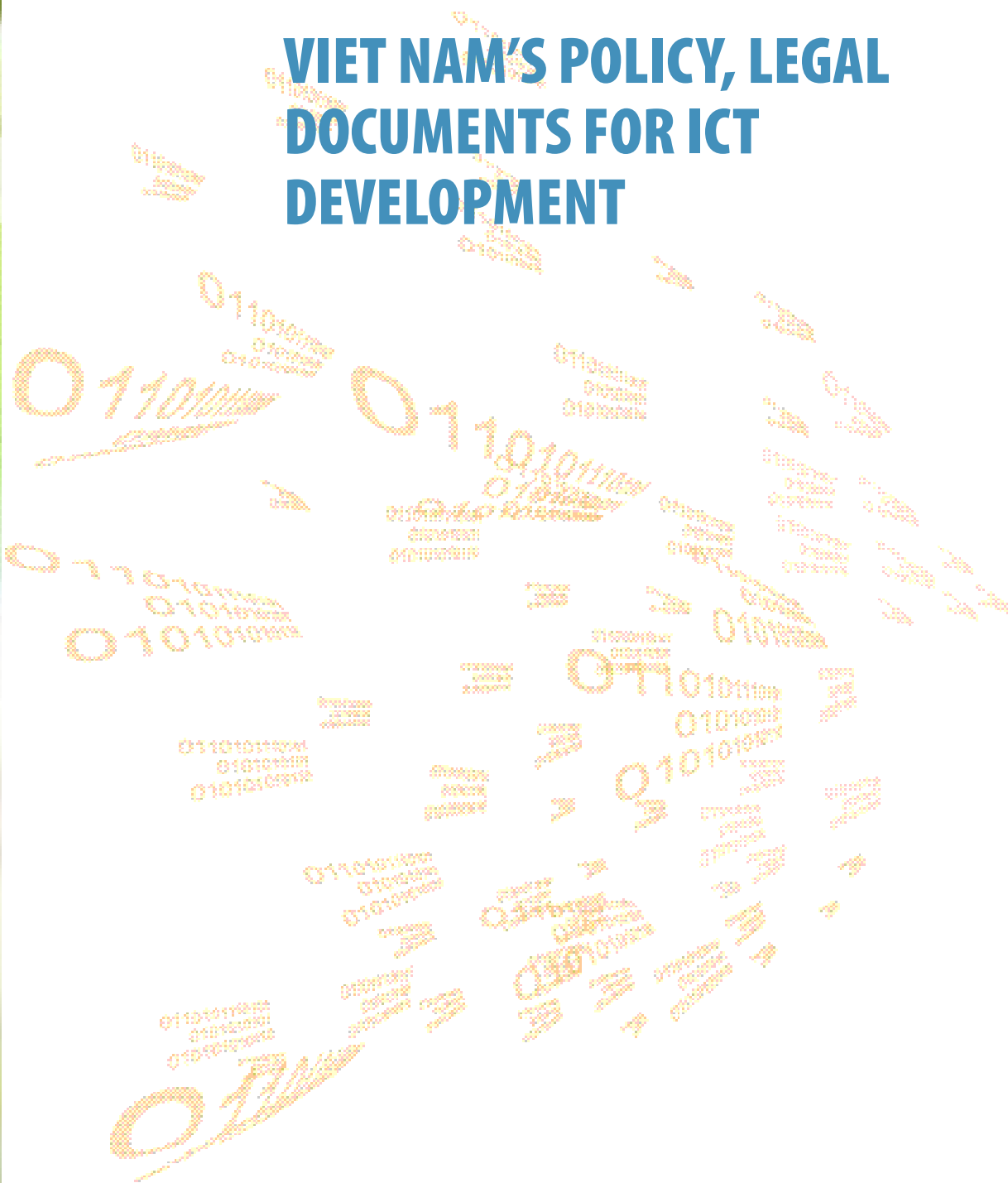
- Program on development of Information Technology Human Resources to 2010 (Prime Minister's Decision No. 331/QD-TTg on Apr 6, 2004).
- Plan on development of Viet Nam's Information Technology Human Resources up to 2020 (the Decision No. 05/2007/QD-BTTTT on Oct 26, 2007 of MIC Minister, on behalf of Prime Minister).
- The master plan on development of Information Technology Human Resources to 2015 and orientations towards 2020 (Prime Minister's Decision No. 698/2009/QD-TTg on Jun 01, 2009).
- Strategy on development of Viet Nam human resource during the period 2011-2020 (Prime Minister's Decision No. 579/QD-TTg on Apr 19, 2011).





HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CNTT-TT

VIET NAM'S POLICY, LEGAL DOCUMENTS FOR ICT DEVELOPMENT



1

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CNTT

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 3/5/2007 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 63/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 03/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày

06/11/2009 quy định việc quản lý và thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/7/2006.
- Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 Ban hành “Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam”.

2

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BƯU CHÍNH

- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010.
- Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính.
- Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 8/7/2004 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.
- Nghị định số 50/2009/NĐ-CP ngày 25/5/2009 của Chính phủ về việc bổ sung Điều 12a Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08/7/2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.
- Nghị định số 128/2007/NĐ-CP ngày 02/8/2007 về dịch vụ chuyển phát.
- Nghị định số 121/2008/NĐ-CP ngày 03/12/2008 của Chính phủ về hoạt động đầu tư trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông.

- Nghị định số 55/2010/NĐ-CP ngày 25/5/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08/7/2004 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.
- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/6/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật bưu chính.
- Quyết định số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Bưu chính – Viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
- Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.
- Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính.

3

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009.
- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23/11/2009.
- Nghị định số 28/2009/NĐ-CP ngày 20/3/2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet

và thông tin điện tử trên Internet.

- Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch vụ Internet.
- Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác.

1

LEGAL DOCUMENTS ON INFORMATION TECHNOLOGY

- Law on Information Technology (No. 67/2006/QH11, Promulgator: The National Assembly, Published Date: 29/06/2006)
- Government's Decree No. 71/2007/ND-CP on May 3, 2007, detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Information Technology regarding information technology industry.
- Government's Decree No. 64/2007/ND-CP on Apr 10, 2007, on information technology application in state agencies operations.
- Government's Decree No. 63/2007/ND-CP on Apr 10, 2007, regulation on sanctioning of administrative violations in the domain of information technology.
- Prime Minister's Directive No. 34/2008/CT-TTg on 03/12/2008 promoting the use of the e-mail system in the operation of state agencies.
- Government' Decree No. 102/2009/ND-CP on Nov 06, 2009 detailing the management of investment and application of information technology projects using state budget funds.
- Decision No. 169/2006/QD-TTg on Jul 17, 2006, of the Prime Minister on investment purchases of information technology products for agencies and organizations using state budget funds.
- Decision No. 223/2006/QD-TTg on Oct 04, 2006, of the Prime Minister on amending some provisions of Decision No. 169/2006/QD-TTg.
- Decision No. 50/2009/QD-TTg on Apr 3, 2009, promulgating "Regulation on Management the software industry development program and the digital content industry development program in Viet Nam".

2

LEGAL DOCUMENTS ON POST

- Law on postal service (No 49/2010/QH12, Promulgator: The National Assembly, Published Date: 17/6/2010)
- Government's Decree No. 157/2004/ND-CP on Aug 18, 2004 detailing the implementation of some articles of the Ordinance on Post and Telecommunications regarding post.
- Government's Decree No. 142/2004/ND-CP on Aug 07, 2004 stipulated sanction administrative violations on post, telecommunications and radio frequencies.
- Government's Decree No. 50/2009/ND-CP on May 25, 2009 supplementing Article 12a of the Decree No.142/2004/ND-CP of Jul 8, 2004, on sanctioning of administrative violations in post, telecommunications and radio frequency.
- Government's Decree No. 128/2007/ND-CP on Aug 2, 2007, on delivery services.
- Decree 121/2008/ND-CP on Dec 3, 2008, on investment activities in the Post and Telecommunications sector.
- Government's Decree No. 55/2010/ND-CP on May 25, 2010 on altering and supplementing a number of articles of the Decree No.142/2004/ND-CP on Jul 8, 2004, on sanctioning of administrative violations in post, telecommunications and radio frequency.
- Government's Decree 47/2011/ND-CP on Jun 17, 2011 on detailing the implementation of some of the content of the Postal Law.
- Prime Minister's Decision No. 158/2001/QD-TTg on Oct 18, 2001, on approving the development strategy of Post-Telecom Viet Nam until 2010 and orientation until 2020.
- Prime Minister's Decision No. 39/2007/QD-TTg on Mar 21, 2007, on the management of post and telecommunications service charges.
- Decision No. 65/2008/QD-TTg on May 22, 2008, of the Prime Minister on the provision of postal services.

3

LEGAL DOCUMENTS ON TELECOMMUNICATIONS AND INTERNET

- Law on Telecommunications (No. 41/2009/QH12, Promulgator: The National Assembly, Published Date: 23/11/2009).
- Law on Radio Frequency (No 42/2009/QH12, Promulgator: The National Assembly, Published Date: 23/11/2009).
- Government's Decree No. 28/2009/ND-CP on Mar 20, 2009 detailing the regulation on sanctioning of administrative violations in the management, provision and use of services and electronic information on the Internet.
- Government's Decree No. 97/2008/ND-CP on Aug 28, 2008, on the management, provision and use of Internet services and electronic information on the Internet.

- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/4/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.
- Quyết định số 155/2008/QĐ-TTg ngày 01/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án điều chỉnh cước dịch vụ điện thoại cố định nội hạt.
- Thông tư số 05/2008/TT-BTTTT ngày 12/11/2008 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch vụ Internet.
- Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18/12/2008 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet.
- Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-

BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01/6/2006 về quản lý trò chơi trực tuyến (Online Games).

- Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 24/12/2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.
- Thông tư số 10/2008/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 24/12/2008 hướng dẫn quy định về giải quyết tranh chấp tên miền quốc gia Việt Nam '.vn'
- Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 của Chính phủ về chống thư rác.
- Thông tư số 03/2009/TT-BTTTT ngày 02/3/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về mã số quản lý và mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử; nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn.

4 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về Giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.
- Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 về Giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.
- Thông tư số 78/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 hướng dẫn thi hành một số nội

dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

- Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/02/2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT.
- Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30/3/2011 quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương.

5 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 29/6/2009.
- Nghị định của Chính phủ số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Nghị định của Chính phủ số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
- Nghị định của Chính phủ số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Government's Decree No. 90/2008/ND-CP on Aug 13, 2008, on anti-spam.
- Government's Decree No. 25/2011/ND-CP on Apr 06, 2011 on detailing and guiding the implementation of some articles of the Law on Telecommunications.
- Prime Minister's Decision No.155/2008/QD-TTg on Dec 1, 2008, approving the plan on adjustment of local fixed telecommunications service charges.
- Circular No. 05/2008/TT-BTTTT on Nov 12, 2008, guiding a number of articles of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP on Aug 28, 2008, on the management, provision and use of Internet services and electronic information on the Internet.
- Circular No. 07/2008/TT-BTTTT on Dec 18, 2008, guiding a number of contents of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP on Aug 28, 2008, on the management, provision and use of Internet services and information on the

Internet regarding the supply of information on blogs.

- Joint Circular No. 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCTV-BCA on Jun 1, 2006 on management of online games.
- Circular No.09/2008/TT-BTTTT on Dec 24,2008, guiding the management and use of the Internet resources.
- Circular No. 10/2008/TT-BTTTT on Dec 24, 2008, providing for the settlement of disputes over Viet Nam's country code domain name 'vn'.
- Circular No. 12/2008/TT-BTTTT on Dec 30, 2008, guiding the implementation of a number of provisions of the Government's Decree No. 90/2008/ND-CP on August 13, 2008, on anti-spam.
- Circular No. 03/2009/TT-BTTTT on Mar 02, 2009, detailing regulations on management code and management code sample certificate for providers of advertising services by e-mail; messaging services.

4

LEGAL DOCUMENTS OF ELECTRONIC TRANSACTIONS

- Law on e-transactions (No. 51/2005/QH11, Promulgator: The National Assembly, Published Date 29/11/2005).
- Government's Decree No. 26/2007/ND-CP on Feb 15, 2007, detailing the implementation of the Law on e-transactions regarding digital signatures and digital signature-certification services.
- Government's Decree No. 27/2007/ND-CP on Feb 23, 2007, on e-transactions in financial activities.
- Government's Decree No. 35/2007/ND-CP on Mar 8, 2007, on banking e-transactions.
- Circular No. 78/2008/TT-BTC on Sep 15, 2008, guiding the implementation of a number of

contents of the Government's Decree No. 27/2007/ND-CP on Feb 23, 2007, on e-transactions in financial activities.

- Circular No. 37/2009/TT-BTTTT on Feb 14, 2009, regulations and procedures for records related to licensing, registration and accreditation organizations provide digital signature certification.
- Circular No. 08/2011/TT-BTTTT on Mar 31, 2011, amend some articles of Circular No.37/2009/TT-BTTTT.
- Circular No. 09/2011/TT-BCT on Mar 30, 2011, regulations on the management and use of digital signatures, digital certificates and certification services for digital signatures ministry.

5

LEGAL DOCUMENTS OF INTELLECTUAL PROPERTY

- Law on Intellectual Property No. 50/2005/QH11 on Nov 29, 2005.
- Law amending and supplementing some articles of the Law on Intellectual Property No. 36/2009/QH12 on Jun 29, 2009.
- Government's Decree No. 100/2006/ND-CP on Sep 21, 2006, detailing and guiding the implementation of some articles of the Civil Code, the Law on Intellectual Property on copyright and related rights.

- Government's Decree No. 103/2006/ND-CP on Sep 22, 2006, detailing and guiding the implementation of some articles of the Law on Intellectual Property on Industrial Property.

- Government's Decree No. 105/2006/ND-CP on Sep 22, 2006, detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Intellectual Property on protection of intellectual property rights and on state management of intellectual property.

6

CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG

- Chiến lược phát triển Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định 158/2001/QĐ-TTg ngày 18/10/2001).
- Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005).
- Quy hoạch phát triển Bưu chính đến năm 2010 (Quyết định số 236/2005/QĐ-TTg ngày 26/9/2005).
- Quy hoạch phát triển Viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010 (Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg ngày 07/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ).
- Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện Quốc gia (Quyết định số 336/2005/QĐ-TTg ngày 16/12/2005).
- Quy hoạch phát triển CNTT-TT vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 13/2007/QĐ-BBCVT ngày 15/6/2007).
- Quy hoạch phát triển CNTT-TT vùng kinh tế trọng điểm miền Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 14/2007/QĐ-BBCVT ngày 15/6/2007).
- Quy hoạch phát triển CNTT-TT vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 15/2007/QĐ-BBCVT 15/06/2007).
- Quyết định số 336/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/12/2005 về Phê duyệt quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.
- Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/02/2009 phê duyệt quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020.
- Quyết định số 125/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/10/2009 phê duyệt quy hoạch tần số vô tuyến điện quốc gia.
- Quyết định số 63/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/01/2010 phê duyệt quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020.
- Quyết định số 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/9/2010 phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và Truyền thông”.

6

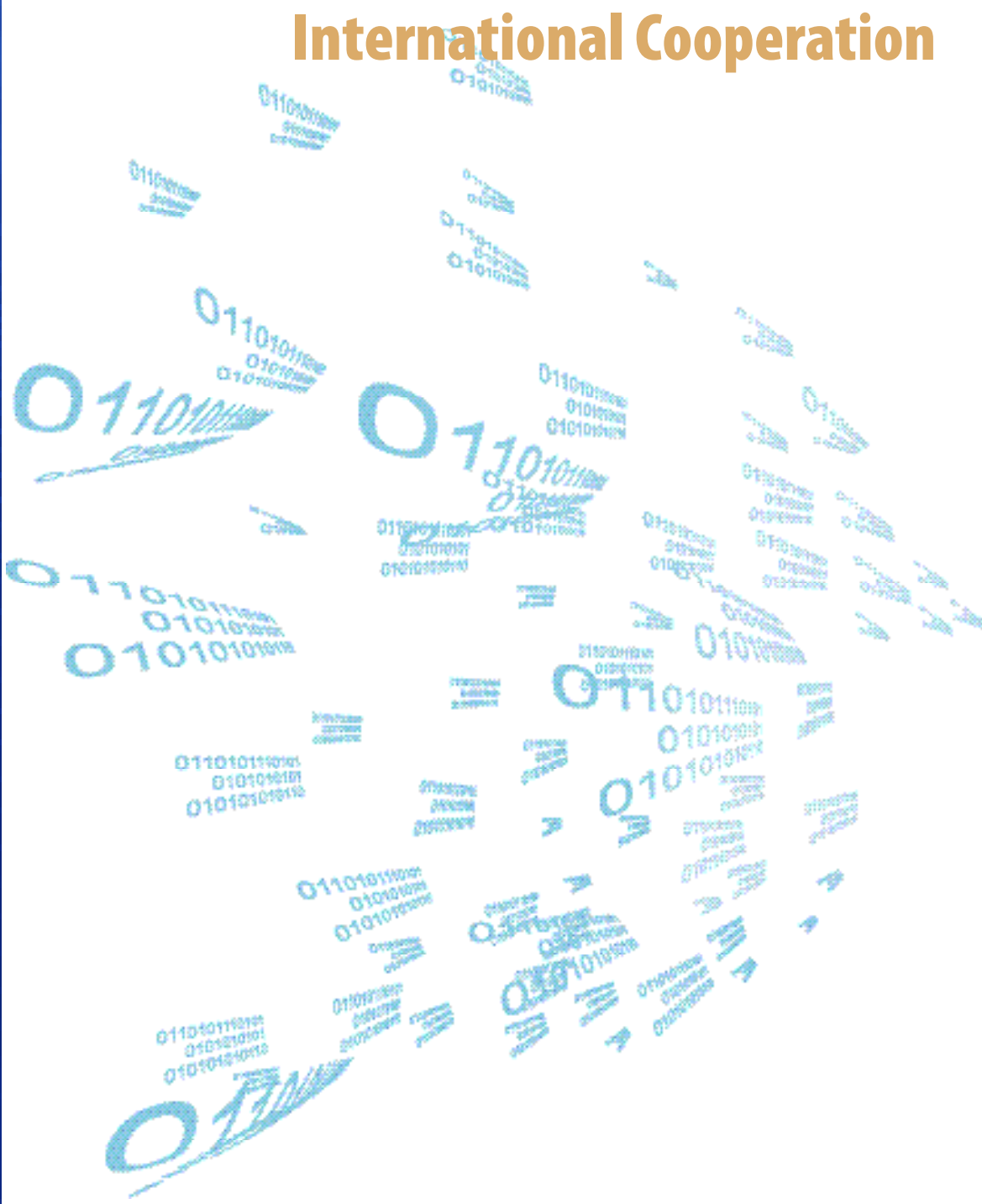
STRATEGIES AND PLANNINGS FOR INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY DEVELOPMENTS

- The Viet Nam post and telecommunications development strategy until 2010 and orientations towards 2020 (Prime Minister's Decision No. 158/2001/QĐ-TTg on Oct 18, 2001).
- The Strategy on Viet Nam information and communication technology development to 2010 and orientations towards 2020 (Prime Minister's Decision No. 246/2005/QĐ-TTg on Oct 6, 2005).
- The Planning on development of Telecommunications and Internet until 2010 (Prime Minister's Decision No. 32/2006/QĐ-TTg on Feb 07, 2006).
- The Planning on development of Information and Communication Technology in the Central key economic region up to 2010, and orientations towards 2020 (Decision No. 13/2007/QĐ-BBCVT on Jun 15, 2007 of MIC Minister, on behalf of Prime Minister).
- The Planning on development of Information and Communication Technology in the Southern key economic region up to 2010, and orientations towards 2020 (Decision No. 14/2007/QĐ-BBCVT on Jun 15, 2007 of MIC Minister, on behalf of Prime Minister).
- The Planning on development of Information and Communication Technology in the Northern key economic region to 2010 and orientations towards 2020 (Decision No. 15/2007/QĐ-BBCVT on Jun 15, 2007 of MIC Minister, on behalf of Prime Minister).
- The Planning on Digital Content Safety to 2010 (Prime Minister's Decision No. 63/QĐ-TTg on Jan 13, 2010).
- Prime Minister's Decision No. 336/2005/QĐ-TTg on Dec 16, 2005 on approving of the national planning spectrum radio.
- Prime Minister's Decision No. 22/2009/QĐ on Feb 16, 2009 approving of transmission planning, radio broadcasting, television until 2020.
- Prime Minister's Decision No. 125/2009/QĐ-TTg on Oct 23, 2009 on the planning of national radio frequency.
- Prime Minister's Decision No. 63/QĐ-TTg on Jan 13, 2010 approving of development of country's information security to 2020.
- Prime Minister's Decision No. 1755/QĐ-TTg on Sep 22, 2010 approving of the National Strategy on "Transforming Viet Nam into an advanced ICT country".



HỢP TÁC QUỐC TẾ

International Cooperation



Vai trò hợp tác quốc tế đối với ngành thông tin và truyền thông trong giai đoạn 2000-2010

Trong giai đoạn 2000-2010, công tác hợp tác quốc tế đã sáng tạo, năng động và góp phần ủng hộ, theo sát ngành thông tin và truyền thông vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Hoạt động hợp tác quốc tế đã đóng góp những thành tựu to lớn cho quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

Xuất phát từ chính sách đi thẳng vào công nghệ hiện đại của những năm 90, ngành thông tin và truyền thông đã thực hiện quyết tâm hội nhập và phát triển góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Có thể điểm một số thành tựu lớn như hiện đại hóa cơ sở hạ tầng viễn thông và internet, phát triển nguồn nhân lực chất lượng quốc tế, đưa công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế quan trọng có khả năng cạnh tranh toàn cầu, ứng dụng CNTT trong xã hội, doanh nghiệp và người dân có những chuyển biến tích cực... Kể từ khi gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào năm 2007, Việt Nam đã trở thành một đối tác kinh tế tiềm năng của nhiều nước và khu vực trên thế giới với việc tham gia ngày càng nhiều trong các khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế.

Đến nay, ngành thông tin và truyền thông Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác với hầu hết các nước trên thế giới của năm châu lục và tham gia trong các tổ chức quốc tế chuyên ngành. Tại các diễn đàn đa phương, Việt Nam luôn thực hiện tốt nghĩa vụ với cộng đồng quốc tế, bảo vệ uy tín, chủ quyền của đất nước và đảm bảo quyền lợi hợp lý của các thành viên tham gia. Trong hợp tác song phương, Việt Nam đã xây dựng và khai thác hiệu quả các mối quan

hệ với những nước phát triển tiên tiến, từng bước tháo gỡ khó khăn và huy động nguồn lực quốc tế về vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng mạnh mẽ của ngành. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì mối quan hệ bạn bè truyền thống hữu nghị và mở rộng các quan hệ với các thị trường mới nổi nhằm tạo đà cho sự phát triển của các doanh nghiệp CNTT-TT Việt Nam, thực hiện mục tiêu làm chủ quốc gia vươn ra quốc tế.

Với chủ trương mở cửa thị trường thu hút đầu tư nước ngoài, hầu hết các tập đoàn đa quốc gia về CNTT-TT trên thế giới đã có mặt và đầu tư tại Việt Nam, tạo ra thị trường lao động tiềm năng và đóng góp tỷ trọng không nhỏ trong doanh thu của ngành. Công tác kinh tế đối ngoại được đổi mới đã phát huy hiệu quả. Bên cạnh các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và phi chính phủ (NGO), các mô hình hợp tác mới đã được áp dụng và triển khai thành công thông qua các thỏa thuận hợp tác song phương, hợp tác nhà nước - doanh nghiệp mang lại nguồn kinh phí không nhỏ phục vụ các nhiệm vụ quan trọng của ngành trong quá trình nâng cao năng lực quản lý, hoàn thiện hành lang pháp lý, đổi mới công nghệ và thực hiện nỗ lực phổ cập CNTT-TT trong xã hội. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đang dần được thay đổi từ đào tạo sử dụng đáp ứng yêu cầu nội địa sang đáp ứng yêu cầu quốc tế, góp phần đưa Việt Nam tiến tới nền kinh tế tri thức.

Một số định hướng hợp tác quốc tế trong phát triển CNTT-TT

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đang đặt ra những thách thức cho ngành CNTT-TT Việt Nam.

Overview of international cooperation in ICT sector in the last decade

During the 2000-2010 period, international cooperation activities in the ICT sector have been said to be creative, dynamic and supportive to have accompanied the sector in overcoming difficulties and challenges. These activities have brought about remarkable achievements that contributed significantly to the development and international integration process of Viet Nam.

Originating from Viet Nam's "leapfrog policy" in the 1990s by fully applying the most advanced technologies and attracting foreign capital to modernize networks and service provision, reforming the state management organizations and functionalities, Viet Nam's ICT sector has been playing a key role in economic integration and development as well as strengthening the position of Viet Nam in the international arena. Many remarkable achievements have been obtained, including more effective modernization of telecommunication and internet infrastructure, development of ICT human resource according to international standard, stronger growth of the IT industry as an important economic sector with global competitiveness, IT application in all aspects of life, etc. Since the accession to the World Trade Organization (WTO) in 2007, Viet Nam has become a potential economic partner of many countries and regions in the world and has participated more actively in international trade and economic cooperation agreements.

Within the ICT area, Viet Nam has established cooperation partnership with most countries around the world and actively participated in numerous ICT international

organizations. In multilateral forums, Viet Nam has made a good impression to international community as a responsible member, who is committed to preserving its national prestige and sovereignty as well as the legitimate rights of other members. In bilateral cooperation, Viet Nam has successfully utilized the relationships with ICT - advanced countries to mobilize international resources, in terms of capital, technology and management experience to feed the rapidly-growing ICT sector. In addition, Viet Nam continues to maintain and promote the established partnerships and simultaneously expand its potential cooperation with other emerging economies in order to create investment opportunities and development momentum for domestic ICT enterprises, serving the goal of reaching out to the international market.

Thanks to recent government policies to liberalize market and attract foreign investment, there has been an increasing number of multinational ICT corporations worldwide investing in Viet Nam. These organizations have effectively exploited the flexible labor market and contributed significantly to the ICT sector's revenue.

The reformation of external economic cooperation activities has effectively brought into play. Beside the capital from official development assistance (ODA) and non government organizations (NGOs), new cooperation models, which have been adopted and successfully deployed through bilateral cooperation agreements or private-public partnership, have generated considerable resources that sufficiently afford the implementation of sectoral prioritized tasks,

Mặt khác, những xu hướng này cũng tạo ra những cơ hội phát triển và thông qua đó, ngành CNTT-TT tiếp tục khẳng định vai trò của một ngành hạ tầng kinh tế kỹ thuật mũi nhọn và góp phần quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy, việc thu hút vốn đầu tư và công nghệ thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế để đẩy mạnh việc phát triển ngành CNTT-TT được xác định là một trong những con đường ngắn nhất và làm đòn bẩy khơi dậy tiềm năng, nội lực trong nước. Đường lối phát triển này đang từng bước được phản ánh rõ nét thông qua việc xây dựng một hành lang pháp lý thông thoáng, tạo cơ chế ưu đãi cho nhà đầu tư trong lĩnh vực CNTT-TT, cụ thể là:

- Xây dựng và ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách (Luật Viễn thông, Luật Bưu chính, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Công nghệ thông tin,...) thể hiện quan điểm tạo thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh;
- Cam kết mở cửa thị trường CNTT-TT trong WTO, ASEAN và các hiệp định đầu tư, hiệp định thương mại tự do khác với mục tiêu tạo môi trường hợp tác đầu tư, cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước và nước ngoài;
- Xây dựng các định hướng, chiến lược phát triển lâu dài: Chính phủ đã phê duyệt Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT; cụ thể hóa kế hoạch phát triển thông tin truyền thông vào Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng kế hoạch 2011-2015; ưu tiên thực hiện Mục tiêu đầu tư cho Phát thanh, truyền hình ở các địa bàn, địa phương được chọn làm thí điểm ngay trong năm 2011,...

Có thể nói, các chính sách, chiến lược, định

hướng lớn phát triển ngành CNTT-TT đang tạo sức thu hút hợp tác đầu tư trong lĩnh vực CNTT-TT và tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tham gia thị trường tiềm năng với gần 90 triệu dân của Việt Nam. Một trong những định hướng lớn, mang tính then chốt và xuyên suốt trong 10 năm tới và cũng là nhiệm vụ nhằm thay đổi thứ hạng của Việt Nam về lĩnh vực thông tin truyền thông là việc triển khai Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT. Để triển khai các mục tiêu đặt ra trong Đề án, công tác hợp tác quốc tế xác định một số định hướng hoạt động trong thời gian tới như sau:

1. Tăng cường quảng bá nhằm nâng cao vị thế ngành CNTT-TT của Việt Nam trong các hoạt động đối ngoại:
 - Tổ chức các hoạt động đối ngoại để tuyên truyền về các chủ trương, chiến lược lớn của ngành, khẳng định quyết tâm, năng lực và tiềm năng hợp tác đầu tư trong lĩnh vực CNTT của Việt Nam với thế giới;
 - Tích cực tham gia các chương trình, hoạt động lớn của quốc tế và khu vực có liên quan đến CNTT-TT để tăng cường và nâng cao sự hiện diện và vai trò của Ngành CNTT-TT Việt Nam, đồng thời cũng tìm kiếm các cơ hội để đưa ngành CNTT-TT Việt Nam vươn ra thế giới;
 - Phối hợp với các cơ quan liên quan, thông qua các kênh ngoại giao, thương mại, để quảng bá các thương hiệu quốc gia của Việt Nam trong lĩnh vực CNTT-TT;
 - Thông qua các hoạt động quảng bá để trao đổi, tiếp thu các thông tin và kinh nghiệm quốc tế nhằm tạo nâng cao hiệu quả phương thức quản lý, kinh doanh trong Ngành CNTT-TT, cũng như chuyển biến về nhận thức của toàn xã hội đối với vai trò của CNTT-TT trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội.

serving for the process of management capacity enhancement, legal framework reinforcement, technologies innovation and ICT socialization. Human resource development and training orientation have been shifted step-by-step from meeting domestic labor demands to fulfilling labor requirements of foreign employers, contributing to turning Viet Nam into a knowledge economy.

Orientations for international cooperation in ICT

The process of international economic integration, along with rapid technological development, have brought about significant challenges for the ICT sector in Viet Nam. These trends, on the other hand, have also created growing opportunities, through which the ICT sector can declare its important role as one of the top-prioritized economic and technical sectors that makes tremendous contributions to the industrialization and modernization process of Viet Nam. Attracting foreign investments in terms of capital and technology through international cooperation has been identified as one of the most effective and time-efficient approaches to stimulating domestic potential. This approach has been gradually realized and concretized by the Government through the establishment of an open and transparent legal framework, which ensures a more favorable investment environment for foreign investors in the area of ICT, particularly through:

- Developing and promulgating a series of legal documents and policies (the Telecommunications Law, Postal Law, Frequency Law, Information Technology Law, etc.) favorable for investment and business activities;
 - Implementing market liberalizing commitments of the ICT sector in WTO, ASEAN and other free trade and investment agreements with a goal to create a competitive market for both domestic and foreign enterprises, which is regulated on non-discriminatory basis.
- Developing long-term orientations and development strategies: The Government has approved the project on “Transforming Viet Nam into an advanced ICT country”; bringing ICT development plans into the National Targeted Programs; building 2011-2015 development plan to include investment priorities for broadcasting areas in the pilot provinces.

The major development policies and strategies of Viet Nam’s ICT sector are widely believed to have been attracting foreign investments in the ICT area and creating more opportunities for enterprises to participate in the potential market with a population of nearly 90 million. One of the key and comprehensive missions in the next ten years aiming to improve Viet Nam’s ICT global ranking is to implement of the project “Transforming Viet Nam into an advanced ICT country”. To bring into practice the missions outlined in the project, the orientations for international cooperation activities have been identified as following:

1. To enhance the promotion of Viet Nam ICT through international cooperation activities:
 - Organize international relation activities to popularize the major ICT policies and strategies, thereby, affirm the determination, capacity and potentiality of Viet Nam’s ICT sector to the world;
 - Actively participate in the international and regional ICT-related programs and activities to enhance the status of the Viet Nam ICT sector, in addition to taking every opportunity to introduce Viet Nam ICT to the world;
 - Coordinate with the concerned agencies, through diplomatic and trade channels, to promote the national ICT brand names of Viet Nam;
 - Through the various promotion activities, to exchange information and international experiences to improve the management and business methodologies in the ICT sector, as well as to change the public awareness toward the role of ICT in the socio-economic development.

2. Tập trung xúc tiến hợp tác đầu tư để phát triển công nghiệp CNTT, phát triển hạ tầng viễn thông và CNTT, triển khai ứng dụng CNTT, tăng cường ứng dụng CNTT và hỗ trợ để phổ cập thông tin đến hộ gia đình:

- Xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế đối ngoại để thu hút nguồn lực: Quản lý và huy động viện trợ quốc tế, Mô hình hợp tác PPP, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài;
- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ để phát triển công nghiệp, phát triển hạ tầng CNTT-TT, triển khai ứng dụng CNTT; Chính phủ điện tử;
- Tìm kiếm và triển khai các mô hình hợp tác hiệu quả trong lĩnh vực CNTT-TT;
- Thông qua các kênh song phương và đa phương, kêu gọi tài trợ và các hỗ trợ kỹ thuật để đưa thông tin về cơ sở;
- Tiếp tục củng cố các quan hệ hợp tác song phương và tổ chức triển khai các hoạt động hợp tác đầu tư tại thị trường truyền thống;
- Chủ động hỗ trợ các doanh nghiệp phần

mềm trong việc tìm kiếm cơ hội khai thác các thị trường mới, tiềm năng.

3. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác phát triển nguồn nhân lực và hợp tác nghiên cứu phát triển CNTT-TT:

- Hợp tác với các đối tác nước ngoài để triển khai các chương trình đào tạo chuyên môn nhằm tăng cường và nâng cao trình độ nguồn nhân lực CNTT-TT có kỹ năng lập trình và trình độ cao (phát huy hiệu quả các Chương trình hiện đang triển khai với sự hợp tác với Microsoft, Cisco, CompTIA, USTDA).
- Xúc tiến các chương trình trao đổi giữa các cơ quan quản lý, các học viện để đào tạo các cán bộ CNTT-TT và đào tạo ngay trong việc triển khai các dự án hợp tác kinh doanh, dự án thử nghiệm.
- Hợp tác với các doanh nghiệp, viện nghiên cứu thông qua các hình thức hợp tác nghiên cứu như liên doanh, chương trình nghiên cứu chung,... để tăng cường năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, làm chủ và từng bước sáng tạo ra công nghệ cho chế tạo sản phẩm mới.

2. To focus on investment cooperation to develop IT industry, develop IT and telecommunication infrastructures, promote IT applications in all walks of life and support information universalization to all households:

- Develop legal documents on external economics to attract the international resources: management and mobilization international aid, PPP model, supporting policies for enterprises going oversea;
- Organize activities to promote investment and technology transfer for the development of ICT industry, ICT infrastructure, IT application and e-Government;
- Explore and implement the effective cooperation models in ICT sector;
- Call for sponsorship and technical assistance to bring information to the localities through the bilateral and multilateral cooperation;
- Continue strengthening the bilateral relations and investment activities in traditional markets;

- Actively support the software enterprises in looking for business opportunities in the new and potential markets.

3. To promote the cooperation in human resources training and ICT Research and Development:

- Cooperate with international partners to implement specialized training programs to enhance and improve the ICT human resources with high qualifications and programming skills (especially utilize the ongoing collaboration with Microsoft, Cisco, CompTIA, and USTDA).
- Promote exchange programs among the management agencies and academic institutions to train the ICT staff and apply on-the-job training in the implementation of the corporate and pilot projects.
- Cooperate with enterprises and research institutes in the forms of joint venture, joint research programs, etc. to strengthen research capacity in ICT sector, gradually master and create new technology for the new products' manufacturing.

1 THÀNH VIÊN CỦA CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC

1.1 Tham gia với tư cách quốc gia thành viên

- Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á – ASEAN (Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông – ASEAN TELMIN, Hội nghị quan chức viễn thông – ASEAN TELSOM, Hội đồng điều hành viễn thông ASEAN – ATRC)
- Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương APEC (nhóm công tác về Viễn thông APEC TEL)
- Diễn đàn Hợp tác Á – Âu ASEM (Hội nghị Bộ trưởng ASEM về ICT)
- Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU)
- Tổ chức Vệ tinh Viễn thông Quốc tế (ITSO)
- Tổ chức Thông tin vũ trụ (INTERSPUTNIK)
- Liên minh Viễn thông Châu Á – Thái Bình Dương (APT)
- Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU)
- Liên minh Bưu chính Châu Á – Thái Bình Dương (APPU)

1.2 Tham gia là thành viên của các tổ chức và hiệp hội ngành nghề

- Liên minh Dịch vụ và Công nghệ thông tin Thế giới (WITSA)
- Tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á – châu Đại Dương (ASOCIO)
- Liên đoàn Quốc tế về Công nghệ thông tin (IFIP)
- Trung tâm thông tin mạng Châu Á – Thái Bình Dương (APNIC)
- Nhóm ứng cứu khẩn cấp máy tính châu Á – Thái Bình Dương (APCERT)
- Tổ chức hợp tác quốc tế đa phương đối với mối đe dọa trong không gian mạng (ITU- IMPACT)



MEMBERSHIP IN INTERNATIONAL AND REGIONAL ORGANIZATIONS

1.1 State-member of inter-governmental specialized international and regional organizations

- Association of South Asian Nations (ASEAN) (ASEAN TELMIN – ASEAN Telecommunications Ministers Meeting, ASEAN TELCOM – Telecommunications Senior Officials Meeting, ATRC – ASEAN Telecom Regulators Council)
- Asia Pacific Economic Cooperation – APEC (APEC Telecommunications and Information Working Group – APEC TEL)
- Asia Europe Meeting (ASEM) (ASEM ICT Ministerial Meeting)
- International Telecommunication Union
- International Telecommunication Satellite Organization (ISTO)
- Intersputnik International Organization of Space Communications (INTERSPUTNIK)
- Asia Pacific Telecommunity (APT)
- Universal Postal Union (UPU)
- Asia Pacific Postal Union (APPU)

1.2 Member of professional organizations and Associations

- World Information Technology and Service Alliance (WISTA)
- Asian Oceania Computing Industry Organization (ASOCIO)
- International Federation for Information Processing (IFIP)
- Asia Pacific Network Information Centre (APNIC)
- Asia Pacific Computer Emergency Response Team (APCERT)
- International Multilateral Partnership Against Cyber Threats (ITU IMPACT)

2

ĐIỂM MỘT SỐ SỰ KIỆN QUỐC TẾ DO VIỆT NAM ĐĂNG CẠI TỔ CHỨC

TT	Sự kiện	Thời gian
1	Hội thảo ITU dành cho Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam về Công nghệ và Dịch vụ NGN/IP	14-17/12/2010
2	Hội nghị Bưu chính các nước Đông Nam Á lần thứ 17	25-27/11/2010
3	Hội nghị các Nhà quản lý Viễn thông ASEAN (ATRC)	07-10/7/2010
4	Cuộc họp Nhóm nghiên cứu số 5D của ITU, Hội thảo khu vực về IMT	09-16/6/2010
5	Phiên họp liên tịch giữa Hội đồng lần thứ 38 và Ủy ban khai thác lần thứ 11 của Tổ chức Intersputnik	27-28/4/2010
6	Phiên họp Quan chức cấp cao không chính thức ASEAN về công nghệ thông tin và viễn thông (TELSOM Leader Retreat)	19-20/01/2010
7	Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông Tiểu khu vực (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam)	10-12/12/2009
8	Diễn đàn Công nghệ Thông tin Thế giới 2009 (WITFOR)	26-28/8/2009
9	Cuộc họp Nhóm công tác Quan chức Viễn thông ASEAN	26-29/4/2009
10	Hội nghị lần thứ sáu Diễn đàn Thông tin Vô tuyến APT	31/3-03/4/2009
11	Hội thảo khu vực của APT về Quản lý và Kiểm soát Tần số	30/3/2009
12	Cuộc họp Nhóm cước châu Á-Thái Bình Dương thuộc Nhóm nghiên cứu số 3 ITU	05-06/3/2009
13	Hội thảo chuyên đề của Khu vực về Cước (dành cho Quốc gia thành viên Nhóm cước châu Á – châu Đại Dương)	04/3/2009
14	Cuộc họp lần thứ 3 của APT chuẩn bị cho Khóa họp Tiêu chuẩn hóa Viễn thông Thế giới (WTSA-08)	17-19/9/2008
15	Diễn đàn Phát triển Khu vực châu Á-Thái Bình Dương của ITU về Thu hẹp khoảng cách tiêu chuẩn hóa Công nghệ Thông tin và Truyền thông	15-16/9/2008
16	Cuộc họp lần thứ 31 Hội đồng điều hành Liên minh Bưu chính Bưu chính Châu Á – Thái Bình Dương (APPU)	09-13/6/2008
17	Hội nghị Bộ trưởng Công nghệ Thông tin và Truyền thông ASEM (Ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông để Phát triển nguồn nhân lực và Nâng cao năng lực)	30/11-01/12/2006
18	Hội nghị lần thứ ba Diễn đàn Thông tin Vô tuyến APT	27-30/9/2006
19	Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông ASEAN lần thứ 5	26-28/9/2005
20	Hội nghị khu vực châu Á – Thái Bình Dương chuẩn bị cho Hội nghị Phát triển Viễn thông Thế giới (WTDC-06)	08-10/6/2005



RECENT MAJOR EVENTS HOSTED BY VIET NAM

No	Events	Date
1	ITU Sub-regional Workshop for Cambodia, Lao PRD, Myanmar and Viet Nam on “NGN/IP Technologies and Services”	14-17 Dec 2010
2	17th ASEAN Posts Meeting	25-27 Nov 2010
3	16th ASEAN Telecommunication Regulators’ Council Meeting	07-10 Jul 2010
4	Meeting of ITU-R Working Party 5D and Seminar on IMT systems	9-16 Jun 2010
5	The Joint 38th Session of the Board and 11th Meeting of the Operation Committee of INTERSPUTNIK	27-28 Apr 2010
6	The 3rd TELSOM Leaders Retreat Meeting of ASEAN	19-20 Jan 2010
7	16th Sub-regional Telecommunication Ministerial Meeting for Cambodia, LAO P.D.R., Myanmar and Viet Nam	10-12 Dec 2009
8	World Information Technology Forum 2009 (WITFOR 2009)	26-28 Aug 2009
9	ASEAN TELSOM Joint Working Group and Working Groups Meeting	26-29 Apr 2009
10	6th Meeting of the APT Wireless Forum	31 Mar - 03 Apr 2009
11	APT Workshop on “Spectrum Management & Monitoring”	30 Mar 2009
12	ITU Study Group 3 Regional Group for Asia and Oceania (SG3RG-AO)	05-06 Mar 2009
13	Regional Seminar on Costs and Tariffs for Member Countries of the Regional Group for Asia and Oceania (SG3RG-AO)	04 Mar 2009
14	3rd APT Preparatory Meeting for WTSA-2008 (WTSA2008-3)	17-19 Sep 2008
15	ITU Regional Development Forum 2008 for Asia Pacific Region on Bridging the ICT standardization gap in developing countries	15-16 Sep 2008
16	31st APPU Executive Council Meeting	09-13 Jun 2008
17	ASEMICT Ministerial Meeting (High-level Conference on the Application of ICT in Human Resources Development and Capacity Building)	30 Nov-01 Dec 2006
18	3rd Meeting of the APT Wireless Forum	27-30 Sep 2006
19	5th ASEAN Telecommunications and IT Ministers Meeting	26-28 Sep 2005
20	WTDC-06 Regional Preparatory Meeting (Asia – Pacific Region)	08-10 Jun 2005

Tại vn.yahoo.com







NƠI BẠN SẼ KẾT NỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA MÌNH,
NHỮNG TIN TỨC MÀ BẠN QUAN TÂM,
VÀ TẤT CẢ NHỮNG GÌ MÀ BẠN ĐANG MUỐN TÌM KIẾM

HÃY MỞ RA THẾ GIỚI CỦA BẠN

VỚI YAHOO!



YAHOO!
VIỆT NAM

-  Trang chủ Yahoo!
-  Yahoo! Messenger
-  Yahoo! Mail
-  Yahoo! Tìm kiếm
-  Yahoo! Tin tức
-  Yahoo! Hỏi & Đáp



CÁC SỰ KIỆN CNTT-TT TIÊU BIỂU HÀNG NĂM

Annual ICT Events



CÁC SỰ KIỆN CNTT-TT TIÊU BIỂU HÀNG NĂM

TT	Tên sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Hội thảo thế giới an ninh bảo mật	Hà Nội	Tháng 3	Bộ Công an	www.securityworld.com.vn
2	Giải thưởng CNTT-TT Việt Nam	Hà Nội	Tháng 3	Bộ TT&TT	www.ictawards.org.vn
3	Triển lãm Quốc tế Điện tử, Viễn thông & Mạng Việt Nam	Hà Nội	Tháng 4	VEIA	
4	Giải thưởng Sao Khuê	Hà Nội	Tháng 4	VINASA	www.vce.vn
5	Hội nghị Viễn thông Quốc tế	Hà Nội	Tháng 5	Bộ TT&TT	
6	Hội thảo Triển lãm Banking Việt Nam	Hà Nội	Tháng 5	Ngân hàng nhà nước	www.bankingvn.com.vn
7	Hội thảo Quốc gia Chính phủ điện tử	Hà Nội hoặc TP.HCM	Tháng 7	BCĐ QG về CNTT	www.egov.com.vn
8	Triển lãm và hội thảo “Toàn cảnh CNTT-TT Việt Nam và Vietnam ComputerElectronics World Expo”	TP.HCM	Tháng 7	HCA	www.vcw.com.vn
9	Giải thưởng Huy chương vàng và Top 5 ICT Việt Nam	TP.HCM	Tháng 7	HCA	
10	Triển lãm thế giới CNTT viễn thông và điện tử Việt Nam	Các tỉnh	Tháng 8	IDG	www.viexpo.com.vn
11	Hội thảo hợp tác phát triển CNTT-TT	Các tỉnh	Tháng 8	VAIP	Luân phiên mỗi năm một tỉnh www.itweek.org.vn ; www.vaip.org.vn
12	Hội thảo, triển lãm “Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực tài chính Việt Nam”	Hà Nội hoặc TP.HCM	Tháng 9	Bộ Tài chính	www.ictfinance.vn
13	Hội nghị và lễ trao giải thưởng lãnh đạo CNTT	Hà Nội	Tháng 9	IDG	www.cio.com.vn
14	Tuần lễ Tin học Việt Nam	Hà Nội	Tháng 10	VAIP	www.itweek.org.vn
15	Triển lãm về Viễn thông, Internet, CNTT và các sản phẩm điện tử	Hà Nội hoặc TP. HCM	Tháng 11	VNPT	2 năm 1 lần www.vnpt.com.vn
16	Hội thảo quốc gia về CNTT-TT Việt Nam	Hà Nội	Tháng 11	BCĐ QG về CNTT	www.ict-industry.gov.vn
17	Ngày An toàn thông tin Việt Nam	Hà Nội	Tháng 11	VNISA	
18	Hội nghị và Lễ trao giải Lãnh đạo An toàn thông tin	Hà Nội	Tháng 12	IDG	www.cso.org.vn

ANNUAL ICT EVENTS

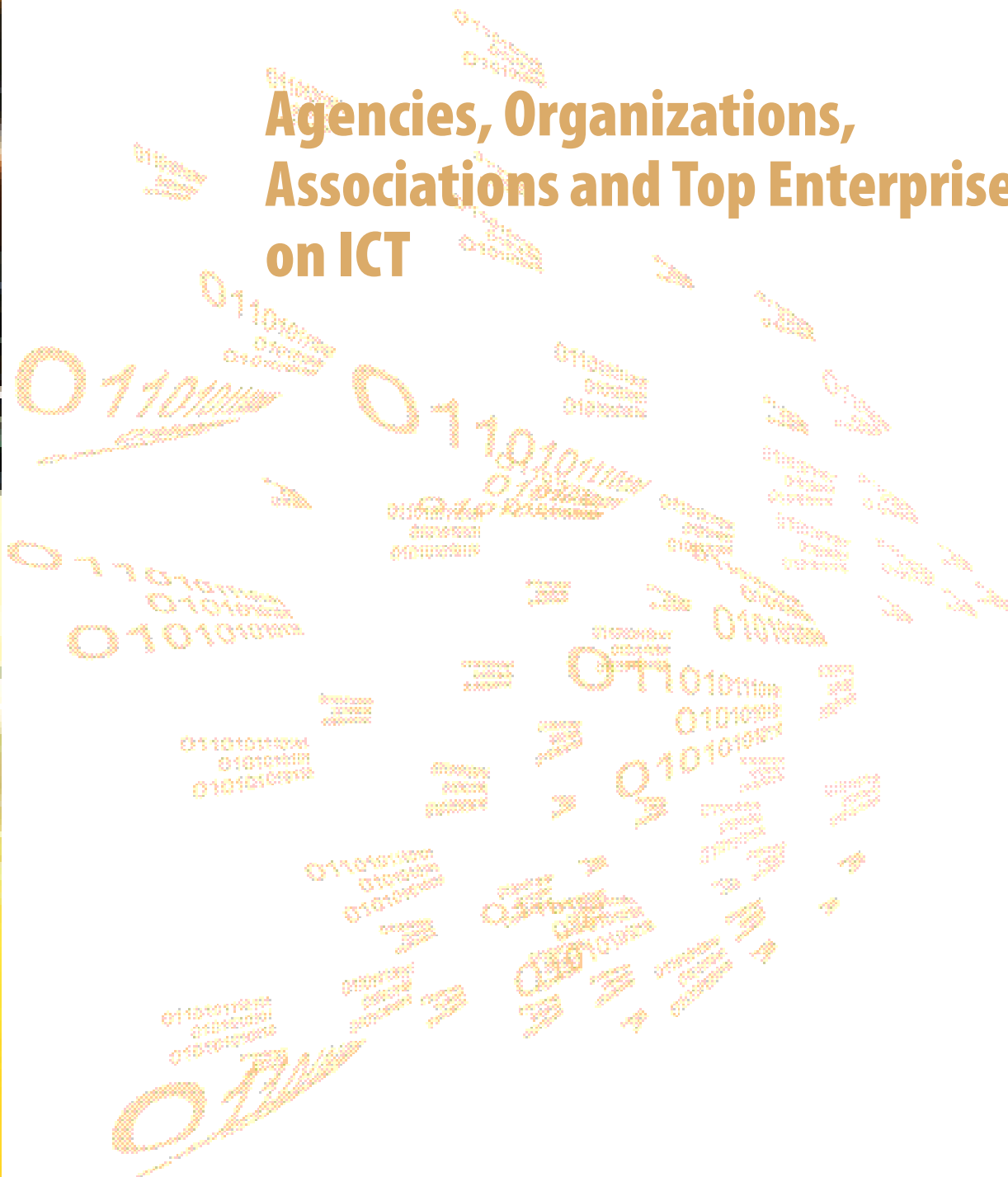
No	Event	Venue	Time	Host by	Remark
1	Security World Conference	Ha Noi	Mar	MPS	www.securityworld.com.vn
2	Viet Nam ICT Awards	Ha Noi	Mar	MIC	www.ictawards.org.vn
3	Viet Nam Consumer Electronics Expo	Ha Noi	Apr	VEIA	www.vce.vn
4	Sao Khue Award	Ha Noi	Apr	VINASA	
5	Viet Nam International Telecommunication Summit	Ha Noi	May	MIC	
6	Banking Viet Nam Conference & Expo	Ha Noi	May	SBV	www.bankingvn.com.vn
7	Viet Nam e-government” symposium	Ha Noi or HCMC	Jul	NSCICT	www.egov.com.vn
8	Viet Nam IT Outlook & Vietnam Computer Electronics World Expo	HCMC	Jul	HCA	www.vcw.com.vn
9	The Gold Medal Awards & the Cup Top 5 ICT Vietnam	HCMC	Jul	HCA	
10	Viet Nam IT and Telecom Electronics World Expo	Provinces	Aug	IDG	www.viexpo.com.vn
11	Workshop on ICT Development Cooperation	Provinces	Aug	VAIP	each province in turn yearly www.itweek.org.vn ; www.vaip.org.vn
12	Viet Nam ICT in Finance Conference	Ha Noi or HCMC	Sep	MOF	www.ictfinance.vn
13	CIO conference and Awards	Ha Noi	Sep	IDG	www.cio.com.vn
14	Viet Nam IT Week	Ha Noi	Oct	VAIP	www.itweek.org.vn
15	Viet Nam Telecomp, Internet Electronics Exhibition	Ha Noi or HCMC	Nov	VNPT	biennially www.vnpt.com.vn
16	Viet Nam National Conference on ICT	Ha Noi	Nov	NSCICT	www.ict-industry.gov.vn
17	Viet Nam Information Security Day	Ha Noi	Nov	VNISA	
18	CSO conference and Awards	Ha Noi	Dec	IDG	www.cso.org.vn





CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HIỆP HỘI VÀ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VỀ CNTT-TT

**Agencies, Organizations,
Associations and Top Enterprises
on ICT**





MỘT SỐ HIỆP HỘI NGHỀ NGHIỆP VỀ CNTT-TT

Hội Tin học Việt Nam (VAIP)

Địa chỉ: Tầng 6, 14 Phố Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3821 1725; Fax: (84-4) 3821 1708

Website: www.vaip.org.vn

Hiệp hội Doanh nghiệp Phần mềm Việt Nam (VINASA)

Địa chỉ: Số 7 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3577 2336; Fax: (84-4) 3577 2337

Website: www.vinasa.org.vn

Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam (VEIA)

Địa chỉ: 11B Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3933 2845; Fax: (84-4) 3933 2846

Website: www.veia.org.vn

Hiệp hội An toàn Thông tin Việt Nam (VNISA)

Địa chỉ: Phòng 502, Tòa nhà số 2 Trần Thánh Tông, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3972 8457; Fax: (84-4) 3972 8457

Website: www.vnisa.org.vn

Hiệp hội Internet Việt Nam (ISOC)

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3556 4950

Website: www.isoc-vn.org

Hiệp hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam (REV)

Địa chỉ: 65 Lạc Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3825 4469; Fax: (84-4) 3825 4469

Website: www.rev.vn

Hội Tin học TP. Hồ Chí Minh (HCA)

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3822 2876; Fax: (84-8) 3825 0053

Website: www.hca.org.vn

Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM)

Địa chỉ: Phòng 410, 25 Ngõ Quyển, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 2220 5518; Fax: (84-4) 2220 5507

Website: www.vecom.vn

ORGANIZATIONS AND ASSOCIATIONS ON ICT

Viet Nam Association for Information Processing (VAIP)

Address: 6th 14 Tran Hung Dao Str., Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3821 1725; Fax: (84-4) 3821 1708

Website: www.vaip.org.vn

Viet Nam Software Association (VINASA)

Address: No.7 Dao Duy Anh Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3577 2336; Fax: (84-4) 3577 2337

Website: www.vinasa.org.vn

Viet Nam Electronic Industries Association (VEIA)

Address: No 11B Phan Huy Chu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3933 2845; Fax: (84-4) 3933 2846

Website: www.veia.org.vn

Viet Nam Information Security Association (VNISA)

Address: Room 502, Building No 2 Tran Thanh Tong Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 6278 6515; Fax: (84-4) 6278 6515

Website: www.vnisa.org.vn

Internet Society Viet Nam (ISOC)

Address: 115 Tran Duy Hung, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3556 4950

Website: www.isoc-vn.org

The Radio-Electronics Association of Viet Nam (REV)

Address: No 65 Lac Trung Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3825 4469; Fax: (84-4) 3825 4469

Website: www.rev.vn

Ho Chi Minh City Computer Association (HCA)

Address: 79 Truong Dinh, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel: (84-8) 3822 2876; Fax: (84-8) 3825 0053

Website: www.hca.org.vn

Vietnam E-Commerce Association (VECOM)

Address: Room 410, 25 Ngo Quyen, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 2220 5518; Fax: (84-4) 2220 5507

Website: www.vecom.vn

2. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG VÀ INTERNET HÀNG ĐẦU

2.1 Dịch vụ viễn thông cố định

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Trụ sở chính: Số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3577 5104 ; Fax: (84-4) 3934 5851

Website: www.vnpt.com.vn

Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel)

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6255 6789 ; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel.com.vn

Công ty Thông tin Viễn thông điện lực (EVNTelecom)

Trụ sở chính: Số 30A Phạm Hồng Thái, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2223 2323 ; Fax: (84-4) 2228 6868

Website: www.evntelecom.com.vn

2.2 Dịch vụ viễn thông di động

Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone

Trụ sở chính: 216 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3773 5555 ; Fax: (84-4) 3773 7544

Website: www.vinaphone.com.vn

Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel)

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6255 6789 ; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel.com.vn

Công ty Thông tin Di động VMS

Trụ sở chính: Lô VP1, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3783 1733 ; Fax: (84-4) 3783 1734

Website: www.mobifone.com.vn

2.3 Dịch vụ Internet

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Trụ sở chính: 57A Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3577 5104 ; Fax: (84-4) 3934 5851

Website: www.vnpt.com.vn

Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel)

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6255 6789 ; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel.com.vn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Trụ sở chính: 48 Vạn Bảo, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 7300 2222 ; Fax: (84-4) 7300 8889

Website: www.fpt.net

Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn cầu (G-Tel)

Trụ sở chính: Tầng 19, Tòa nhà LADECO, 266 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3767 4846 ; Fax: (84-4) 3767 4854

Website: www.beeline.vn

Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội

Trụ sở chính: Số 2 Chùa Bộc, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3572 9833 ; Fax: (84-4) 3572 9834

Website: www.hinet.net.vn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)

Trụ sở chính: 199 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 5404 0608 ; Fax: (84-8) 5404 0609

Website: www.spt.com

2

SEVERAL LEADING TELECOMMUNICATION OPERATORS AND INTERNET SERVICE PROVIDERS

2.1 Fixed Telephone Services

Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT)

Head Office: 57A Huynh Thuc Khang Str, Dong Da Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3577 5104 ; Fax: (84-4) 3934 5851

Website: www.vnpt.com.vn

Viettel Corporation (Viettel)

Head Office: No 1 Giang Van Minh Str, Ba Dinh Dist., Ha Noi,
Viet Nam

Telephone: (84-4) 6255 6789 ; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel.com.vn

EVNTelecom

Head Office: 30A Pham Hong Thai Str, Ba Dinh Dist.,
Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 2223 2323 ; Fax: (84-4) 2228 6868

Website: www.evntelecom.com.vn

2.2 Mobiphone Services

Viet Nam Telecom Services Company

Head Office: 216 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi,
Viet Nam

Telephone: (84-4) 3773 5555 ; Fax: (84-4) 3773 7544

Website: www.vinaphone.com.vn

Viettel Corporation (Viettel)

Head Office: No 1 Giang Van Minh Str, Ba Dinh Dist., Ha Noi,
Viet Nam

Telephone: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel.com.vn

Viet Nam Mobile Telecom Services Company

Head Office: VP1 Block, Yen Hoa ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3783 1733 ; Fax: (84-4) 3783 1734

Website: www.mobifone.com.vn

2.3 Internet Service

Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT)

Head Office: 57A Huynh Thuc Khang Str, Dong Da Dist.,
Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3577 5104 ; Fax: (84-4) 3934 5851

Website: www.vnpt.com.vn

Viettel Corporation (Viettel)

Head Office: No 1 Giang Van Minh Str, Ba Dinh Dist., Ha Noi,
Viet Nam

Telephone: (84-4) 6255 6789 ; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel.com.vn

FPT Telecom Joint Stock Company

Head Office: 48 Van Bao Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi,
Viet Nam

Telephone: (84-4) 7300 2222 ; Fax: (84-4) 7300 8889

Website: www.fpt.net

GTel Mobile Jsc

Head Office: 19th Floor, LADECO Building, 266 Doi Can Str.,
Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3767 4846 ; Fax: (84-4) 3767 4854

Website: www.beeline.vn

Ha Noi Telecom Corporation

Head Office: No 2 Chua Boc Str, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3572 9833 ; Fax: (84-4) 3572 9834

Website: www.hinet.net.vn

Sai Gon Poster Corporation (SPT)

Head Office: 199 Dien Bien Phu Str., Binh Thanh Dist.,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 5404 0608 ; Fax: (84-8) 5404 0609

Website: www.spt.com

3

MỘT SỐ DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH HÀNG ĐẦU

Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (VNPost)

Trụ sở chính: Số 5 Đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3768 9346; Fax: (84-4) 3768 9433

Website: www.vnpost.vn

Công ty TNHH Chuyển phát nhanh DHL-VNPT

Trụ sở chính: Số 4 Phan Thúc Duyệt, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3844 6203; Fax: (84-8) 3847 8113

Website: www.dhl.com

Công ty TNHH TNT Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 803-806, Tầng 8, Tòa nhà Khám Thiên, 193-195 Khám Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3715 0855 ; Fax: (84-4) 3513 3038

Website: www.tnt.com

Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post JSC)

Trụ sở chính: Số 3 Lô A khu tái định cư Đồng Me, Mễ Trì Hạ, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6266 0306; Fax: (84-69) 522490

Website: www.viettelpost.com.vn

Công ty Cổ phần chuyển phát thanh Bưu điện (PT-EMS JSC)

Trụ sở chính: Số 1, Tân Xuân, Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3757 5577; Fax: (84-4) 3757 6114

Website: www.ems.com.vn

Công ty Cổ phần Hợp Nhất Việt Nam

Trụ sở chính: Số 82 ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2246 2725 ; Fax: (84-4) 3795 1916

Website: www.hopnhat.vn

Công ty Cổ phần UPS Việt Nam

Trụ sở chính: Số 74 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3997 2888 ; Fax: (84-8) 3997 3888

Website: www.ups.com

3

SEVERAL LEADING POSTS SERVICE OPERATORS

Viet Nam Post (VNPost)

Head Office: No 5 Pham Hung Road, Tu Liem, My Dinh, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3768 9346; Fax: (84-4) 3768 9433

Website: www.vnpost.vn

DHL-VNPT Express

Head Office: No 4 Phan Thuc Duyen, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3844 6203; Fax: (84-8) 3847 8113

Website: www.dhl.com

Vietrans Express Worldwide

Head Office: Room 803-806, Floor 8, Kham Thien Building, 193-195 Kham Thien, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3715 0855; Fax: (84-4) 3513 3038

Website: www.tnt.com

Viettel Post

Head Office: No 3 Lot A, Dong Me, Me Tri Ha, Tu Liem, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6266 0306; Fax: (84-4) 6952 2490

Website: www.viettelpost.com.vn

P&T Express Jsc

Head Office: No 1 Tan Xuan, Xuan Dinh, Tu Liem, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3757 5577; Fax: (84-4) 3757 6114

Website: www.ems.com.vn

Hop Nhat Vietnam Jsc

Head Office: No 82 Thinh Hao 1 Alley, Ton Duc Thang Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 2246 2725; Fax: (84-4) 3795 1916

Website: www.hopnhat.vn

United Parcel Service of America in Vietnam

Head Office: No 74 Nguyen Van Troi, Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3997 2888; Fax: (84-8) 3997 3888

Website: www.ups.com

4

MỘT SỐ DOANH NGHIỆP PHẦN CỨNG, ĐIỆN TỬ HÀNG ĐẦU

Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT

Trụ sở chính: Số 5 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 7300 0555 ; Fax: (84-4) 3577 1568

Website: www.fptproduct.com.vn

Công ty TNHH Máy tính CMS

Trụ sở chính: Tầng 13, CMC Tower, Lô C1A cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3795 8666 ; Fax: (84-4) 3795 8369

Website: www.cms.com.vn

Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (VTB)

Trụ sở chính: 248A Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3516 3885 ; Fax: (84-8) 3516 3886

Website: www.vtb.com.vn

Tổng công ty Cổ phần Điện tử Tin học

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3825 6404 ; Fax: (84-4) 3826 4786

Website: www.veic.com.vn

Công ty TNHH Một thành viên Hanel

Trụ sở chính: Số 2 Chùa Bộc, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-8) 3852 2102 ; Fax: (84-8) 3852 5770

Website: www.hanel.com.vn

Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Khai Trí

Trụ sở chính: 62A Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 39256169 (8 lines) ; Fax: (84-8) 39256170

Website: www.khaitri.com.vn

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ ROBO

Trụ sở chính: 25 Phạm Viết Chánh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3925 3709 - 3925 2797 ; Fax: (84-8) 3925 2796

Website: www.robo.com.vn

Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa

Trụ sở chính: 56 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3834 4300 ; Fax: (+ 84 4) 3835 9201

Website: www.viettronics.com.vn

Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoa

Trụ sở chính: 204 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3843 2472 ; Fax: (84-8) 3843 2460

Website: www.viettronics-binhhoa.com

4

SERVERAL LEADING HARDWARE, ELECTRONICS ENTERPRISES***FPT Technology Products Co., Ltd***

Address: No 5 Dao Duy Anh Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 7300 0555 ; Fax: (84-4) 3577 1568

Website: www.fptproduct.com.vn***CMS Computer Co., Ltd***

Address: 13th Floor, CMC Tower - Lot C1A Handicraft & Manufacturing Group, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3795 8666 ; Fax: (84-4) 3795 8369

Website: www.cms.com.vn***Viettronics Tan Binh Corporation (VTB)***

Address: 248A No Trang Long, Binh Thanh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3516 3885 ; Fax: (84-8) 3516 3886

Website: www.vtb.com.vn***Vietnam Electronics and Informatics Joint-Stock Corporation***

Address: 15 Tran Hung Dao Str, Hoan Kiem Dist, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 38256404 ; Fax: (84-4) 3826 4786

Website: www.veic.com.vn***Hanoi Electronics Corp (Hanel)***

Address: No 2 Chua Boc Str, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3852 2102 ; Fax: (84-8) 3852 5770

Website: www.hanel.com.vn***Khai Tri Technology JSC***

Address: 62A Nguyen Trong Tuyen, Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3925 6169 ; Fax: (84-8) 3925 6170

Website: www.khaitri.com.vn***ROBO Technology Corp***

Address: 25 Pham Viet Chanh, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3925 3709 ; Fax: (84-8) 3925 2796

Website: www.robo.com.vn***Viettronics Dong Da***

Address: 56 Nguyen Chi Thanh Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3834 4300 ; Fax: (84-4) 3835 9201

Website: www.viettronics.com.vn***Viettronics Binh Hoa Joint Stock Company - VBH***

Address: 204 Nơ Trang Long, Binh Thanh Dist, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3843 2472 ; Fax: (84-8) 3843 2460

Website: www.viettronics-binhhoa.com

5 MỘT SỐ DOANH NGHIỆP PHẦN MỀM HÀNG ĐẦU

Công ty Cổ phần Phần mềm FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3768 9048 ; Fax: (84-4) 3768 9049
Website: www.fpt-software.com

Công ty CSC Việt Nam

Trụ sở chính: 366 Nguyễn Trãi, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3923 8520 ; Fax: (84-8) 3923 8521
Website: www.csc.com

Doanh nghiệp Tư nhân Dịch vụ Tường Minh TMA

Trụ sở chính: 111 Nguyễn Đình Chính, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3990 3848 ; Fax: (84-8) 3990 3303
Website: www.tmasolution.com

Công ty Tin học Lạc Việt

Trụ sở chính: Tòa nhà e-Town, 364 Đường Cộng Hòa, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3842 3333 ; Fax: (84-8) 3842 2370
Website: www.lacviet.com.vn

Công ty TNHH Gameloft Việt Nam

Trụ sở chính: Tòa nhà e-Town, 364 Đường Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 6297 1167 ; Fax: (84-8) 6297 1168
Website: www.gameloft.com

Công ty Cổ phần phần mềm Việt

Trụ sở chính: Tầng 8, 51 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3974 5699/121 ; Fax: (84-4) 3974 5700
Website: www.vietsoftware.com

Công ty TNHH Harvey Nash

Trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà Etown 2, 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3810 6200 ; Fax: (84-8) 3810 6201
Website: www.harveynash.vn

Công ty Cổ phần phần mềm Việt quốc tế

Trụ sở chính: Tầng 6, 15 Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3728 0366/120 ; Fax: (84-4) 3728 0367
Website: www.vsi-international.com

Công ty Cổ phần MISA

Trụ sở chính: Tòa nhà HOB, lô B1D, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3762 7891 ; Fax: (84-4) 3762 9746
Website: www.misa.com.vn

Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC

Trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà CMC, Lô C1A Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3943 9066 ; Fax: (84-4) 3943 9067
Website: www.cmsoft.com

Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân

Trụ sở chính: Tầng 8, Khách sạn Thể thao, Làng SV Hacinco, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3558 9970 ; Fax: (84-4) 3558 9971
Website: www.tinhvan.com

Công ty TNHH Pyramid Consulting Việt Nam

Trụ sở chính: Etown 1, Lầu 3, 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3812 3367 ; Fax: (84-8) 3812 3218
Website: www.pyramid-consulting.com

Công ty TNHH GHP Far East

Trụ sở chính: Tòa nhà Saigon ICT, CVPM Quang Trung, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3715 5359 ; Fax: (84-8) 3715 5391
Website: www.ghp-fareast.vn

Công ty Cổ phần Global Cybersoft (Việt Nam)

Trụ sở chính: Tòa nhà Helios, Công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 5437 1199 ; Fax: (84-8) 5437 1188
Website: www.globalcybersoft.com

Công ty TNHH Nec Solutions Việt Nam

Trụ sở chính: 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3933 3585 ; Fax: (84-4) 3933 3588
Website: www.necsv.com

Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông ELCOM

Trụ sở chính: 18 Nguyễn Chí Thanh, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3835 9359 ; Fax: (84-4) 3835 5884
Website: www.elcom.com.vn

Công ty TNHH Mạng máy tính Phú Sĩ

Trụ sở chính: 51 Đường Phạm Hùng, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3825 0100 ; Fax: (84-8) 3823 3195
Website: www.fujinet.net

Công ty TNHH Giải pháp tài chính công FPT

Trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3562 6000 ; Fax: (84-4) 3562 4850
Website: www.fpt.com.vn

Công ty Cổ phần công nghệ NCS

Trụ sở chính: Số 5 ngõ 535 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3716 4181 ; Fax: (84-4) 3716 4287
Website: www.ncs.com.vn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
Địa chỉ: (84-4) 3847 4548 ; Fax: (84-4) 3847 4549
Website: www.hipt.com.vn

Công ty TNHH Phát triển và chuyển giao phần mềm DTSOFT

Trụ sở chính: 133 Kim Ngưu, Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3821 3982 ; Fax: (84-4) 3987 4888
Website: www.dtssoft.com

Công ty Cổ phần phần mềm Luvina

Trụ sở chính: 1001 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3793 1103 ; Fax: (84-4) 3793 1106
Website: www.luvina.net

5

SEVERAL LEADING SOFTWARE ENTERPRISES

FPT Software Jsc

Address: FPT Building, Pham Hung, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3768 9048 ; Fax: (84-4) 3768 9049
 Website: www.fpt-software.com

CSC Vietnam

Address: 366 Nguyen Trai, Dist. 5, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3923 8520 ; Fax: (84-8) 3923 8521
 Website: www.csc.com

TMA Solution

Address: 111 Nguyen Dinh Chinh, Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
 Telephone: (84-8) 3990 3848 ; Fax: (84-8) 3990 3303
 Website: www.tmasolution.com

LacViet Computing Corporation

Address: 23 Nguyen Thi Huynh, ward 8, Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3842 3333 ; Fax: (84-8) 3842 2370
 Website: www.lacviet.com.vn

Gameloft Vietnam

Address: 7th Floor, E-Town Building, 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 6297 1167 ; Fax: (84-8) 6297 1168
 Website: www.gameloft.com

VietSoftware JSC - VSI

Address: 8th Floor, 51 Le Dai Hanh Str, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3974 5699/121 ; Fax: (84-4) 3974 5700
 Website: www.vietsoftware.com

Harvey Nash Company Limited - Harvey-Nash

Address: 10th Floor, Etown 2 Building, 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3810 6200 ; Fax: (84-8) 3810 6201
 Website: www.harveynash.vn

Vietsoftware International JSC - VSI

Address: 6th Floor, 15 Pham Hung Str, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3728 0366/120 ; Fax: (84-4) 3728 0367
 Website: www.vsi-international.com

MISA Jsc

Address: HOB Building, Lot B1D, Handicraft & Manufacturing Industrial Zone, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3762 7891; Fax: (84-4) 3762 9746
 Website: www.misa.com.vn

CMC Software Company Ltd

Address: 14th Floor – CMC Tower, Handicraft & Manufacturing Industrial Zone, Cau Giay District, Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3943 9066 ; Fax: (84-4) 3943 9067
 Website: www.cmcsoft.co

Tinh Van Corporation

Address: 8th Floor, Sport Hotel, Hacinco Student Village, Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3558 9970 ; Fax: (84-4) 3558 9971
 Website: www.tinhvan.com

Pyramid Consulting Vietnam Ltd

Address: Etown 1, 3rd Floor, 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3812 3367 ; Fax: (84-8) 3812 3218
 Website: www.pyramid-consulting.com

GHP Far East Ltd

Address: Saigon ICT Building, Quang Trung Software Park, Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3715 5359 ; Fax: (84-8) 3715 5391
 Website: www.ghp-fareast.vn

Global Cybersoft Vietnam

Address: Helios Building, Quang Trung Software Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 5437 1199 ; Fax: (84-8) 5437 1188
 Website: www.globalcybersoft.com

Nec Solutions Vietnam Co.

Address: 23 Phan Chu Trinh, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3933 3585 ; Fax: (84-4) 3933 3588
 Website: www.necsv.com

Electronics Communications Technology Investment Development Joint Stock Company

Address: 18 Nguyen Chi Thanh, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3835 9359 ; Fax: (84-4) 3835 5884
 Website: www.elcom.com.vn

Fujinet Co. Ltd

Address: 51 Pham Hung Str., Dist. 8, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3825 0100 ; Fax: (84-8) 3823 3195
 Website: www.fujinet.net

FPT Public Finance Solution company limited

Address: 101 Lang Ha Str, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3562 6000 ; Fax: (84-4) 3562 4850
 Website: www.fpt.com.vn

NCS Technology Corporation

Address: No.5, 535 Alley, Kim Ma str, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3716 4181 ; Fax: (84-4) 3716 4287
 Website: www.ncs.com.vn

HiPT Group

Address: 152 Thuy Khue, Tay Ho Dist, Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3847 4548 ; Fax: (84-4) 3847 4549
 Website: www.hipt.com.vn

Development Tranfer SortWare – DTSoft

Address: 133 Kim Nguu, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3821 3982 ; Fax: (84-4) 3987 4888
 Website: www.dtsoftvn.com

Luvina Software JSC

Address: 1001 Hoang Quoc Viet Str, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3793 1103 ; Fax: (84-4) 3793 1106
 Website: www.luvina.net

6

MỘT SỐ DOANH NGHIỆP NỘI DUNG SỐ HÀNG ĐẦU

Công ty Đầu tư và Phát triển công nghệ thông tin (VTC Intecom)

Trụ sở chính: 65 Lạc Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 4451 2468 ; Fax: (84-4) 3636 7728

Website: www.vtc.com.vn

Công ty Cổ phần Tập đoàn VINA (V.N.G)

Trụ sở chính: 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3832 8422 ; Fax: (84-8) 3832 8425

Website: www.vinagame.com.vn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FPT Online)

Trụ sở chính: Số 408 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6299 1299 ; Fax: (84-8) 3929 1758

Website: www.fptonline.net

Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC

Trụ sở chính: Số 33 Thái Hà, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 2728 ; Fax: (84-4) 3772 2733

Website: www.vasc.com.vn

Công ty TNHH DIGI-TEXX Việt Nam

Trụ sở chính: Lầu 2, Tòa nhà ANNA, CVPM Quang Trung, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 37155325 ; Fax: (84-8) 37159402

Website: www.digi-texx.com.vn

Công ty Cổ phần iNet

Trụ sở chính: 129 Phan Văn Trường, Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3793 1188 ; Fax: (84-4) 3793 0979

Website: www.inet.vn

Công ty TNHH P.A Việt Nam

Trụ sở chính: 254A Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6256 3737 ; Fax: (84-8) 6290 6480

Website: www.pavietnam.vn



SEVERAL LEADING DIGITAL CONTENT ENTERPRISES

VTC Intecom

Address: 65 Lac Trung Str, Hai Ba Trung Dist, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 4451 2468 ; Fax: (84-4) 3636 7728

Website: www.vtc.com.vn

VINA Corp (V.N.G)

Address: 268 To Hien Thanh Str, Dist 10, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3832 8422 ; Fax: (84-8) 3832 8425

Website: www.vinagame.com.vn

FPT Online Service Jsc

Address: No 408 Dien Bien Phu Str, Dist 10, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 6299 1299 ; Fax: (84-8) 3929 1758

Website: www.fptonline.net

VASC Software and Media Company (VASC)

Address: No 33, Thai Ha Str, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3772 2728 ; Fax: (84-4) 3772 2733

Website: www.vasc.com.vn

DIGI-TEXX Vietnam Co., Ltd

Address: 2nd Floor, Anna Building Quang Trung Software Park, Dist 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 37155325 ; Fax: (84-8) 37159402

Website: www.digi-texx.com.vn

iNet Jsc

Address: 129 Phan Van Truong, Dich Vong Hau, Cau Giay Dist, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3793 1188 ; Fax: (84-4) 3793 0979

Website: www.inet.vn

P.A Vietnam Co., Ltd

Address: 254A Nguyen Dinh Chieu, Dist 3., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 6256 3737 ; Fax: (84-8) 6290 6480

Website: www.pavietnam.vn

7

MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TÍCH HỢP HỆ THỐNG HÀNG ĐẦU

Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT

Trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3562 6000 ; Fax: (84-4) 3562 4850

Website: www.fis.com.vn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT

Trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Địa chỉ: (84-4) 3847 4548 ; Fax: (84-4) 3847 4549

Website: www.hipt.com.vn

Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

Trụ sở chính: 60 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3945 8518 ; Fax: (84-8) 3945 8516

Website: www.hpt.vn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu

Trụ sở chính: 208-210 Khánh Hội, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3943 3668 ; Fax: (84-8) 3943 3669

Website: www.saobacdau.vn

Công ty Cổ phần Viễn Thông - Tin học Bưu Điện (CT-IN)

Trụ sở chính: 158/2 Hồng Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3863 4597 ; Fax: (84-4) 38630 227

Website: www.ct-in.com.vn

Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC

Trụ sở chính: Tầng 16, CMC Tower, Lô C1A, cụm Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3795 8686 ; Fax: (84-4) 3795 8383

Website: www.cmcsi.com.vn

7

SERVERAL LEADING ENTERPRISES IN IT INTEGRATION SERVICE***FPT Information System Company***

Address: 101 Lang Ha Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3562 6000 ; Fax: (84-4) 3562 4850

Website: www.fis.com.vn***HiPT Group***

Address: 152 Thuy Khue, Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3847 4548 ; Fax: (84-4) 3847 4549

Website: www.hipt.com.vn***HPT Informatics Technology Service***

Address: 60 Nguyen Van Troi, Ward 8, Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3945 8518 ; Fax: (84-8) 3945 8516

Website: www.hpt.vn***Sao Bac Dau Technologies Jsc***

Address: 208-210 Khanh Hoi, Dist. 4, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3943 3668 ; Fax: (84-8) 3943 3669

Website: www.saobacdau.vn***Joint Stock Company for Telecom & Informatics (CT-IN)***

Address: 158/2 Hong Mai Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3863 4597 ; Fax: (84-4) 38630 227

Website: www.ct-in.com.vn***CMC system Integration***Address: 16th Floor, CMC Tower, Lot C1A, Cau Giay Handicraft & Manufacturing Industrial Zone,
Cau Giay Dist, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3795 8686 ; Fax: (84-4) 3795 8383

Website: www.cmcsi.com.vn

CÁC DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ

Công ty Điện toán và Truyền số liệu VDC

VNPT-CA

Trụ sở chính: Nhà Internet, Lô IIA, Làng quốc tế Thăng Long, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3793 1062 ; Fax: (84-4) 3793 0506

Website: www.vnpt-ca.vn

Tập đoàn Viễn thông quân đội (VIETTEL)

VIETTEL-CA

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6255 6789 ; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel-ca.vn

Công ty cổ phần công nghệ thẻ Nacencomm

CA2-NACENCOMM

Trụ sở chính: 40 Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3852 0998 ; Fax: (84-4) 3852 0999

Website: www.nacencomm.com.vn

Công ty an ninh mạng BKAV

BKAV-CA

Trụ sở chính: Tòa nhà Hitech, Số 1 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3868 4757 ; Fax: (84-4) 3868 4755

Website: www.bkavca.vn

Công ty cổ phần FPT

FPT-CA

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, lô B2, phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 7300 2222 ; Fax: (84-4) 3768 7410

Website: www.fptca.vn

Công ty cổ phần Công nghệ Truyền thông CK

CK-CA

Trụ sở chính: 4/122 đường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3664 7888 ; Fax: (84-4) 3664 7889

Website: www.ckmedia.com.vn

SEVERAL DIGITAL SIGNATURE AUTHENTICATION SERVICE PROVIDERS***Vietnam Datacommunications Company (VDC)******VNPT-CA***

Head Office: Internet, Lot IIA, International village of Thang Long, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3793 1062 ; Fax: (84-4) 3793 0506

Website: www.vnpt-ca.vn

Viettel Corporation (Viettel)***VIETTEL-CA***

Head Office: No 1 Giang Van Minh Str, Kim Ma ward, Ba Dinh Dist, Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6255 6789 ; Fax: (84-4) 6299 6789

Website: www.viettel-ca.vn

Nacencomm Technologies Jsc***CA2-NACENCOMM***

Head Office: 40 Phuong Mai Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 38520998 ; Fax: (84-4) 38520999

Website: www.nacencomm.com.vn

Bkav Security Jsc***BKAV-CA***

Head Office: Hitech Building, No 1.Dai Co Viet, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3868 4757 ; Fax: (84-4) 3868 4755

Website: www.bkavca.vn

FPT Corporation***FPT-CA***

Head Office: FPT Building, B2 plot, Duy Tan str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 7300 2222 ; Fax: (84-4) 3768 7410

Website: www.fptca.vn

CK Media***CK-CA***

Head Office: 4/122 Dinh Cong str., Hoang Mai, Ha Noi

Telephone: (84-4) 3664 7888 ; Fax: (84-4) 3664 7889

Website: www.ckmedia.com.vn

9 CÁC TỔ CHỨC, CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐÀO TẠO CNTT-TT HÀNG ĐẦU

9.1 Đào tạo Đại học – Cao đẳng

1. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ: Km 10 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Website: www.ptit.edu.vn

2. Học viện Kỹ thuật Quân sự

Địa chỉ: Số 100 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.lqdtu.edu.vn

3. Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Số 144 Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.coltech.vnu.edu.vn

4. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Địa chỉ: Số 1 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: www.hut.edu.vn

5. Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Số 334 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Website: www.huse.edu.vn

6. Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Km 20 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.uit.edu.vn

7. Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.hcmut.edu.vn

8. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cù, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.hcmus.edu.vn

9. Trường Đại học FPT

Địa chỉ: Tòa nhà Detech, Số 15B Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.fpt.edu.vn

10. Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ: Khu II, Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Website: www.ctu.edu.vn

11. Trường Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 41 Lê Duẩn, TP. Đà Nẵng

Website: www.ud.edu.vn

12. Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên

Website: www.tnu.edu.vn

9.2 Đào tạo Phi chính quy và Cao đẳng nghề

1. Hệ thống Aptech Việt Nam

Địa chỉ: Số 51 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: www.aptech.edu.vn

2. Hệ thống NIIT Việt Nam

Địa chỉ: Số 138C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.niit.edu.vn

3. Hệ thống Arena Multimedia

Địa chỉ: Số 80 Trúc Khê, Quận Đống Đa, Hà Nội

Website: www.arena-multimedia.vn

4. Học viện Công nghệ thông tin Hanoi CTT (Hà Nội)

Địa chỉ: Số 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.hanoictt.com.vn

5. Trung tâm Saigon CTT (TP.HCM)

Địa chỉ: 287B Điện Biên Phủ, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.saigonctt.com.vn

6. Trường SaigonTECH (TP.HCM)

Địa chỉ: Tòa nhà SaigonTech, Lô 14, Đường số 5, Công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.saigontech.edu.vn

7. Trường Cao đẳng nghề Công nghệ thông tin iSPACE (TP.HCM)

Địa chỉ: Số 240 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.ispace.edu.vn

8. Trung tâm Đào tạo Quản trị & An ninh mạng Athena (TP.HCM)

Địa chỉ: Số 2 Bis Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.athena.edu.vn

9. Trung tâm Đào tạo mạng máy tính Nhất nghệ (TP.HCM)

Địa chỉ: Số 105 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.nhatnghe.com

10. Trường Đào tạo Công nghệ thông tin Infor World (TP.HCM)

Địa chỉ: Số 43 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.inforworldschool.com

11. Trung tâm Tin học Việt Tin (Đà Nẵng)

Địa chỉ: Số 278/4 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng

Website: www.vietin.com



SEVERAL LEADING UNIVERSITIES AND INSTITUTE OFFERING ICT TRAINING AND PROVIDING IT-TRAINING SERVICES

9.1 Universities – Colleges

1. Posts and Telecommunications Institute of Technology

Address: Km 10 Nguyen Trai, Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.ptit.edu.vn

2. Military Technical Academy

Address: No 100 Hoang Quoc Viet, Cau Giay Dist, Ha Noi, Viet Nam

Website: www.lqdtu.edu.vn

3. University of Engineering and Technology - Vietnam National University, Hanoi

Address: No 144 Xuan Thuy, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.coltech.vnu.edu.vn

4. Hanoi University of Science and Technology

Address: No 1 Dai Co Viet, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.hut.edu.vn

5. Ha Noi University of Science - Viet Nam National University

Address: No 334 Nguyen Trai, Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.huse.edu.vn

6. Information Technology University - Vietnam National University, HCMC

Address: Km20 Hanoi Highway, Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.uit.edu.vn

7. University of Technology - Vietnam National University, HCMC

Address: No 286 Ly Thuong Kiet, Dist 10, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.hcmut.edu.vn

8. University of Science - Vietnam National University, HCMC

Address: No 227 Nguyen Van Cu, Dist 5, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.hcmus.edu.vn

9. FPT University

Address: Detech Building, No 15B Pham Hung, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.fpt.edu.vn

10. Can Tho University

Address: Block II, 3/2 Street, Ninh Kieu, Can Tho City, Viet Nam

Website: www.ctu.edu.vn

11. Da Nang University

Address: No 41 Le Duan, Da Nang City, Viet Nam

Website: www.ud.edu.vn

12. Thai Nguyen University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

Address: Tan Thinh Ward, Thai Nguyen, Viet Nam

Website: www.ictu.edu.vn

9.2 Non-Formal and Vocational Colleges

1. Aptech Vietnam

Address: Level 3, No 51 Le Dai Hanh, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.aptech.edu.vn

2. NITT Vietnam

Address: No 138C Nguyen Dinh Chieu, Dist 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.niit.edu.vn

3. Arena Multimedia

Address: No 80 Truc Khe, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.arena-multimedia.vn

4. Hanoi CTT (Hanoi)

Address: No 141 Le Duan, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.hanoictt.com.vn

5. Saigon CTT (HCMC)

Address: DTS Building, No 287B Dien Bien Phu, Dist 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.saigonctt.com.vn

6. SaigonTECH (HCMC)

Address: SaigonTech Building, Lot 14, Block 5, Quang Trung Software park, Dist 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.saigontech.edu.vn

6. SaigonTECH (HCMC)

Address: SaigonTech Building, Lot 14, Block 5, Quang Trung Software park, Dist 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.saigontech.edu.vn

7. iSPACE (HCMC)

Address: No 240 Vo Van Ngan, Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.ispace.edu.vn

8. Athena Center (HCMC)

Address: No 2 Bis Dinh Tien Hoang, Dist 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.athena.edu.vn

9. Nhat Nghe Center (HCMC)

Address: No 105 Ba Huyen Thanh Quan, Dist 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.nhatnghe.com

10. InfoWorld (HCMC)

Address: No 43 Nguyen Thong, Dist 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.infoworldschool.com

11. Viet Tin Center (Danang)

Address: No 278/4 Nguyen Van Linh, Da Nang City, Viet Nam

Website: www.vietin.com

10

MỘT SỐ DOANH NGHIỆP LỚN QUỐC TẾ ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

Công ty TNHH Intel Product Việt Nam

Khu CNC TP. Hồ Chí Minh, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3736 6200; Fax: (84-8) 3736 0510

Website: www.intel.com

Công ty TNHH Canon Việt Nam

Khu công nghiệp Thăng Long, Huyện Đông Anh, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3771 1677 ; Fax: (84-4) 3771 1678

Website: www.canon.com.vn

Công ty TNHH Fujitsu Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà DMC, 535 Kim Mã, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2220 3113; Fax: (84-4) 2220 3114

Website: www.fujitsu.com

Công ty IBM Việt Nam

Tầng 2 Toà nhà Pacific, 83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3946 2021

Website: www.ibm.com

Công ty TNHH Panasonic Việt Nam

Tầng 3, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.panasonic.com.vn

Công ty LG Việt Nam

Tầng 12 Toà nhà Melia, 44B Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3934 5110 ; Fax: (84-4) 3934 5118

Website: www.vn.lge.com

Công ty TNHH Ericsson Việt Nam

Tầng 12, Tòa nhà Việt Tower, 198B Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3857 5101; Fax: (84-4) 3857 5102

Website: www.ericsson.com

Công ty TNHH Microsoft Việt Nam

Tầng 9, Tòa nhà Tung Shing Square, số 2 Ngô Quyền, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3926 3000; Fax: (84-4) 3826 1222

Website: www.microsoft.com

Công ty TNHH Thiết kế Resenas Việt Nam

Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3770 0255 ; Fax: (84-8) 3770 0249

Website: www.vietnam.renemas.com

Văn phòng đại diện Acatel – Lucent Việt Nam

124 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.acatel-lucent.com

Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam

Tầng 12-13, Tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2220 8818 ; Fax: (84-4) 2220 8816

Website: www.huawei.com

Công ty TNHH Siemens Việt Nam

Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3577 6688 ; Fax: (84-4) 3577 6699

Website: www.siemens.com.vn

Công ty Samsung Electronics Việt Nam

Khu công nghệ Yên Phong I, Yên Trung, Bắc Ninh

Điện thoại: (84-241) 369 6049 ; Fax: (84-241) 369 6003

Website: www.samsung.com.vn

Công ty TNHH Amdocs Việt Nam

Phòng 1004, tầng 10, 83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.amdocs.com

Công ty TNHH DongAh Elecomm Việt Nam

Số 98 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.dongah.vn

Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam

A5 – A6, Công viên công nghệ Long Bình, Khu chế xuất Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

Công ty Toshiba Việt Nam

Phòng 1702, Tầng 17, Tòa nhà Centec Tower,

72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.toshiba.com.vn

Công ty TNHH Thông tin NTT Việt Nam

P.1101 & 1102, Tầng 11, Sailing Tower, 51 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.ntt.com.vn

Công ty TNHH Summitomo Bakelite Vietnam

C6, Khu Công nghiệp Thăng Long, Huyện Đông Anh, Hà Nội

Website: www.sbv.com.vn

10

SEVERAL LEADING ICT MULTI-NATIONAL COMPANIES IN VIETNAM

Intel Products Vietnam Co.,Ltd

Lot T3B Saigon Hi-tech Park, Dist. 9, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel: (84-8) 3736 6200 ; Fax: (84-8) 3736 0510

Website: www.intel.com**Canon Viet Nam**

Thang Long Industry Park, Dong Anh, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3771 1677; Fax: (84-4) 3771 1678

Website: www.canon.com.vn**Fujitsu Viet Nam**

8th Floor, DMC Building, 535 Kim Ma, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 2220 3113 ; Fax: (84-4) 2220 3114

Website: www.fujitsu.com**IBM Viet Nam**

2nd Floor, Pacific Place, 83B Ly Thuong Kiet, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 39462021

Website: www.ibm.com**Panasonic Viet Nam Co.,Ltd**

3th Floor, Saigon Trade Center Building, 37 Ton Duc Thang, Dist., 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.panasonic.com.vn**LG Việt Nam**

12th Floor, Melia Building, 44B Ly Thuong Kiet, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3934 5110 ; Fax: (84-4) 3934 5118

Website: www.vn.lge.com**Ericsson Viet Nam Co.,Ltd**

12th Floor, Viet Tower Building, 198B Tay Son, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3857 5101 ; Fax: (84-4) 3857 5102

Website: www.ericsson.com**Microsoft Viet Nam**

9th Floor, Tung Shing Square Building, No 2 Ngo Quyen, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 3926 3000 ; Fax: (84-4) 3826 1222

Website: www.microsoft.com**Resenas Design Viet Nam Co.,Ltd**

Lot 29-30-31A, Tan Thuan Rd., Tan Thuan EPZ, Dist. 7, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel: (84-8) 3770 0255 ; Fax: (84-8) 3770 0249

Website: www.vietnam.renesas.com**Acatel – Lucent Viet Nam Co.,Ltd**

124 Hoang Quoc Viet, Cau Giay Dít., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.acatel-lucent.com**Huawei Viet Nam**

Lieu Giai, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84-4) 2220 8818 ; Fax: (84-4) 2220 8816

Website: www.huawei.com**Siemens Ltd Viet Nam**

Ocean Park Building, No 1 Dao Duy Anh, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Tel.: (84-4) 3577 6688 ; Fax: (84-4) 3577 6699

Website: www.siemens.com.vn**Samsung Electronics Viet Nam**

Yen Phong I Industrial Zone, Yen Phong, Bac Ninh, Viet Nam

Tel: (84-241) 369 6049 ; Fax: (84-241) 369 6003

Website: www.samsung.com.vn**Amdocs Viet Nam Company Limited**

Room 1004, 10 Floor, 83B Ly Thuong Kiet str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.amdocs.com**DongAh Elecomm Viet Nam Ltd.**

98 Hoang Quoc Viet, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.dongah.vn**Nec Tokin Electronics Viet Nam Co.,Ltd**

Lot A5, A6, Long Binh EPZ., Bien Hoa City, Dong Nai, Viet Nam

Toshiba Viet Nam

Unit 1702, 17 Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai, Dist., 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.toshiba.com.vn**NTT Communication Viet Nam Co.,Ltd**

Unit 1101 &1102, 11F, Sailing Tower, 51 Nguyen Thi Minh Khai, Dist., 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: www.ntt.com.vn**Summitomo Bakelite Vietnam**

C6, Thang Long Industrial Park, Dong Anh, Ha Noi, Viet Nam

Website: www.sbv.com.vn

11 CÁC KHU CNTT TẬP TRUNG

11.1 Hiện trạng các khu CNTT tập trung

- + Số lượng các khu các Khu CNTT: 07
- + Tổng quỹ đất: 705.656 m²
- + Tổng diện tích văn phòng làm việc: 203.638 m²
- + Diện tích văn phòng đã sử dụng: 106,807 (66%)
- + Tổng số nhân lực CNTT: trên 30 nghìn người

11.2 Thông tin về các khu CNTT tập trung

1. CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

- Trụ sở chính: 97-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện: Nhà 3, Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 430.000 m²
- Diện tích văn phòng: 86.000 m²
- Điện thoại: (84-8) 3715 5055; Fax: (84-8) 3715 5985
- Email: qtsc@quangtrungsoft.com.vn
- Website: www.quangtrungsoft.com.vn
- Tổng số nhân lực hoạt động: 23859, trong đó tổng số kỹ sư và chuyên viên CNTT là 4.752 người
- Số doanh nghiệp CNTT hoạt động: 101

2. TRUNG TÂM GIAO DỊCH CNTT HÀ NỘI

- Trụ sở chính: Số 185 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Diện tích đất: 1.700 m²
- Diện tích văn phòng: 2.500 m²
- Tổng số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 38
- Tổng số nhân lực hoạt động: 600 người, trong đó số lao động chuyên về CNTT là 500 người.
- Điện thoại: (84-4) 3512 1430; Fax: (84-4) 3512 1486
- Email: info@hitc.org.vn
- Website: www.hitc.org.vn

3. TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Trụ sở chính: 123 Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 3000 m²
- Tổng số doanh nghiệp: 28
- Tổng số nhân lực: 500 người
- Tel: (84-8) 3932 0990; Fax: (84-8) 3932 0993
- Email: sales@ssp.com.vn
- Website: www.ssp.com.vn

4. KHU CÔNG VIÊN PHẦN MỀM ĐÀ NẴNG

- Trụ sở chính: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Diện tích đất: 4300 m²
- Diện tích văn phòng: 22000 m²
- Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động: 35
- Tổng số nhân lực: 1000 người
- Điện thoại: (84-511) 3888 666; Fax: (84-511) 3888 879
- Email: sales@dsp.vn
- Website: www.dsp.com.vn

5. KHU CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

- Trụ sở chính: Khu phố 6, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 23 ha
- Diện tích văn phòng: 8.482 m²
- Điện thoại: (84-8) 3724 4000; Fax: (84-8) 3724 2058
- Email: vanphong@vnu-itp.edu.vn
- Website: www.vnu-itp.edu.vn

6. E-TOWN

- Trụ sở chính: 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 3.5 hecta gồm 7 toà nhà eTown1, eTown2, eTown 3, eTown4, eTown EW, trụ sở REE và khu thể thao liên hợp eTown
- Diện tích văn phòng: 80.000 m²
- Điện thoại : (84) 8 3810 4462 Fax : (84) 8 3810 6816
- E-mail: sales@etown.com.vn
- Website: www.etown.com.vn

7. TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CẦN THƠ

- Trụ sở chính: 29 CMT8, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Diện tích văn phòng: 1,656 m²
- Điện thoại: (84-71) 3761 937; Fax: (84-71) 3761 937
- E-mail: canthosoft@csp.com.vn
- Website: www.csp.com.vn



INFORMATION TECHNOLOGY PARKS

11.1 Overview of IT Parks

- + Number of IT: 07
- + Total size of land: 705,656 m²
- + Total office space: 203,638 m²
- + Number of worker: above 30,000

11.2 Brief description of IT Parks

1. QUANG TRUNG SOFTWARE CITY

- Address: Tan Chanh Hiep Ward, Dist 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 430,000 m²
- Size of office space: 86,000 m²
- Total of IT enterprises: 101
- Number of worker: 23,859 persons
- Tel: (84-8) 3715 5055 Fax: (84-8) 3715 5985
- Email: qtsc@quangtrungsoft.com.vn
- Website: www.quangtrungsoft.com.vn

2. HANOI IT TRADING CENTER

- Address: No 185 Giang Vo Str, Ba Dinh Dist, Ha Noi, Viet Nam
- Size of land: 1,700 m²
- Size of office space: 2,500 m²
- Total of IT enterprises: 38
- Number of worker: 600 persons
- Tel: (84-4) 3512 1430; Fax: (84-4) 3512 1486
- Email: info@hittc.org.vn
- Website: www.hittc.org.vn

3. SAIGON SOFTWARE PARK (SSP)

- Address: No 123 Truong Dinh Str, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 3,000 m²
- Total of IT enterprises: 28
- Number of worker: 500 người
- Tel: (84-8) 3932 0990; Fax: (84-8) 3932 0993
- Email: sales@ssp.com.vn
- Website: www.ssp.com.vn

4. DANANG SOFTWARE PARK

- Address: No 02 Quang Trung Str, Hai Chau Dist., Danang City, Viet Nam
- Size of land: 4,300 m²
- Size of office space: 22,000 m²
- Total of IT enterprises: 35
- Number of worker: 1,000 persons
- Tel: (84-511) 3888 666; Fax: (84-511) 3888 879
- Email: sales@dsp.vn
- Website: www.dsp.com.vn

5. IT PARK OF VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

- Address: Quarter 6, Linh Trung Ward, Thu Duc Dist, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 23 ha
- Size of office space: 8,482 m²
- Tel: (84-8) 3724 4000; Fax: (84-8) 3724 2058
- Email: vanphong@vnu-itp.edu.vn
- Website: www.vnu-itp.edu.vn

6. E-TOWN

- Address: 364 Cong Hoa Str, Tan Binh Dist, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 3.5 hecta includes 7 Buildings (eTown1, eTown2, eTown3, eTown4, eTown-EW, REE head-quarter and complex sport eTown)
- Size of office space: 80,000 m²
- Tel: (84) 8 3810 4462 Fax: (84) 8 3810 6816
- E-mail: sales@etown.com.vn
- Website: www.etown.com.vn

7. CAN THO SOFTWARE PARK

- Address: 29 CMT8, Ninh Kieu Dist, Can Tho City, Viet Nam
- Size of office space: 1,656 m²
- Tel: (84-71) 3761 937; Fax: (84-71) 3761 937
- E-mail: canthosoft@csp.com.vn
- Website: www.csp.com.vn

12'

SỐ QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG HOẠT ĐỘNG

Quý IDG Venture Việt Nam

Văn phòng tại Hà Nội

Địa chỉ: Tòa tháp B Vincom City Tower, Tầng 15, Phòng 2&3, 191 phố Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2220 0348

Fax: (84-4) 2220 0349

Văn phòng tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tòa nhà Sunwah, Tầng 11, Phòng 1108, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3827 8888

Fax: (84-8) 3827 8899

Website: www.idgvv.com.vn

- Năm thành lập: 2004

- Số vốn đăng ký: 100 triệu USD

- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu:

+ Moore Corp

+ Yeuamnhac Group

Công ty Tài chính quốc tế (IFC)

Địa chỉ: Somerset Chancellor Court, Unit 3B, Lầu 3, 21-23 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3823 5266

Fax: (84-8) 3823 5271

Website: www.worldbank.org.vn/TV/strategy/ifc.htm

- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu:

+ Công ty Cổ phần Mạng thanh toán VINA (Paynet)

Quý DFJ VinaCapital L.P. (VinaCapital)

Địa chỉ: Phòng 1711, Tầng 17, Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8821 9930

Fax: (84-8) 8821 9931

Website: www.dfv-vinacapital.com

- Năm thành lập: 2006

- Số vốn quản lý: 50 triệu USD

- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu:

+ Chicilon Media

+ Gapit

+ TimNhanh (www.timnhanh.com,
www.kiemviec.com)

Quý Mekong Capital (Mekong Enterprise Fund)

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Capital Place, 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3827 3161

Fax: (84-8) 3827 3162

Website: www.mekongcapital.com

- Năm thành lập: 2002

- Một số địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu:

+ DigiWorld

+ F-Soft

IDG Venture Vietnam (IDGVV)**Office in Ha Noi**

Address: Room 2&3, Level 15, Unit B Vincom City Tower,
191 Ba Trieu Str, Hai Ba Trung Dist, Ha Noi,
Viet Nam

Telephone: (84-4) 2220 0348

Fax: (84-4) 2220 0349

Office in Ho Chi Minh City

Address: Level 11, Room 1108, Sunwah Building, 115
Nguyen Hue Str, Dist.1, Ho Chi Minh City,
Viet Nam

Telephone: (84-8) 3827 8888

Fax: (84-8) 3827 8899

Website: www.idgvv.com.vn

- Established year: 2004

- Fund's capital: 100 triệu USD

- Typical portfolio's companies:

+ Moore Corp

+ Yeuamnhac Group

International Finance Corporation (IFC) - WB

Address: Somerset Chancellor Court, Unit 3B, Level 3,
21-23 Nguyen Thi Minh Khai, Dist 1, Ho Chi
Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3823 5266

Fax: (84-8) 3823 5271

Website: www.worldbank.org.vn/TV/strategy/ifc.htm

- Typical portfolio company:

+ Paynet Incorporation (Paynet)

DFJ VinaCapital L.P. (VinaCapital)

Address: Suite 1711, 17th Floor, Sun Wah Tower, 115
Nguyen Hue. Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3821 9930

Fax: (84-8) 3821 9931

Website: www.djf-vinacapital.com

- Established Year: 2006

- Fund's capital: USD 50 millions

- Typical portfolio companies:

+ Chicilon Media

+ Gapit

+ TimNhanh (www.timnhanh.com,
www.kiemviec.com)

Mekong Capital (Mekong Enterprise Fund)

Address: Capital Place, Level 8, No 6 Thai Van Lung Str,
Dist.1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3827 3161

Fax: (84-8) 3827 3162

Website: www.mekongcapital.com

- Established year: 2002

- Typical Portfolio companies:

+ DigiWorld

+ F-Soft

13'

CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

13.1 Đảng Cộng sản Việt Nam

Website: www.dangcongsan.vn

13.3 Chính phủ Việt Nam

Website: www.chinhphu.vn

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Bộ Quốc phòng

Địa chỉ: Số 7 Nguyễn Tri Phương, Quận Ba Đình, Hà Nội

Bộ Công an

Địa chỉ: Số 44 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.mps.gov.vn

Bộ Ngoại giao

Địa chỉ: Số 01 Tôn Thất Đàm, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.mofa.gov.vn

Bộ Tư pháp

Địa chỉ: Số 60 Trần Phú, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.moj.gov.vn

Bộ Tài chính

Địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.mof.gov.vn

Bộ Công thương

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.moit.gov.vn

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.molisa.gov.vn

Bộ Giao thông vận tải

Địa chỉ: Số 80 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.mt.gov.vn

Bộ Xây dựng

Địa chỉ: Số 37 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: www.xaydung.gov.vn

Bộ Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Du, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.mic.gov.vn

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ: Số 49 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: www.moet.gov.vn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: Số 02 Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.agroviet.gov.vn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Địa chỉ: Số 6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.mpi.gov.vn

Bộ Nội vụ

Địa chỉ: Số 8 Tôn Thất Thuyết, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.moha.gov.vn

Bộ Y tế

Địa chỉ: Số 138A Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.moh.gov.vn

13.2 Quốc hội Việt Nam

Website: www.na.gov.vn

Bộ Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: Số 39 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.most.gov.vn

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Địa chỉ: Số 51- 53, Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.cinet.gov.vn

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: Số 83 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Website: www.monre.gov.vn

Văn phòng Chính phủ

Địa chỉ: Số 01 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.vpcp.chinhphu.vn

Thanh tra Chính phủ

Địa chỉ: Số 220 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.thanhtra.gov.vn

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Địa chỉ: Số 47 - 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.sbv.gov.vn

Ủy ban dân tộc

Địa chỉ: Số 80-82 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.cema.gov.vn

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 1 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.vass.gov.vn

Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ: Số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.vast.ac.vn

Thông tấn xã Việt Nam

Địa chỉ: Số 79 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.vnanet.vn

Đài Tiếng nói Việt Nam

Địa chỉ: Số 58 Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.vov.vn

Đài Truyền hình Việt Nam

Địa chỉ: Số 43 Nguyễn Chí Thanh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.vtv.vn

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 7 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.baohiemxahoi.gov.vn

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 135 Nguyễn Phong Sắc, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.hcma.vn

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 17 Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội

Website: www.bqlang.gov.vn

13 AGENCIES OF VIETNAM POLITICAL SYSTEM

13.1 Viet Nam Communist Party

Website: www.dangcongsan.vn

13.3 Viet Nam Government

Website: www.chinhphu.vn

Ministries, Ministerial-level agencies, Government's agencies

Ministry of National Defence (MND)

Address: No 7 Nguyen Tri Phuong, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Ministry of Public Security (MPS)

Address: No 44 Yet Kieu, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mps.gov.vn

Ministry of Foreign Affairs (MOFA)

Address: No 01 Ton That Dam, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mofa.gov.vn

Ministry of Justice (MOJ)

Address: No 60 Tran Phu, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moj.gov.vn

Ministry of Finance (MOF)

Address: No 28 Tran Hung Dao, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mof.gov.vn

Ministry of Industry and Trade (MOIT)

Address: No 54 Hai Ba Trung, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moit.gov.vn

Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs (MOLISA)

Address: No 12 Ngo Quyen, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.molisa.gov.vn

Ministry of Transport (MOT)

Address: No 80 Tran Hung Dao, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mt.gov.vn

Ministry of Construction (MOC)

Address: No 37 Le Dai Hanh, Hai Ba Trung, Ha Noi, Viet Nam

Website: www.xaydung.gov.vn

Ministry of Information and Communications (MIC)

Address: No 18 Nguyen Du, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mic.gov.vn

Ministry of Education and Training (MOET)

Address: No 49 Dai Co Viet, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moet.gov.vn

Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD)

Address: No 02 Ngoc Ha, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.agroviet.gov.vn

Ministry of Planning and Investment (MPI)

Address: No 6B Hoang Dieu, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mpi.gov.vn

Ministry of Home Affairs (MOHA)

Address: No 8 Ton That Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moha.gov.vn

Ministry of Health (MOH)

Address: No 138A Giang Vo, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moh.gov.vn

13.2 Viet Nam National Assembly

Website: www.na.gov.vn

Ministry of Science and Technology (MOST)

Address: No 39 Tran Hung Dao, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.most.gov.vn

Ministry of Culture, Sports and Tourism (MOCST)

Address: Số 51- 53 Ngo Quyen, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.cinet.gov.vn

Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE)

Address: No 83 Nguyen Chi Thanh, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.monre.gov.vn

Office of the Government (GO)

Address: No 01 Hoang Hoa Tham, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vpcp.chinhphu.vn

Government Inspectorate (GI)

Address: No 220 Doi Can, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.thanhtra.gov.vn

The State Bank of Viet Nam (SBV)

Address: No 47-49 Ly Thai To, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.sbv.gov.vn

Committee for Ethnic Minority Affairs (CEMA)

Address: No 80-82 Phan Dinh Phung, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.cema.gov.vn

Viet Nam Academy of Social Sciences

Address: No 01 Lieu Giai Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vass.gov.vn

Viet Nam Academy of Science and Technology

Address: No 18 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vast.ac.vn

Viet Nam News Agency

Address: No 79 Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vnnet.vn

Radio the Voice of Viet Nam

Address: Số 58 Quan Su Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vov.vn

Viet Nam Television

Address: No 43 Nguyen Chi Thanh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vtv.vn

Viet Nam Social Insurance

Address: No 7 Trang Thi Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.baohiemxahoi.gov.vn

Ho Chi Minh National Academy of Politics and Public Administration

Address: No 135 Nguyen Phong Sac Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.hcma.vn

Management Board of Ho Chi Minh Mausoleum

Address: No 17 Ngoc Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.bqllang.gov.vn

13.4 Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao

Địa chỉ: Số 44 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.vksndtc.gov.vn

13.6 Kiểm toán Nhà nước Việt Nam

Địa chỉ: Số 111 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Website: www.kiemtoannn.gov.vn

13.7 Các tổ chức chính trị - xã hội

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Địa chỉ: Số 82 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.congdoanvn.org.vn

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 62 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.doanthanhnien.vn

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Địa chỉ: Số 39 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: www.hoilhpn.org.vn

13.5 Tòa án Nhân dân Tối cao

Địa chỉ: Số 48 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.toaan.gov.vn

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Địa chỉ: Số 46 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.mattran.org.vn

Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Địa chỉ: Số 34 Lý Nam Đế, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.cuuchienbinh.com.vn

Hội Nông dân Việt Nam

Địa chỉ: Số 34 Lý Nam Đế, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.hoinongdan.org.vn

13.4 Supreme People's Procuracy of Viet Nam

Address: No 44 Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vksndtc.gov.vn

13.6 State Audit Office of Viet Nam

Address: No 111 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.kiemtoannn.gov.vn

13.7 Social and Political Organizations

Viet Nam General Confederation of Labour

Address: No 82 Tran Hung Dao, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.congdoanvn.org.vn

Ho Chi Minh Communist Youth Union

Address: No 62 Ba Trieu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.doanthanhnien.vn

Viet Nam Women's Union

Address: No 39 Hang Chuoi, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.hoilhpn.org.vn

13.5 Supreme People's Court of Viet Nam

Address: No 48 Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.toaan.gov.vn

Viet Nam Fatherland Front

Address: No 46 Trang Thi Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mattran.org.vn

Veterans Association of Viet Nam

Address: No 34 Ly Nam De Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.cuuchienbinh.com.vn

Viet Nam Farmers' Union

Address: No 103 Quan Thanh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.hoinongdan.org.vn



14 CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP THUỘC BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Vụ Bưu Chính

Điện thoại: (84-4) 3822 6625; Fax: (84-4) 3822 6954

Email: vanthubuuchinh@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Vụ Viễn thông

Điện thoại: (84-4) 3943 6608; Fax: (84-4) 3943 6607

Email: vanthuvienthong@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Vụ Công nghệ thông tin

Điện thoại: (84-4) 3943 6404; Fax: (84-4) 3943 6927

Email: vanthucntt@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Vụ Khoa học Công nghệ

Điện thoại: (84-4) 3943 7328; Fax: (84-4) 3943 7328

Email: vanthukhcn@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Vụ Kế hoạch Tài chính

Điện thoại: (84-4) 3943 7077; Fax: (84-4) 3822 8869

Email: vanthukhtc@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Vụ Hợp tác quốc tế

Điện thoại: (84-4) 3943 0204; Fax: (84-4) 3822 6590

Email: vanthuhtqt@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Vụ Pháp chế

Điện thoại: (84-4) 3943 1909; Fax: (84-4) 3943 7313

Email: vanthuphapche@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Vụ Tổ chức cán bộ

Điện thoại: (84-4) 3943 1814; Fax: (84-4) 3943 1814

Email: vanthutccb@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông

Điện thoại: (84-4) 3556 3852; Fax: (84-4) 3556 3855

Email: vanthuthanhtra@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Văn phòng Bộ

Điện thoại: (84-4) 3822 5283; Fax: (84-4) 3826 3477

Email: vanphongbo@mic.gov.vn

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Cơ quan đại diện của MIC tại TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3822 1824; Fax: (84-8) 3822 2988

Email: vanthucqddtphcm@mic.gov.vn

Địa chỉ: 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận I, TP. Hồ Chí Minh

Cơ quan đại diện của MIC tại TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 389 7959; Fax: (84-511) 389 7466

Email: daidiendanang@mic.gov.vn

Địa chỉ: 42 Trần Quốc Toàn, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Cục Tần số vô tuyến điện

Điện thoại: (84-4) 3556 4919; Fax: (84-4) 3556 4930

Website: www.rfd.gov.vn

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, Hà Nội

Cục Quản lý chất lượng CNTT và TT

Điện thoại: (84-4) 3782 0990; Fax: (84-4) 3782 0998

Website: www.ptqc.gov.vn

Địa chỉ: Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Cục Ứng dụng công nghệ thông tin

Điện thoại: (84-4) 3782 1766; Fax: (84-4) 3537 8208

Website: www.diap.gov.vn

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà 9 tầng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông, Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Cục Báo chí

Điện thoại: (84-4) 3944 6295; Fax: (84-4) 3944 6287

Email: vanthucucbaochi@mic.gov.vn

Địa chỉ: 50 Thi Sách, Hà Nội

Cục Xuất bản

Điện thoại: (84-4) 3828 5697; Fax: (84-4) 3828 7738

Email: vanthucucxb@mic.gov.vn

Địa chỉ: Số 10 Đường Thành, Hà Nội

Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Điện thoại: (84-4) 3944 8035 ; Fax: (84-4) 3944 8036

Email: vanthucucqlpth@mic.gov.vn

Địa chỉ: 17 Trần Quốc Toàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

14

ORGANIZATIONS OF THE MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS

Department of Post

Tel: (84-4) 3822 6625; Fax: (84-4) 3822 6954
 Email: vanthubuuchinh@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Department of Telecommunications

Tel: (84-4) 39436608; Fax: (84-4) 3943 6607
 Email: vanthuvienthong@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Department of Information Technology

Tel: (84-4) 3943 6404; Fax: (84-4) 3943 6927
 Email: vanthucntt@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Department of Science and Technology

Tel: (84-4) 3943 7328; Fax: (84-4) 3943 7328
 Email: vanhukhcn@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Department of Planning and Finance

Tel: (84-4) 3943 7077; Fax: (84-4) 3822 8869
 Email: vanhukhtc@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Department of International Cooperation

Tel: (84-4) 3943 0204; Fax: (84-4) 3822 6590
 Email: vanhuhqtq@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Department of Legal Affairs

Tel: (84-4) 3943 1909; Fax: (84-4) 3943 7313
 Email: vanhuphapche@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Department of Personnel and Organization

Tel: (84-4) 3943 1814; Fax: (84-4) 3943 1814
 Email: vanhutccb@mic.gov.vn
 Địa chỉ: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Ministry Inspectorate

Tel: (84-4) 3556 3852; Fax: (84-4) 3556 3855
 Email: vanhuthanhtra@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Ministry Office

Tel: (84-4) 3822 5283; Fax: (84-4) 3826 3477
 Email: vanphongbo@mic.gov.vn
 Address: 18 Nguyen Du, Ha Noi

Representative Office of MIC in Ho Chi Minh City

Tel: (84-8) 3822 1824; Fax: (84-8) 3822 2988
 Email: vanthucqddtphcm@mic.gov.vn
 Address: 27 Nguyen Binh Khiem, Dist. 1, Ho Chi Minh City

Representative Office of MIC in Danang

Tel: (84-511) 389 7959; Fax: (84-511) 389 7466
 Email: daidiendanang@mic.gov.vn
 Address: 42 Tran Quoc Toan, Hai Chau Dist., Da Nang

Authority of Radio Frequency Management

Tel: (84-4) 3556 4919; Fax: (84-4) 3556 4930
 Website: www.rfd.gov.vn
 Address: 115 Tran Duy Hung, Ha Noi

Authority of Information and Communications Technology Quality Control

Tel: (84-4) 3782 0990; Fax: (84-4) 3782 0998
 Website: www.ptqc.gov.vn
 Address: Yen Hoa, Cau Giay Dist., Ha Noi

Authority of information Technology Application

Tel: (84-4) 3782 1766; Fax: (84-4) 3537 8208
 Website: www.diap.gov.vn
 Address: Floor 8, AICTQC Building, Cau Giay Dist., Ha Noi

Authority of Press

Tel: (84-4) 3944 6295; Fax: (84-4) 3944 6287
 Email: vanthucucbaochi@mic.gov.vn
 Address: 50 Thi Sach, Ha Noi

Authority of Publication

Tel: (84-4) 3828 5697; Fax: (84-4) 3828 7738
 Email: vanthucucxb@mic.gov.vn
 Address: 10 Duong Thanh, Ha Noi

Authority of Broadcasting and Electronic Information

Tel: (84-4) 3944 8035; Fax: (84-4) 3944 8036
 Email: vanthucucqlpth@mic.gov.vn
 Address: 17 Tran Quoc Toan, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi

Cục Thông tin đối ngoại

Điện thoại: (84-4) 3767 6666; Fax: (84-4) 3767 5959

Email: vanthuccttdn@mic.gov.vn

Địa chỉ: Số 7 Yết Kiêu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Viện Chiến lược thông tin và truyền thông

Điện thoại: (84-4) 3556 5340; Fax: (84-4) 3556 7399

Website: www.niics.gov.vn

Địa chỉ: Tầng 7, 115 Trần Duy Hưng, Hà Nội

Trung tâm Internet Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3556 4944; Fax: (84-4) 3782 1462

Website: <http://www.vnnic.vn>

Địa chỉ: Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Trung tâm Thông tin

Điện thoại: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458

Email: tt_tt@mic.gov.vn

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, Hà Nội

Tạp chí Công nghệ thông tin và truyền thông

Điện thoại: (84-4) 3773 7136; Fax: (84-4) 3773 7130

Website: www.tapchibcvtt.gov.vn

Địa chỉ: 95E Lý Nam Đế, Hà Nội

Báo Bưu điện Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 9898; Fax: (84-4) 3936 9364

Website: www.ictnews.vn

Địa chỉ: 40A Hàng Bài, Hà Nội

Trung tâm Báo chí và Hợp tác truyền thông quốc tế

Điện thoại: (84-4) 3824 5621; Fax: (84-4) 3825 0546

Email: vanthuttbchttqt@mic.gov.vn

Địa chỉ: 61 Thợ Nhuộm, Hà Nội

Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông

Điện thoại: (84-4) 3766 5959; Fax: (84-4) 3766 8994

Website: www.mic-edu.vn

Địa chỉ: Số 48 Đào Tấn, Quận Ba Đình, Hà Nội

Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 6656 6708; Fax: (84-4) 3782 1632

Website: www.nisci.gov.vn

Địa chỉ: Tòa nhà Cục Quản lý chất lượng CNTT&TT, Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông

Điện thoại: (84-4) 3577 2139; Fax: (84-4) 3577 2037

Website: www.nxbthongtintruyenthong.vn

Địa chỉ: SN 75, ngõ 5, phố Hoàng Tích Trí, phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội

Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3537 7738; Fax: (84-4) 3537 7742

Website: www.mic.gov.vn

Địa chỉ: Số 3 Dãy A, Lô 1, Khu Đô thị Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Quý dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3766 3355; Fax: (84-4) 3943 6769

Website: www.vtf.vn

Địa chỉ: Tòa nhà số 7, Ngõ 1160 (Ngõ chùa Nền), Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 36404423; Fax: (84-4) 3640 4425

Website: www.vncert.gov.vn

Địa chỉ: A12 lô 11 khu đô thị Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Trường Cao đẳng CNTT Hữu nghị Việt - Hàn

Điện thoại: (84-511) 3962 962; Fax: (84-511) 3963 964

Email: vanthuhunghivietnam@mic.gov.vn

Địa chỉ: Phường Hòa Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Trường Cao đẳng Công nghiệp In

Điện thoại: (84-4) 3764 4489; Fax: (84-4) 3764 1933

Email: vanthucaodangin@mic.gov.vn

Địa chỉ: Đường 32, Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

Báo điện tử VietnamNet

Điện thoại: (84-4) 3772 2729; Fax: (84-4) 3772 2734

Website: www.vietnamnet.vn

Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Hà Nội

Authority of Foreign Information Service

Tel: (84-4) 3767 6666; Fax: (84-4) 3767 5959
 Email: vanthucuctdn@mic.gov.vn
 Address: No 7 Yet Kieu, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi

National Institute of information and Communication Strategy

Tel: (84-4) 3556 5340; Fax: (84-4) 3556 7399
 Website: www.niics.gov.vn
 Address: Floor 7, 115 Tran Duy Hung, Ha Noi

Viet Nam Internet Network Information Center

Tel: (84-4) 3556 4944; Fax: +84-4 3782 1462
 Website: www.vnnic.vn
 Address: Yen Hoa, Cau Giay Dist., Ha Noi

Information Center

Tel: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458
 Email: tt_tt@mic.gov.vn
 Address: 115 Tran Duy Hung, Ha Noi

Information Technology and Communications Journal

Tel: (84-4) 3773 7136; Fax: (84-4) 3773 7130
 Email: tc.ttbd@mic.gov.vn
 Address: 95E Ly Nam De, Ha Noi

Viet Nam Post News

Tel: (84-4) 3936 9898; Fax: (84-4) 3936 9364
 Website: www.ictnews.vn
 Address: 40A Hang Bai, Hanoi

Center for Press and International Communications Cooperation

Tel: (84-4) 3824 562; Fax: (84-4) 3825 0546
 Email: vanthuttbchttqt@mic.gov.vn
 Address: 61 Tho Nhuom, Ha Noi

Information and Communication Public Management School

Tel: (84-4) 3766 5959; Fax: (84-4) 3766 8994
 Website: www.mic-edu.vn
 Address: 48 Dao Tan, Ba Dinh Dist., Ha Noi

Vietnam Institute of Software and Digital Content Industry

Tel: (84-4) 6656 6708; Fax: (84-4) 3782 1632
 Website: www.nisci.gov.vn
 Address: AICTQC Building, Yen Hoa, Cau Giay Dist., Ha Noi

Information and Communications Publishing House

Tel: (84-4) 3577 2139; Fax: (84-4) 3577 2037
 Website: www.nxbthongtintruyenthong.vn
 Address: 75, Alley 5, Hoang Tich Tri Str., Kim Lien Ward, Dong Da Dist., Ha Noi

Viet Nam ICT Project Management Unit

Tel: (84-4) 3537 7738; Fax: (84-4) 3537 7742
 Website: www.mic.gov.vn
 Address: No 3, Lane A, Block 1, Trung Yen Urban Area, Cau Giay Dist., Ha Noi

Viet Nam Public Utility Telecommunications Service Fund

Tel: (84-4) 3766 3355; Fax: (84-4) 3943 6769
 Website: www.vtf.vn
 Address: No 7, Alley 1160, Lang Str., Dong Da Dist., Ha Noi

Viet Nam Computer Emergency Response Teams (VNCERT)

Tel: (84-4) 3640 4423; Fax: (84-4) 3640 4425
 Website: www.vncert.gov.vn
 Address: A2/11 Dinh Cong, Ha Noi

Viet Nam - Korea Friendship Information Technology College

Tel: (84-511) 3962 962; Fax: (84-511) 3963 964
 Email: vanthuhunghiviethan@mic.gov.vn
 Address: Hoa Quy ward, Ngu Hanh Son Dist., Danang City

Printing Technology College

Tel: (84-4) 3764 4489; Fax: (84-4) 3764 1933
 Email: vanthucaodangin@mic.gov.vn
 Address: Road 32, Phu Dien, Tu Liem, Ha Noi

Viet Nam Net

Tel: (84-4) 3772 2729; Fax: (84-4) 3772 2734
 Website: www.vnn.vn
 Address: No 4 Lang Ha Str., Ha Noi

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM 2011

VIETNAM INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY 2011

Chịu trách nhiệm nội dung

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Mã số: QT01 Hm09

In 3000 bản, khổ 18,5 x 25,7 cm tại Xí nghiệp In số 1, Nhà xuất bản Bản đồ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 630-2011/CXB/2-195/TTTT

Số quyết định xuất bản: 139/QĐ-NXB TTTT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2011

LÀM NHIỀU HƠN TRONG THẾ GIỚI KẾT NỐI


READERS' CHOICE
AWARDS 2010
telecomasia

BSS Vendor
of the Year

Special Editor
Recognition Award –
Most Innovative
Vendor of the Year

LÀM NHIỀU HƠN VỚI CÁC MẠNG THÔNG MINH HƠN

LÀM NHIỀU HƠN VỚI HỘI TỤ ĐA CHIỀU

LÀM NHIỀU HƠN ĐỂ ĐÁP ỨNG TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG
Ở BẤT KỲ NƠI Đâu

LÀM NHIỀU HƠN ĐỂ TỐI ƯU HÓA HOẠT ĐỘNG

amdocs

www.amdocs.com

CÁC HỆ THỐNG TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG CẢI TIẾN

Vietnam Information and Communication Technology White Book

Vietnam ICT White Book is published by National Steering Committee on ICT and Ministry of Information and Communications. The White book provide official data on the Postal, Telecommunications, Information and Communications fields in Vietnam to support State management agencies in planning, conducting and building appropriate policies, mechanisms, providing information to domestic and overseas enterprises and foreign investors for setting up their business strategy orientations and to attract foreign investment to Vietnam.



Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về CNTT trân trọng cảm ơn Công ty TNHH Amdocs Việt Nam, Yahoo! Việt Nam, Tập đoàn VNPT đã tài trợ và Công ty Media One đã tham gia thực hiện tài liệu này

The Office of National Steering Committee on ICT would like to thank to Amdocs Vietnam Company Limited, Yahoo! Vietnam, VNPT Group for sponsoring and Media One JSC for supporting to publish this document

Tài trợ vàng (Gold sponsor)

amdocs

Đồng tài trợ (Co-sponsor)

YAHOO!
VIỆT NAM

VIỆT NAM
VIỆT NAM

Phối hợp thực hiện
In cooperation with

